

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2400913061

Đăng ký lần đầu: ngày 23 tháng 06 năm 2021

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 08 tháng 02 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VINA DAE-A

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINA DAE-A COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VINA DAE-A CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô CN-10, khu Công nghiệp Hòa Phú, Xã Mai Đình, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 02043563888

Fax:

Email: vinadaea@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ

190.603.000.000 đồng

*Bằng chữ: Một trăm chín mươi tỷ sáu trăm lẻ ba triệu đồng
(tương đương: 8.287.153 USD)*

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: DAE-A HITECH CO.,LTD

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 5148137607

Ngày cấp: 26/06/2000 Nơi cấp: Phòng thuế quân Namdaegu, Hàn Quốc

Địa chỉ trụ sở chính: 135, Gukgasandanseo-ro 71-gil, Guji-myeon, Dalseong-gun, Daegu,, Hàn Quốc

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: KIM JONG YEOL

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 05/10/1967

Dân tộc: Quốc tịch:

Hàn Quốc

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: M20340922

Ngày cấp: 02/10/2019

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Hàn Quốc

Địa chỉ thường trú: 135, Gukgasandanseo-ro 71-gil, Guji-myeon, Dalseong – gun, Daegu, Daegu., Hàn Quốc

Địa chỉ liên lạc: Số 08, Đường Võ Cường, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



NGUYỄN VŨ ĐIỂN



Số:



GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Tỉnh Bắc Giang*

Địa chỉ trụ sở: *Đường Nguyễn Gia Thiều, Phường Trần Phú, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Điện thoại: 02043.823139 - 02043.701999 Fax:

Email: *phong_dkkd_skhdt@bacgiang.gov.vn* Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH VINA DAE-A

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 2400913061

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|--|--|
| 1 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê nhà xưởng (Không bao gồm hoạt động đấu giá) | 6810 |
| 2 | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu chi tiết: + Sản xuất, gia công, vỏ máy và phụ kiện của vỏ máy thiết bị văn phòng (máy in, máy photo, máy scan); + Sản xuất, gia công vỏ máy và phụ kiện của vỏ máy ATM, máy POS (máy quét thẻ để thanh toán); | 2599(Chính) |
| 3 | (Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

Nơi nhận:

-CÔNG TY TNHH VINA DAE-A. Địa
chỉ:Lô CN-10, khu Công nghiệp Hòa Phú,
Xã Mai Đình, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc
Giang, Việt Nam

-.....;

- Lưu: Nguyễn Vũ Điện.....

TRƯỞNG PHÒNG



NGUYỄN VŨ ĐIỆN



UBND TỈNH BẮC GIANG
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 9831604867

Chứng nhận lần đầu: Ngày 18 tháng 6 năm 2021

Chứng nhận thay đổi lần thứ năm: Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp (KCN) tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 691/2016/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (CNĐKĐT) mã số dự án 9831604867 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 18/6/2021, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 15/4/2022;

Căn cứ văn bản và hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy CNĐKĐT của Công ty TNHH Vina Dae-A nộp ngày 22/8/2022,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG
CHỨNG NHẬN

Điều 1: Nhà đầu tư

1. Tên nhà đầu tư: DAE-A HITECH CO.,LTD.

Giấy chứng nhận thành lập số: 514-81-37607; do Phòng thuế quận Namdaegu, Hàn Quốc cấp ngày: 26/6/2000.

Địa chỉ trụ sở: 135, Gukgasandanse-ro 71-gil, Guji-myeon, Dalseong-gun, Daegu, Hàn Quốc.

2. Thông tin người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư

Họ và tên: KIM JONG YEOL

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 05/10/1967

Quốc tịch: Hàn Quốc

Hộ chiếu: M20340922

Ngày cấp: 02/10/2019

Cơ quan cấp: Bộ Ngoại giao Hàn Quốc

Địa chỉ thường trú/chỗ ở hiện tại: 142, Sangwon-ro, Dalseo-gu, Daegu, Hàn Quốc

3. Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

Tên tổ chức kinh tế: CÔNG TY TNHH VINA DAE-A

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400913061 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang, cấp lần đầu ngày 23/6/2021, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 07/02/2022.



Điều 2. Nội dung dự án đầu tư

Nhà đầu tư đăng ký điều chỉnh mục tiêu và thời hạn thực hiện vốn vay của dự án “Nhà máy Vina Dae-A” kèm theo Giấy CNĐKĐT mã số dự án 9831604867 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 18/6/2021, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 15/4/2022 như sau:

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY VINA DAE-A

2. Địa điểm thực hiện dự án: Lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

3. Diện tích đất sử dụng: 10.374 m².

4. Mục tiêu của dự án:

- Sản xuất các sản phẩm bằng kim loại chưa được phân vào đầu, chi tiết:
 - + Sản xuất, gia công vỏ máy và phụ kiện của vỏ máy thiết bị văn phòng như: máy in, máy photo, máy scan;
 - + Sản xuất, gia công vỏ máy và phụ kiện của vỏ máy ATM, máy POS (máy quét thẻ để thanh toán).
- Cho thuê một phần nhà xưởng.

5. Quy mô của dự án:

- Sản xuất, gia công vỏ máy và phụ kiện của vỏ máy thiết bị văn phòng như: máy in, máy photo, máy scan: 300.000 sản phẩm/năm;
- Sản xuất, gia công vỏ máy và phụ kiện của vỏ máy ATM, máy POS (máy quét thẻ để thanh toán: 50.000 sản phẩm/năm.
- Diện tích nhà xưởng cho thuê: 5.000 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 305.603.000.000 VNĐ (Ba trăm linh năm tỷ sáu trăm linh ba triệu đồng Việt Nam), tương đương 13.287.153 USD (Mười ba triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn một trăm năm mươi ba đô la Mỹ).

6.1. Phương thức, giá trị và tỷ lệ góp vốn đầu tư của dự án:

- Vốn góp chủ sở hữu: 190.603.000.000 VNĐ tương đương 8.287.153 USD, chiếm tỷ lệ 62,36% tổng vốn đầu tư của dự án. Trong đó:
 - + Góp bằng tiền mặt: 149.500.000.000 VNĐ tương đương 6.500.000 USD.
 - + Góp bằng máy móc, thiết bị: 41.103.000.000 VNĐ tương đương 1.787.153 USD.
- Vốn vay và huy động: 115.000.000.000 VNĐ tương đương 5.000.000 USD chiếm tỷ lệ 37,64% tổng vốn đầu tư của dự án.

6.2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

- Vốn góp chủ sở hữu: đã thực hiện;
- Vốn vay và huy động: 18 tháng kể từ ngày 18/6/2021 (Giãn 06 tháng);

7. Thời hạn hoạt động của dự án: đến ngày 20/5/2066.

8. Tiến độ thực hiện của dự án: Dự án đã đi vào hoạt động

Điều 3. Các ưu đãi, hỗ trợ đối với dự án đầu tư

Dự án đầu tư được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy CNĐKĐT lần đầu.

Điều 4. Các điều kiện đối với hoạt động của dự án

1. Chấp hành nghiêm các quy định và biện pháp liên quan đến xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Thực hiện đúng cam kết và quy định về công nghệ và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất; Tuân thủ luật Việt Nam và các nội dung của Giấy CNĐKĐT này trong quá trình hoạt động; Đăng ký cấp tài khoản của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài.

Đối với hoạt động cho thuê nhà xưởng Công ty phải hạch toán riêng và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với nhà nước và chỉ cho doanh nghiệp thứ cấp thuê lại nhà xưởng để thực hiện dự án theo đúng mục tiêu thu hút đầu tư vào khu công nghiệp của tỉnh Bắc Giang.

3. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định; chịu trách nhiệm về việc góp vốn và huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai dự án.

4. Thực hiện chế độ báo cáo và thống kê định kỳ gửi Ban Quản lý các KCN và Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang theo quy định.

Điều 5. Giấy CNĐKĐT này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy CNĐKĐT mã số dự án 9831604867 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 18/6/2021, thay đổi lần thứ tư ngày 15/4/2022.

Điều 6. Giấy CNĐKĐT này được lập thành 02 (hai) bản gốc, nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang./.

TRƯỞNG BAN



Đào Xuân Cường

Bắc Giang, ngày 25 tháng 8 năm 2021

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 25 .2021/GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Vina Dae-A.

Địa chỉ trụ sở: Lô CN-10, Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Nhà máy Vina Dae-A.

- Vị trí xây dựng công trình: Lô CN-10, Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Diện tích lô đất là: 10.374,05 m².

- Đơn vị khảo sát địa chất: Công ty CP tư vấn xây dựng Đất Việt.

- Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH Plan Add Việt Nam.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần tư vấn và thiết kế xây dựng STC.

- Đơn vị thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang (văn bản số 1945/KCN-TNMT ngày 02/8/2021)

- Cốt sân đường hoàn thiện theo Quy hoạch KCN Hòa Phú.

- Mật độ xây dựng: 61,1%; Hệ số sử dụng đất: 1,14 lần.

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Chỉ giới đường đỏ là ranh giới lô đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Chủ đầu tư; Chỉ giới xây dựng và vị trí xây dựng công trình theo sơ đồ bản vẽ cấp phép đính kèm.

- Tổng số công trình được cấp phép xây dựng là 09 hạng mục công trình: Nhà xưởng, Nhà bảo vệ, Nhà xe+phòng bơm+bể nước ngầm, Nhà rác, Trạm xử lý nước thải, Khu đặt bồn gas LPG, Khu đặt bồn Nito + bình Oxy, Khu máy lọc bụi, Khu đặt bồn bọt chữa cháy và bồn thu gom nước thải sản xuất, cụ thể:

2.1. Nhà xưởng (ký hiệu số 1 trên bản vẽ tổng mặt bằng):

- Diện tích xây dựng tầng 1: 5.717,9 m².

- Tổng diện tích sàn: 11.163,0 m².

- Chiều cao công trình: +15,0m.

- Số tầng: 02 tầng.

- Cốt nền xây dựng công trình: cốt +0,0 nền nhà cao hơn cốt sân đường nội bộ 0,30m.

2.2. Nhà bảo vệ (ký hiệu số 2 trên bản vẽ tổng mặt bằng):

- Diện tích xây dựng tầng 1: 18,0 m².

- Tổng diện tích sàn: 18,0 m².
- Chiều cao công trình: +3,3m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt nền xây dựng công trình: cốt +0,0 nền nhà cao hơn cốt sân đường nội bộ 0,25m.

2.3. Nhà xe+phòng bơm+bể nước ngầm (ký hiệu số 3 trên bản vẽ tổng mặt bằng):

- Diện tích xây dựng tầng 1: 381,7 m².
- Tổng diện tích sàn: 381,7 m².
- Chiều cao công trình: +3,5m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt nền xây dựng công trình: cốt +0,0 nền nhà xe cao hơn sân đường nội bộ 0,15m; cốt +0,0 nền phòng bơm cao hơn sân đường nội bộ 0,30m.

2.4. Nhà rác (ký hiệu số 4 trên bản vẽ tổng mặt bằng):

- Diện tích xây dựng tầng 1: 45,5 m².
- Tổng diện tích sàn: 45,5 m².
- Chiều cao công trình: +3,6m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt nền xây dựng công trình: cốt +0,0 nền nhà cao hơn cốt sân đường nội bộ 0,15m.

2.5. Trạm xử lý nước thải (ký hiệu số 6 trên bản vẽ tổng mặt bằng):

Gồm phòng điều khiển đặt trên cụm bể xử lý nước thải ngầm.

- Phòng điều khiển: Diện tích xây dựng 5,1 m²; tổng diện tích sàn 5,1 m²; số tầng 01 tầng; Chiều cao công trình +2,09m. Cốt +0,0 nền nhà cao hơn sân đường nội bộ 0,30m.

- Cụm bể xử lý nước thải (ngầm) gồm 02 phần chính: Bồn bể xử lý nước thải có sẵn đặt trên đế BTCT có kích thước 9,5m x 3,2m và Bể thu gom nước thải bằng BTCT có kích thước 2,6m x 1,24m sâu -2,9m.

2.6. Khu đặt bồn gas LPG (ký hiệu số 7 trên bản vẽ tổng mặt bằng):

- Diện tích xây dựng tầng 1: 35,5 m².
- Tổng diện tích sàn: 35,5 m².
- Chiều cao công trình: +3,3m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt nền xây dựng công trình: cốt +0,0 mặt bể cao hơn cốt sân đường nội bộ 0,15m.

2.7. Khu đặt bồn Nito + bình Oxy (ký hiệu số 8 trên bản vẽ tổng mặt bằng):

- Diện tích xây dựng tầng 1: 34,4 m².
- Tổng diện tích sàn: 34,4 m².
- Chiều cao công trình: +3,3m.

- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt nền xây dựng công trình: cốt +0,0 mặt bệ cao hơn cốt sân đường nội bộ 0,15m.

2.8. Khu máy lọc bụi (ký hiệu số 9 trên bản vẽ tổng mặt bằng):

- Diện tích xây dựng tầng 1: 80,2 m².
- Tổng diện tích sàn: 80,2 m².
- Chiều cao công trình: +3,3m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt nền xây dựng công trình: cốt +0,0 cao hơn cốt sân đường nội bộ 0,15m.

2.9. Khu đặt bồn bọt chữa cháy và bồn thu gom nước thải sản xuất (ký hiệu số 10 trên bản vẽ tổng mặt bằng):

- Diện tích xây dựng tầng 1: 23,3 m²
- Tổng diện tích sàn 23,3 m².
- Số tầng 01 tầng.
- Cốt nền xây dựng công trình: cốt +0,00 cao hơn cốt sân đường nội bộ 0,15m.

2.10. Các hạng mục phụ trợ khác: Cổng, tường rào, sân, đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước ngoài nhà, hệ thống cấp điện ngoài nhà, hệ thống PCCC được xây dựng, lắp đặt đồng bộ với các hạng mục công trình; cây xanh cảnh quan của dự án thiết kế trồng cây xanh bóng mát kết hợp cây xanh thảm cỏ theo hồ sơ thiết kế.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Hợp đồng cho thuê lại đất gắn liền với cơ sở hạ tầng tại KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang số: 98/2021/HĐTD-HPI ký ngày 01/7/2021 giữa Công ty TNHH Vina Dac-A và Công ty TNHH Hòa Phú Invest.

4. Hiệu lực khởi công: Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng từ ngày cấp; Nếu quá 12 tháng mà chưa khởi công công trình theo giấy phép thì chủ đầu tư phải đề nghị ra hạn giấy phép xây dựng theo quy định./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Vina Dac-A;
- Công ty TNHH Hòa Phú Invest;
- Lãnh đạo Ban;
- CB trực 1 cửa.
- Lưu: VT, TNMT.

**KT TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Như Long

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định (*Phụ lục V Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ*)

- Khi thi công xong phần nền móng các công trình (đến cốt +0.00 cốt xây dựng các tầng) báo cáo về Ban Quản lý các KCN để Ban cử người phối hợp kiểm tra nghiệm thu hạng mục công trình, làm cơ sở để triển khai thi công các hạng mục tiếp theo.

- Tổ chức lựa chọn các nhà thầu: Quản lý dự án, thi công, giám sát... có đủ năng lực theo quy định của pháp luật (chứng chỉ năng lực hoạt động của tổ chức, cá nhân).

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

6. Sau khi xây dựng hoàn thành công trình, chủ đầu tư gửi hồ sơ về Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang để tiến hành kiểm tra công tác nghiệm thu công trình, làm cơ sở cho việc bàn giao đưa công trình vào sử dụng theo quy định.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung Điều chỉnh/gia hạn:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

....., ngày ... tháng năm

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**
(ký tên, đóng dấu)

Số: **2127** /TD-PCCC**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1207/CV ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Công ty TNHH Vina DAE-A.

Người đại diện theo pháp luật là ông Lee Nam Weon; Chức vụ: Giám đốc.

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ**CHỨNG NHẬN:****Nhà máy Vina DAE-A**

Địa điểm xây dựng: Lô CN-10, Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Vina DAE-A.

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH Plan ADD Việt Nam và Công ty TNHH cơ khí – xây dựng Mạnh Cường CQ.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa; đường cho xe chữa cháy; giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; lối và đường thoát nạn;
- Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống chữa cháy bằng nước: trụ nước chữa cháy ngoài nhà, họng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước, bằng bọt;
- Hệ thống hút khói;
- Hệ thống chống sét; trang bị bình chữa cháy xách tay.

Quy mô công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2./

Nơi nhận:

- Cục Cảnh sát PCCC và CNCH;
- Công ty TNHH Vina DAE-A (để t/h);
- Lưu: PCCC.

Bắc Giang, ngày **13** tháng 7 năm 2021

TRƯỞNG PHÒNG**Thượng tá Nguyễn Viết Bình**

**QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ
ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy
số 2127/TD-PCCC ngày 23/7/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH)

| TT | Nội dung | Ghi chú |
|-----------|---|---------|
| I | QUY MÔ CÔNG TRÌNH | |
| | - Nhà máy gồm: + 01 Nhà xưởng sản xuất 02 tầng, diện tích tầng 1 là 5.703,075 m ² , tầng 2 là 5.569 m ² , khối tích công trình là 65.232 m ³ , chiều cao PCCC: 6,2 m + 01 nhà xe 01 tầng diện tích 388 m ² ; + 01 trạm cấp Gas (LPG) 02 tấn; | |
| II | DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ | |
| 1 | Thuyết minh | |
| 2 | Bản vẽ kiến trúc: A.04 đến A1.9.8 | |
| 3 | Bản vẽ kết cấu: S1-05 đến S-14 | |
| 4 | Chi tiết sơn chống cháy: SCC-01 đến SCC-03 | |
| 5 | Chi tiết bãi đỗ xe chữa cháy: BĐ-00 | |
| 6 | Chi tiết lối vào trên cao: BĐ-00 | |
| 7 | Hệ thống báo cháy tự động: BC-00 đến BC-06 | |
| 8 | Hệ thống đèn chỉ dẫn thoát nạn và đèn chiếu sáng sự cố: EX-01 đến EX-05 | |
| 9 | Hệ thống chữa cháy bằng nước: CC-01 đến CC-10 | |
| 10 | Hệ thống hút khói: TG-01 đến TG-03 | |
| 6 | Trạm cấp Gas:LPG-01 đến LPG-14 | |
| 7 | Hệ thống chống sét: CS-01. CS-02 | |

Lưu ý: Thông tin ghi tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các tiêu chí về quy hoạch, xây dựng./.

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư đối với
công trình: Nhà máy Vina DAE - A

Hồi 11 giờ 30 phút ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại công trình: Nhà máy Vina DAE - A, địa chỉ: Lô CN-10, khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chúng tôi gồm:

- 1, Đ/c Đại úy Nguyễn Văn Công – Cán bộ Đội Tham mưu;
- 2, Đ/c Thượng úy Trần Văn Việt - Cán bộ Đội Công tác phòng cháy.

Đã tiến hành kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình: Nhà máy Vina DAE - A.

Đại diện cơ sở là:

*** Chủ đầu tư: Công ty TNHH Vina DAE - A**

- 1, Ông: Lee Nam Weon - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc;
- 2, Ông: Hoàng Kim Hải - Chức vụ: Phiên dịch.

*** Đơn vị thi công xây dựng: Công ty TNHH Hana E&C**

- 1, Ông: Han Chi Ok - Chức vụ: Tổng giám đốc.

*** Đơn vị thi công PCCC: Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ và kỹ thuật điện Đại Dương**

- 1, Ông: Lê Trung Dương - Chức vụ: Phó giám đốc;
- 2, Ông: Vũ Quốc Hương - Chức vụ: Phó Chỉ huy trưởng công trường.

*** Đơn vị thi công sơn chống cháy: Công ty TNHH kỹ thuật thương mại và dịch vụ D4F**

- 1, Ông: Đỗ Văn Tuyên - Chức vụ: Giám đốc.

*** Đơn vị thi công vách thạch cao chống cháy: Công ty TNHH xây dựng HALICO**

- 1, Ông: Nguyễn Hải Anh - Chức vụ: Giám đốc.

*** Đơn vị thi công cửa chống cháy: Công ty TNHH thương mại Ngọc Anh**

- 1, Ông: Nguyễn Thế Anh - Chức vụ: Giám đốc.

TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NHƯ SAU:

1. Báo cáo của chủ đầu tư:

- Trong quá trình thi công xây dựng, Chủ đầu tư và các đơn vị thi công luôn đảm bảo an toàn về PCCC, không để xảy ra sự cố cháy, nổ;

- Chủ đầu tư và các đơn vị thi công cam kết và khẳng định về kết quả thi công, nghiệm thu về PCCC cho công trình đảm bảo theo đúng quy định, cụ thể như sau:

+ Về hồ sơ nghiệm thu, hoàn công: Đã bảo đảm số lượng, thành phần quy định tại Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP;

+ Về công tác thi công, lắp đặt: Đã bảo đảm theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt; các hệ thống đã được kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm và đang chạy thử hoạt động tốt.

+ Đối với các bộ phận, công trình khi thi công bị che khuất như: phần đường ống, dây dẫn... đi âm trong tường, trên trần giả, chôn ngầm... đều đã được nghiệm thu trước khi thực hiện các công việc tiếp theo bảo đảm theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC.

- Chủ đầu tư và các đơn vị thi công cam kết và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả nghiệm thu của mình. Đồng thời đề nghị đoàn tiến hành kiểm tra để đánh giá về công tác PCCC của công trình:

2. Kiểm tra hồ sơ:

Chủ đầu tư và đơn vị thi công đã lập hồ sơ nghiệm thu về PCCC, bao gồm:

- Công văn đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC số 05/DAE-A ngày 30/11/2021 của Công ty TNHH Vina DAE-A.

- Bản sao Giấy chứng nhận thiết kế về PCCC số 2127/TD-PCCC ngày 23/7/2021; Văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 3828/TD-PCCC&CNCH ngày 16/11/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH.

- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 8624/KĐ-PCCC-P7; 3143/KĐ-PCCC-P7 ngày 26/02/2020; 3412/KĐ-PCCC-P7 ngày 06/3/2020; 13211/KĐ-PCCC-P7 ngày 03/9/2020; 20560/KĐ-PCCC-P7 ngày 26/02/2020; 8794/KĐ-PCCC-P7 ngày 04/6/2021; 10258/KĐ-PCCC-P7 ngày 02/7/2021; 10592/KĐ-PCCC-P7 ngày 28/7/2021; 10772/KĐ-PCCC-P7 ngày 17/8/2021; 10847/KĐ-PCCC-P7 ngày 17/8/2021; 11322/KĐ-PCCC-P7 ngày 01/9/2021; 12236/KĐ-PCCC-P7 ngày 26/10/2021, 14028/KĐ-PCCC-P7 ngày 08/12/2021, 14031/KĐ-PCCC-P7 ngày 08/12/2021 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH, Bộ Công an.

- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 03/KĐ-PCCC ngày 08/01/2021; 161/KĐ-PCCC ngày 29/01/2021; 246/KĐ-PCCC-Đ2 ngày 05/5/2021; 305/KĐ-PCCC-Đ2 ngày 28/5/2021, 340/KĐ-PCCC-Đ2 ngày 11/6/2021; 357/KĐ-PCCC-Đ2 ngày 01/7/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an thành phố Hồ Chí Minh.

- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 95/KĐ-PCCC ngày 18/11/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh Bắc Ninh.

- Các biên bản thử nghiệm, nghiệm thu từng phần và nghiệm thu tổng thể các hạng mục, hệ thống phòng cháy và chữa cháy.

- Hồ sơ, bản vẽ hoàn công công trình.

Kết luận: Hồ sơ nghiệm thu về PCCC của chủ đầu tư thành phần thiếu Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC sơn chống cháy phủ lên bộ phận chịu lực do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ở Bắc Ninh và Hà Nội đơn vị thi công sơn chống cháy không nộp hồ sơ kiểm định được.

3. Kết quả kiểm tra thử nghiệm:

- Bậc chịu lửa: Chủ đầu tư cam kết đã sử dụng sơn chống cháy phủ lên các bộ phận chịu lực, cầu thang bộ (kết cấu thép) của công trình có thời gian đạt trạng thái tối hạn 90 phút.

- Đường cho xe chữa cháy: chiều rộng và chiều cao thông thủy đúng theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt và đảm bảo theo QCVN 06:2021/BXD.

- Lối ra thoát nạn, đường thoát nạn: Số lượng, kích thước đúng theo hồ sơ thiết kế được thẩm duyệt và đảm bảo theo QCVN 06:2021/BXD.

- Hệ thống chữa cháy bằng nước:

+ Máy bơm chữa cháy: Số lượng, thông số kỹ thuật, cách lắp đặt đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt và tiêu chuẩn quy định.

+ Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà: Độ cao lắp đặt họng nước chữa cháy đúng hồ sơ thiết kế được thẩm duyệt. Thử mở 02 họng nước ở vị trí cao và xa nhất đảm bảo 6m tia nước đặc.

+ Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà: Số lượng, vị trí, cách lắp đặt, lưu lượng của trụ chữa cháy và đường ống cấp nước chữa cháy ngoài nhà đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt và tiêu chuẩn quy định.

+ Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước: Số lượng, vị trí, cách lắp đặt đầu phun, lưu lượng và diện tích bảo vệ của 01 đầu phun đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt và tiêu chuẩn quy định.

+ Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng bọt: Số lượng, vị trí, cách lắp đặt đầu phun, lưu lượng và cơ chế hoạt động đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt và tiêu chuẩn quy định.

- Hệ thống báo cháy tự động:

+ Trung tâm báo cháy đặt tại phòng có người trực 24/24.

+ Kiểm tra thực tế: Số lượng, vị trí, độ cao lắp đặt đầu báo cháy tự động và nút ấn báo cháy đảm bảo theo thiết kế và tiêu chuẩn quy định. Khi thử tác động (thổi khói) vào đầu báo cháy bất kỳ hoặc tác động vào nút ấn báo cháy thì tín hiệu được truyền theo đúng kênh và hiển thị trên trung tâm báo cháy đặt tại phòng thường trực.

- Hệ thống chống sét: Thi công theo thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC, kết quả đo điện trở tiếp địa nhỏ hơn 10Ω .

- Bình chữa cháy: Vị trí lắp đặt, số lượng, khoảng cách theo đúng bản vẽ thiết kế được phê duyệt, đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định.

- Trang bị đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn: Được thi công theo đúng thiết kế thẩm duyệt. Khi cắt nguồn điện AC, đèn sáng bình thường theo chức năng thiết kế. Ký hiệu đối với đèn chỉ dẫn thoát nạn phù hợp với vị trí lắp đặt trên lối ra trên đường thoát nạn.

4. Kiến nghị:

Thường xuyên duy trì các hệ thống, thiết bị PCCC đã được nghiệm thu hoạt động đảm bảo theo quy chuẩn, tiêu chuẩn trong suốt quá trình đưa công trình vào sử dụng.

5. Kết luận:

Chủ đầu tư thi công, lắp đặt các giải pháp nâng bậc chịu lửa của công trình, lối ra thoát nạn, đường thoát nạn, đường cho xe chữa cháy, hệ thống hòng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước, bọt, hệ thống hút khói, hệ thống chống sét, trang bị đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn, bình chữa cháy xách tay của công trình: Nhà máy Vina DAE-A đúng theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC và đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn về PCCC. Tại thời điểm kiểm tra các hệ thống, phương tiện PCCC trên hoạt động bình thường.

Biên bản lập xong vào hồi 11 giờ 20 phút cùng ngày, gồm 05 trang được lập thành 06 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã được đọc lại cho mọi người nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

**ĐẠI DIỆN
CHỦ ĐẦU TƯ**



ĐƠN VỊ THI CÔNG XÂY DỰNG



**ĐẠI DIỆN
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH**



Đại úy Nguyễn Văn Công

ĐƠN VỊ THI CÔNG HỆ THỐNG PCCC



ĐƠN VỊ
THI CÔNG SƠN CHỐNG CHÁY



[Signature]
GIÁM ĐỐC
ĐỖ VĂN TUYÊN

ĐƠN VỊ
THI CÔNG CỬA CHỐNG CHÁY



[Signature]
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thọ' Anh

ĐƠN VỊ THI CÔNG VÁCH CHỐNG CHÁY



[Signature]
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hải Anh

CÔNG AN TỈNH BẮC GIANG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KIỂM TRA
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Hồi 8 giờ 00 ngày 09 tháng 03 năm 2023 tại Công ty TNHH Vina Dae - A;
Địa chỉ: Lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chúng tôi gồm:

Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH tỉnh Bắc Giang:

1. Trung tá Nguyễn Ngọc Quyết ; Chức vụ: Đội trưởng
2. Thượng úy Nguyễn Thị Hà Anh ; Chức vụ: Cán bộ;

Đã tiến hành hướng dẫn, kiểm tra công tác đảm bảo an toàn về PCCC&CNCH đối với Công ty TNHH Vina Dae - A

Đại diện Công ty TNHH vina DAE -A

1. Ông KIM JONG YEOL ; Chức vụ: Tổng Giám đốc;
2. Ông Nguyễn Văn Hằng ; Chức vụ: Phụ trách PCCC;
3. Ông Hoàng Kim Hải ; Chức vụ: Quản lý (Phiên dịch).

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. Kiểm tra tình hình thực tế của cơ sở

Công ty TNHH Vina Dae - A được xây dựng trên tổng diện tích 10.373,9m² gồm: 01 nhà xưởng sản xuất 02 tầng có diện mỗi tầng 5.569m²; 01 nhà để xe 01 tầng có diện tích 388m² hiện cho các công ty thuê nhà xưởng: Công ty TNHH Tae Chang Tech Vina thuê 1 phần nhà xưởng tầng 2 có diện tích 1000m²; Công ty TNHH Tae Hyuong Vina thuê 1 phần tầng 1 nhà xưởng có diện tích 1000m²; Công ty TNHH Cham Green Vina thuê 1 phần xưởng tầng 2 có diện tích 2750m². Các công ty làm việc trên lĩnh vực, sản xuất, gia công kim loại (vỏ máy rút tiền); hiện tại Công ty TNHH Taechang tech vina có 41 người làm việc, Công ty TNHH vina Dae - A có 91 người làm việc, Công ty TNHH Hyuong Vina 5 có người làm việc , Công ty TNHH Cham Green Vina hiện có 24 người làm việc. Các công ty vốn đầu tư 100% nước ngoài (Hàn quốc). Công ty TNHH Vina Dae - a đi vào động từ đầu năm 2022, Công ty



TNHH Taechang Tech Vina, Công ty TNHH Cham Green Vina, Công ty TNHH Hyuong Vina cùng đi vào hoạt động từ tháng 7 năm 2022.

Hệ thống PCCC công ty lắp đặt gồm: Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống cấp nước chữa cháy trong, ngoài nhà; hệ thống chữa cháy tự động; hệ thống thông gió hút khói; các loại bình chữa cháy, đèn chỉ dẫn thoát nạn, chiếu sáng sự cố... đã được lắp đặt theo thiết kế đã được thẩm duyệt và kiểm tra nghiệm thu theo quy định.

II. Kết quả kiểm tra, đánh giá

1. Kiểm tra về hồ sơ

- Hồ sơ thiết kế, thẩm duyệt, kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC, giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC, biên bản kiểm tra nghiệm thu, văn bản nghiệm thu về PCCC;

- Hợp đồng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc với Công ty bảo hiểm bưu điện Hà Thanh có thời hạn đến ngày 25/7/2023.

- Quyết định thành lập đội PCCC cơ sở gồm 15 người.

- Phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ sở theo mẫu số 04, Nghị định 83/2017/NĐ-CP.

- Phương án chữa cháy cơ sở xây dựng theo mẫu PC17, Nghị định 136/2020/NĐ-CP và được phê duyệt theo đúng quy định.

- Ban hành các nội quy, quy định về PCCC, nội quy an toàn sử dụng điện.

- Biên bản tự kiểm tra an toàn PCCC định kỳ hàng tháng.

- Giấy chứng nhận đo điện trở tiếp địa hệ thống chống sét.

- Giấy ủy quyền làm việc.

2. Kiểm tra thực tế các điều kiện an toàn PCCC

- Giao thông phục vụ chữa cháy, lối và đường thoát nạn: Chiều rộng, chiều cao đảm bảo theo quy định đảm bảo cho lực lượng, phương tiện tiếp cận khi có sự cố xảy ra.

- Nguồn nước phục vụ chữa cháy: Tại thời điểm kiểm tra, bể nước chữa cháy đầy đảm bảo phục vụ chữa cháy.

- Hệ thống điện: Các dây dẫn điện đi ngầm hoặc trong ống ghen bảo vệ, hệ thống chữa cháy được cấp nguồn điện ưu tiên từ trạm biến áp.

Hệ thống PCCC đã được trang bị và lắp đặt tại cơ sở gồm: Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống chữa cháy tự động sprinkler; hệ thống họng nước chữa cháy trong

và ngoài nhà; hệ thống thông gió, hút khói; hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn lối thoát nạn; các bình chữa cháy; niêm yết nội quy, tiêu lệnh PCCC.

- Thử nghiệm hệ thống:

+ Hệ thống báo cháy tự động: Dùng thiết bị tạo khói tác động vào các đầu báo cháy khói (thử nghiệm xác suất 04 đầu báo tại khu vực văn phòng tầng 1, nhà xưởng sản xuất tầng 2), ấn nút báo cháy; kết quả: hệ thống báo cháy hoạt động bình thường.

+ Hệ thống cấp nước chữa cháy tự động sprinkler, hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà: Thử nghiệm ra nước tại vị trí họng nước chữa cháy ngoài nhà; kết quả: hệ thống hoạt động ổn định, lưu lượng, áp lực nước đầu lăng phun đảm bảo yêu cầu.

+ Hệ thống thông gió, hút khói: Thử bằng cách liên động với hệ thống báo cháy tự động, kết quả: Hệ thống hoạt động đảm bảo.

+ Kiểm tra máy bơm chữa cháy: Lần lượt kiểm tra hoạt động của máy bơm bằng phương pháp tự động và khởi động bằng tay; kết quả: Các máy bơm chữa cháy hoạt động bình thường.

+ Đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn lối thoát nạn: Thử nghiệm xác suất 03 đèn chiếu sáng sự cố tại khu vực nhà xưởng và văn phòng; kết quả: các thiết bị và hệ thống hoạt động bình thường.

+ Các bình chữa cháy: Đặt đúng vị trí trong tủ chữa cháy, số lượng đảm bảo, áp lực khí nén trong bình đảm bảo, có phiếu kiểm tra định kỳ hàng tháng.

IV. Kết luận

Để thực hiện nghiêm túc Luật PCCC và các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn quy định an toàn về PCCC, nhằm chủ động phòng ngừa không để xảy ra cháy, nổ, tai nạn sự cố. Chuẩn bị sẵn sàng về lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện khác để sẵn sàng chữa cháy ngay từ ban đầu hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do cháy gây ra. Đoàn kiểm tra yêu cầu Công ty tổ chức thực hiện các nội dung sau đây:

1. Duy trì việc tham gia mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và đo điện trở tiếp địa hệ thống chống sét đối với công trình định kỳ 1 lần/ năm.

2. Hàng tháng tiến hành tự tổ chức kiểm tra công tác đảm bảo an toàn PCCC tại cơ sở (có biên bản kiểm tra kèm theo).

3. Định kỳ sáu tháng, một năm tiến hành kiểm tra bảo dưỡng các phương tiện, trang thiết bị hệ thống PCCC đã được trang bị tại công ty; nhắc nhở cán bộ, nhân viên thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về PCCC; quản lý chặt chẽ



nguồn lửa, nguồn nhiệt; vệ sinh công nghiệp thường xuyên; sắp xếp hàng hóa gọn gàng không gây cản trở lối và đường thoát nạn.

Biên bản được lập xong hồi 10h00 phút ngày 09 tháng 03 năm 2023, gồm 04 trang được lập thành 03 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY TNHH VINA DAE – A

ĐỒNG GIÁM ĐỐC
KIM JONG YEOL

PHIÊN DỊCH


Hoàng Kim Hải

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN KIỂM TRA


Trung tá Nguyễn Ngọc Quyết

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày

tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
dự án “Nhà máy Vina Dae - A”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 520/TTr-TNMT ngày 27/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy Vina Dae - A” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Vina Dae - A (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại lô CN-10, Khu công nghiệp Hoà Phú, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và những yêu cầu nêu tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hòa, Chủ tịch UBND xã Mai Đình; Công ty TNHH Vina Dae - A và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP, TH, KTN, TKCT;
- + Lưu: VT, MT.Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “NHÀ MÁY VINA DAE - A”
(Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/7/2021 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Nhà máy Vina Dae - A.

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: Lô CN-10, Khu công nghiệp Hoà Phú, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Chủ dự án: Công ty TNHH Vina Dae - A.

1.4. Quy mô của dự án:

- Sản xuất và gia công máy móc, thiết bị văn phòng như: Máy in, máy photo, máy scan: 300.000 sản phẩm/năm, tương đương 5.200 tấn/năm.

- Sản xuất và gia công máy ATM, máy POS (máy quét thẻ để thanh toán): 50.000 sản phẩm/năm, tương đương 2.250 tấn/năm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

2.1.1. Tác động tới môi trường không khí, tiếng ồn

- Bụi phát sinh từ quá trình đào móng, đắp nền công trình.
- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện thi công.

- Khí thải phát sinh từ quá trình hàn.

2.1.2. Tác động đối với môi trường nước

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,6 m³/ngày.

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án kéo theo bụi, đất, cát và các chất lơ lửng,... vào nguồn tiếp nhận.

- Nước thải thi công xây dựng phát sinh khoảng 3 m³/ngày.

2.1.3. Tác động của chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 10 kg/ngày.

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng 1,63 kg/ngày.

2.1.4. Tác động của chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 637 kg/năm.

2.1.5. Rủi ro, sự cố môi trường

Sự cố tai nạn lao động; sự cố cháy nổ; sự cố tai nạn giao thông,...

2.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.2.1. Tác động tới môi trường không khí

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình ra vào dự án của các phương tiện giao thông vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm cho hoạt động sản xuất; từ phương tiện đi lại của công nhân của dự án.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất:

+ Bụi kim loại phát sinh từ công đoạn cắt Laser; từ công đoạn gia công tạo lỗ gen; từ công đoạn làm sạch bề mặt kim loại sau cắt Laser.

+ Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn, công đoạn sấy sau sơn.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn.

- Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

- Mùi hôi phát sinh từ khu tập kết rác thải, nhà vệ sinh và công trình xử lý nước thải sinh hoạt.

2.2.2. Tác động đối với môi trường nước

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 15 m³/ngày.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn làm sạch bề mặt trước khi phun sơn tĩnh điện khoảng 3 m³/tháng.

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân, đường giao thông, nhà xưởng kéo theo các chất cặn bã, chất rắn lơ lửng, rác,... vào nguồn tiếp nhận.

2.2.3. Tác động của chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 75 kg/ngày; lượng bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh khoảng 50 kg/tháng, từ bể tự hoại phát sinh khoảng 6 m³/năm.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình sản xuất khoảng 2.658,55 kg/ngày.

2.2.4. Tác động của chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 1.808,4 kg/năm.

2.2.5. Rủi ro, sự cố môi trường

Sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố đối với công trình xử lý chất thải...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn triển khai xây dựng dự án

3.1.1. Về thu gom và xử lý bụi, khí thải

- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng phải phủ bạt kín tránh rơi vãi và phát sinh bụi trên đường di chuyển. Chỉ sử dụng phương tiện vận chuyển đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định.

- Tiến hành phun nước tưới ẩm công trường thi công vào các ngày trời khô hanh, nắng nóng, với tần suất 02 lần/ngày; tiến hành phun nước tưới ẩm trên

quãng đường vận chuyển với bán kính 1km từ khu vực dự án, với lượt phun nước tối thiểu 02 lần/ngày và tăng tần suất tùy theo mức độ phát sinh bụi.

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động (găng tay, nón bảo hộ, kính bảo vệ mắt, khẩu trang...) cho công nhân làm việc tại công trường.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị các loại máy móc đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật trước khi đưa vào vận hành.

- Đối với khí thải phát sinh từ quá trình hàn: Trong quá trình hàn cắt kim loại che chắn bằng các vật liệu không cháy hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn cắt (tối thiểu 10m). Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp hàn (như: quần áo bảo hộ, mặt nạ hàn, kính hàn, khẩu trang phòng độc, giày bảo hộ,...) để giảm thiểu tác động do khí thải hàn gây ra.

3.1.2. Về thu gom và xử lý nước thải, nước mưa

- Nước thải sinh hoạt:

Lắp đặt 02 nhà vệ sinh lưu động có bể chứa nước thải dung tích 800 lít/bể, sau đó nước thải từ 02 bể chứa của 02 nhà vệ sinh được dẫn đến 01 bể tự hoại 3 ngăn dung tích 2 m³ để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống thoát nước thải của Khu công nghiệp Hoà Phú (KCN).

- Nước thải thi công, xây dựng:

- + Đối với nước thải từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị: Được thu gom vào các thùng chứa lắng cặn và tái sử dụng, không thoát ra hệ thống thoát nước của KCN, phân cặn lắng tận dụng để san lấp mặt bằng tại chỗ.

- + Đối với nước thải từ hoạt động xịt rửa bánh xe các phương tiện ra vào công trường: Bố trí các rãnh thoát nước tạm thời có hố ga thu nước dung tích 10m³ gần khu vực cổng ra vào của dự án. Lượng nước thải này được lắng cặn và tái sử dụng, không thải bỏ. Phần lắng cặn được tận dụng để san lấp mặt bằng tại chỗ.

- Nước mưa chảy tràn:

- + Vạch tuyến thoát nước tạm thời xung quanh khu vực xây dựng. Tạo rãnh thoát nước mưa để thu gom nước mưa chảy tràn.

- + Quá trình thi công đến đâu gọn đến đấy, không dàn trải trên toàn bộ diện tích; thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông đường thoát nước không để phế thải xây dựng xâm nhập, gây tắc nghẽn (tần suất 01 tháng/lần).

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy, dung tích 100 lít/thùng đặt tại kho chứa chất thải sinh hoạt tạm thời diện tích 5m² để thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 01 lần/tuần).

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Đối với chất thải rắn xây dựng (như vữa rơi vãi, gạch vụn,...) được tận dụng dùng để đầm nền khu vực dự án.

+ Đối với các loại phế liệu có thể tái chế hoặc tái sử dụng (như: bao xi măng, chai lọ, thùng sơn, sắt thép nhỏ dư thừa,...) được chuyển giao lại cho đơn vị có chức năng theo quy định (tần suất 01 lần/tháng).

+ Đối với các loại chất rắn không sử dụng được, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 01 lần/tháng).

+ Đối với các loại vật liệu (như gỗ ván, dàn giáo,...) được đơn vị thi công vận chuyển đi xây dựng tại các công trình khác, giảm chi phí đầu tư.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị 04 thùng phuy có nắp đậy loại 100 lít đặt trong thùng Container dung tích chứa khoảng 10m³, có biển cảnh báo để thu gom, lưu chứa chất thải nguy hại. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 06 tháng/lần).

3.1.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện nghiêm quy định về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình; phổ biến nội quy an toàn lao động đối với toàn bộ công nhân tham gia thi công; bố trí người điều khiển phương tiện giao thông trong giờ cao điểm và trong giai đoạn hoạt động của các phương tiện thi công tránh xảy ra sự cố.

- Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thường xuyên, đảm bảo thiết bị luôn hoạt động tốt.

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho lái xe, công nhân thi công về an toàn giao thông; yêu cầu công nhân tuân thủ, chấp hành nghiêm quy định về an toàn giao thông đường bộ. Hạn chế phương tiện vận tải tham gia giao thông vào giờ cao điểm.

- Bố trí bể chứa nước và các thùng phuy 100 lít đựng cát khô phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy trong giai đoạn thi công xây dựng.

3.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý bụi, khí thải

- Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông

+ Thường xuyên quét dọn, vệ sinh khu vực dự án sau mỗi ca làm việc. Tưới nước, rửa làm sạch sân đường xung quanh khu vực dự án để giảm bụi phát tán, nhất là trong những ngày khô hanh (tần suất trung bình 02 lần/ngày).

+ Các phương tiện giao thông, vận tải phải được kiểm tra định kỳ theo quy định; không sử dụng phương tiện đã quá cũ, không đạt tiêu chuẩn về khí thải.

+ Trang bị khẩu trang, găng tay, kính mắt,... cho công nhân làm việc tại các khu vực có khả năng phát sinh ô nhiễm không khí.

+ Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án nhằm hạn chế phát tán bụi.

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất:

+ Áp dụng các biện pháp thông gió tự nhiên tại nhà xưởng sản xuất. Chủ dự án lắp đặt quạt thông gió, điều hòa công nghiệp với mục đích điều hòa không khí, giảm lượng thải bụi và khí thải lưu thông trong khu vực sản xuất.

+ Đối với bụi phát sinh từ công đoạn cắt Laser; khí thải phát sinh công đoạn hàn và công đoạn sấy sau sơn: Lắp đặt 01 hệ thống thu gom, xử lý khí thải bằng phương pháp lọc bụi bằng túi lọc và hấp phụ bằng than hoạt tính cho khu vực cắt Laser (tầng 1 của nhà xưởng sản xuất), khu vực sấy sau sơn và khu vực hàn (tầng 2 của nhà xưởng sản xuất). Sơ đồ quy trình xử lý bụi, khí thải:

Bụi từ công đoạn cắt laser => Máy hút bụi => Ống hút => Quạt hút => Buồng lọc bụi bằng túi lọc => Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính => Ống thoát khí.

Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn và công đoạn sấy sau sơn => Ống hút => Quạt hút => Buồng lọc bụi bằng túi lọc => Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính => Ống thoát khí.

(khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường; định kỳ 06 tháng/lần thay vật liệu hấp phụ và vật liệu lọc).

+ Đối với khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn: Lắp đặt 01 hệ thống thu gom và xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ bằng than hoạt tính tại tầng 1 của nhà xưởng sản xuất.

Sơ đồ quy trình xử lý khí thải: Bụi, khí thải từ công đoạn phun sơn => Thiết bị thu hồi bột sơn => Đường ống dẫn khí => Quạt hút => Buồng lọc bụi bằng than hoạt tính => Ống thoát khí *(khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường; định kỳ 06 tháng/lần thay vật liệu hấp phụ và vật liệu lọc).*

+ Đối với bụi phát sinh từ công đoạn gia công tạo lỗ gen: Chủ dự án áp dụng biện pháp thông thoáng nhà xưởng và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc.

+ Đối với bụi phát sinh từ công đoạn làm sạch bề mặt kim loại sau cắt Laser:

Bụi phát sinh từ công đoạn làm sạch bề mặt kim loại sau cắt Laser chủ yếu là bụi bẩn và bụi kim loại cỡ mịn được thu gom, xử lý bởi máy hút bụi. Máy được thiết kế có màng lọc bụi và khoang chứa. Bụi từ bám trên bề mặt tấm kim loại theo đường ống hút khí đến máy hút bụi. Tại đây, bụi được lọc qua màng lọc và được giữ lại tại khoang chứa, dòng thải sau lọc bụi thoát ra ngoài. Chủ dự án cam kết bụi phát sinh từ quá trình làm sạch bề mặt được xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi xả ra ngoài môi trường.

Chủ dự án trang bị bảo hộ lao động như kính mắt, khẩu trang,... cho công nhân vận hành trực tiếp.

- Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng:

Chủ dự án bố trí khu vực đặt máy phát điện riêng biệt và có công nhân vận hành. Máy được cài đặt chế độ tự động mở khi mất điện và ngắt khi có điện. Định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa để đảm bảo máy luôn hoạt động ổn định.

- Mùi hôi phát sinh từ khu tập kết rác thải, nhà vệ sinh và công trình xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Toàn bộ lượng chất thải sinh hoạt được thu gom vào thùng chứa có nắp đậy trong kho chất thải, tách biệt với các khu vực (như khu văn phòng, nhà xưởng), đảm bảo không gây ảnh hưởng tới khu vực xung quanh.

+ Nhà vệ sinh tập trung của dự án thường xuyên được dọn rửa và khử mùi nên hạn chế tối đa mùi hôi và không ảnh hưởng tới môi trường không khí.

+ Định kỳ kiểm tra các máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt để phát hiện hư hỏng, sửa chữa kịp thời.

3.2.2. Về thu gom và xử lý nước thải, nước mưa

- Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn (03 bể, với tổng dung tích 21m^3), sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của dự án với công suất $20\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ để tiếp tục xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN.

- Nước thải sản xuất:

Bố trí 3 tec chứa nước thải sản xuất có dung tích $1\text{m}^3/\text{tec}$, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 01 tháng/lần).

- Nước mưa chảy tràn:

+ Chủ dự án xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng (gồm hệ thống ống thoát nước trên mái và hệ thống thoát nước mưa trên bề mặt sân, đường giao thông). Nước mưa được thu gom, xử lý qua các hố ga lắng cặn, sau đó đầu nối trực tiếp ra cống thoát nước mưa chung của KCN.

+ Định kỳ (03 tháng/lần) kiểm tra, nạo vét hệ thống dẫn nước mưa, kiểm tra phát hiện hư hỏng để sửa chữa kịp thời.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Bố trí 05 thùng đựng rác có nắp đậy, dung tích 150 lít tại khu vực văn phòng, nhà vệ sinh và khu vực nhà ăn để thu gom chất thải. Chất thải sau khi được thu gom được tập kết tại kho chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích 12m^2 . Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 02 ngày/lần).

+ Đối với bùn thải của bể tự hoại, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút mang đi xử lý theo quy định (tần suất 03 tháng/lần).

+ Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Bùn thải được lưu giữ tại bể chứa bùn với dung tích khoảng 3m^3 . Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút mang đi xử lý theo quy định (tần suất 03 tháng/lần).

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Đối với chất thải từ hoạt động văn phòng được nhân viên văn phòng thu gom, định kỳ bán cho đơn vị thu mua phế liệu trên địa bàn huyện Hiệp Hoà và khu vực lân cận.

+ Đối với chất thải từ hoạt động sản xuất được thu gom với tần suất 01 ngày/lần, sau đó đưa về kho chứa chất thải sản xuất có diện tích khoảng 24m². Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 02 lần/tháng).

+ Đối với chất thải là bao bì, thùng carton lỗi hỏng từ công đoạn đóng gói được thu gom tại kho chứa chất thải sản xuất cùng với các mảnh vụn kim loại, định kỳ bán cho đơn vị thu mua phế liệu trên địa bàn huyện Hiệp Hoà.

Chủ dự án cam kết chỉ chuyển giao chất thải có khả năng tái chế cho đơn vị có đủ năng lực theo quy định.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất nguy hại

Bố trí 08 thùng chứa dung tích 100 lít có nắp đậy, dán biển cảnh báo, ghi rõ mã chất thải nguy hại (CTNH), kí hiệu, tên từng loại CTNH để thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại và đặt tại kho chứa chất thải nguy hại diện tích 9,25m². Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 06 tháng/lần).

3.2.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Xây dựng và lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy cho toàn bộ nhà máy: Hệ thống chữa cháy vách tường, bình cứu hỏa, hệ thống báo cháy tự động (chuông, đèn báo, đầu báo khói, đèn thoát hiểm, đèn chiếu sáng). Hàng năm tổ chức lớp tập huấn phòng cháy, chữa cháy cho cán bộ, công nhân (định kỳ 02 lần/năm).

- Áp dụng biện pháp nối đất thiết bị kết hợp với tự động cắt nguồn cung cấp bằng thiết bị bảo vệ đối với các bộ phận có tính dẫn điện để hở với thiết bị điện, khung kim loại của bảng điện và bàn điều khiển, vỏ kim loại của máy điện di động và cầm tay theo quy định.

- Tổ chức bộ máy làm công tác an toàn, vệ sinh lao động và tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho 06 nhóm đối tượng theo quy định.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân tại nhà xưởng sản xuất (quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay, ủng, kính bảo vệ mắt).

- Kiểm tra thường xuyên quá trình hoạt động của công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, hệ thống xử lý khí thải; tiêu thoát nước mưa; công trình lưu chứa rác thải. Trường hợp hệ thống thu gom, xử lý bị rò rỉ, hỏng hóc cần kịp thời sửa chữa tránh phát sinh chất thải trực tiếp ra môi trường. Thực hiện quan trắc chất lượng khí thải, nước thải định kỳ để sớm phát hiện các sự cố.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án: Chi tiết tại nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

5.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

** Không khí làm việc*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực thi công.
- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, vận tốc gió, bụi, tiếng ồn, CO, SO₂, NO₂...
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT, QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT.

** Nước thải sinh hoạt*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm xả nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng sau xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn trước khi thải ra ngoài môi trường.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, nhiệt độ, pH, BOD₅, chất rắn lơ lửng, Amoni (tính theo N), Sunfua, tổng dầu mỡ khoáng, tổng Nitơ, tổng Photpho, Coliform...
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

5.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành

** Khí thải*

- Vị trí giám sát: 02 vị trí
 - + 01 vị trí tại ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn cắt Laser, công đoạn hàn và công đoạn sấy sau sơn.
 - + 01 vị trí tại ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn.
- Thông số giám sát:
 - + Lưu lượng; bụi tổng; cacbon oxit, CO; Nitơ oxit, NO_x (tính theo NO₂), Xylen; Toluen; Benzen (đối với bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn cắt Laser, công đoạn hàn và công đoạn sấy sau sơn).
 - + Lưu lượng; bụi tổng; Xylen; Toluen; Benzen (đối với khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn tĩnh điện).
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT.

** Nước thải*

- Vị trí giám sát: 02 vị trí
 - + 01 vị trí tại bể gom nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.
 - + 01 vị trí tại hồ ga lấy mẫu sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, nhiệt độ, pH, BOD₅, chất rắn lơ lửng, Amoni (tính theo N), Sunfua, tổng dầu mỡ khoáng, tổng Nitơ, tổng Photpho, Coliform...

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Chủ dự án có trách nhiệm đầu tư xây dựng hoàn thiện các công trình xử lý chất thải của dự án đảm bảo các chất thải được xử lý đạt các tiêu chuẩn hiện đang còn bắt buộc áp dụng, các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành có liên quan trước khi thải ra môi trường; chấp hành nghiêm các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy, chữa cháy và quy định có liên quan trong quá trình thực hiện dự án; không sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất của dự án.

- Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án trước khi dự án đi vào vận hành chính thức. Đồng thời, lập hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 520/TTr-TNMT ngày 27/7/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày

tháng 12 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 857/TTr-TNMT ngày 16/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Vina Dae - A, địa chỉ trụ sở chính lô CN-10, khu công nghiệp (KCN) Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy Vina Dae - A” tại lô CN-10, khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy Vina Dae - A.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN-10, khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 2400913061, do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 23/6/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 07/02/2022.

Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp ngày 08/9/2022.

1.4. Mã số thuế: 2400913061.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm bằng kim loại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với diện tích là 10.374 m².

- Quy mô, công suất của dự án:

+ Sản xuất, gia công vỏ máy và phụ kiện của vỏ máy thiết bị văn phòng như: Máy in, máy photo, máy scan: 300.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất, gia công vỏ máy và phụ kiện của vỏ máy ATM, máy POS (máy quét thẻ để thanh toán): 50.000 sản phẩm/năm.

+ Diện tích nhà xưởng cho thuê: 5.000 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Vina Dae - A được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Vina Dae -A có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Vina Dae - A có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Hiệp Hòa nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Hiệp Hòa.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy Vina Dae - A” tại lô CN-10, khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH Vina Dae - A làm chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành theo quy định.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Hiệp Hòa, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà máy Vina Dae - A” tại lô CN-10, khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Vina Dae - A được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Hiệp Hòa; Công ty TNHH Vina Dae - A và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN.Bình.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số / QĐ-UBND
ngày /12/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình vệ sinh thiết bị trộn bê tông và rửa sàn khu vực trộn, đổ bê tông;
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình làm sạch bề mặt trước khi phun sơn;
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên, người lao động làm việc tại dự án (của chủ dự án và các đơn vị thuê nhà xưởng)

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng nước thải: Gồm 01 dòng nước thải sau trạm xử lý nước thải tập trung công suất 20 m³/ngày.đêm của dự án được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Hòa Phú để tiếp tục xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nhà máy xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải: 01 vị trí tại hố ga D43 thuộc lô CN-10, khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, (hố ga nằm ở phía Tây dự án, nằm ngoài hàng rào, cách cổng ra vào dự án khoảng 75m về phía Tây Nam).

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 2349853; Y= 391 826 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 20 m³/ngày.đêm, tương đương khoảng 0,83 m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sinh hoạt, sản xuất sau xử lý được xả theo phương thức tự chảy theo ống ngầm PVC D90, sau đó tự chảy vào hố ga D43 của hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Hòa Phú.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục 24/24 giờ

2.3.3. Chất lượng nước thải sau xử lý và trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Hòa Phú phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

| TT | Chất ô nhiễm | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B) | Tần suất quan trắc định kỳ |
|----|----------------------------|----------------|---|----------------------------|
| 1 | Lưu lượng | m/s | - | - |
| 2 | Nhiệt độ | °C | 40 | |
| 3 | pH | - | 5,5 đến 9 | |
| 4 | BOD ₅ (20°C) | mg/l | 50 | |
| 5 | Chất rắn lơ lửng | mg/l | 100 | |
| 6 | Amoni (Tính theo N) | mg/l | 10 | |
| 7 | Sunfua | mg/l | 0,5 | |
| 8 | Tổng dầu mỡ khoáng | mg/l | 10 | |
| 9 | Tổng Nitơ | mg/l | 40 | |
| 10 | Tổng Photpho (Tính theo P) | mg/l | 6 | |
| 11 | Coliform | Vi khuẩn/100ml | 5.000 | |

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất trợ lắng (PAC): 15g/ngày, tương đương 0,39 kg/tháng.

* Công trình xử lý nước thải số 2 (trạm xử lý nước thải tập trung công suất 20 m³/ngày.đêm)

- Tóm tắt quy trình công nghệ trạm xử lý nước thải tập trung công suất 20m³/ngày.đêm: Nước thải (bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất từ quá trình vệ sinh thiết bị trộn bê tông và rửa sàn khu vực trộn, đổ bê tông) → bể thu gom → bể điều hòa → bể tách mỡ → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lọc màng → bể trung gian → bể khử trùng (nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B sau đó được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa).

- Công suất thiết kế: 20 m³/ngày.đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Chất dinh dưỡng (Metanol): 1,0 kg/ngày, tương đương 30,0 kg/tháng;

+ Hóa chất khử trùng (Javel): 100g/ngày, tương đương 3,0 kg/tháng;

+ Hóa chất trợ lắng (PAC): 40 g/ngày, tương đương 1,2 kg/tháng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với trạm xử lý nước thải

1.3.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố công trình xử lý nước thải

- Vận hành trạm xử lý nước thải và cụm bể xử lý theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành trạm xử lý nước thải và cụm bể xử lý theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

1.3.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Phải dừng hoạt động công trình xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của công trình xử lý và phải dừng hoạt động để khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua công trình xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

- + Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt. Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

Tương tự đối với từng thông số đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm từ tháng 01/2023 đến tháng 3/2023

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải vận hành thử nghiệm: 01 trạm xử lý nước thải tập trung công suất 20 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại trạm xử lý nước thải tập trung công suất 20 m³/ngày.đêm.

2.2.2 Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B) (chi tiết theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này).

2.3.3. Tần suất lấy mẫu

| TT | Vị trí giám sát | Tần suất lấy mẫu | Thông số giám sát | Quy chuẩn so sánh |
|----|--|--|---|----------------------------|
| I | Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất | | | |
| 1 | 01 vị trí nước thải đầu vào (tại bể thu gom) | - Tiến hành lấy mẫu tổ hợp 15 ngày/lần trong 75 ngày. Thời gian cụ thể như sau: | Lưu lượng; Nhiệt độ; pH; BOD ₅ (20 ⁰ C); Chất rắn lơ lửng; Tổng dầu mỡ khoáng; Sunfua; Amoni (Tính theo N); Tổng Nitơ; Tổng Phốt pho (Tính theo P); Coliform. | QCVN 40:2011/ BTNMT, cột B |
| 2 | 01 vị trí nước thải sau xử lý qua trạm xử lý nước thải (tại hồ ga chứa nước thải sau xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Hoà Phú) | + Lần 1: Ngày 03/01/2023 + Lần 2: Ngày 17/01/2022 + Lần 3: Ngày 31/01/2022 + Lần 4: Ngày 15/02/2022 + Lần 5: Ngày 02/03/2022 | | |
| II | Giai đoạn vận hành ổn định | | | |
| 1 | 01 vị trí nước thải đầu vào (tại bể thu gom) | - Lấy mẫu đơn với tần suất 01 ngày/lần; Thời gian cụ thể như sau: | Lưu lượng; Nhiệt độ; pH; BOD ₅ (20 ⁰ C); Chất rắn lơ lửng; Tổng dầu mỡ khoáng; Sunfua; Amoni (Tính theo N); Tổng Nitơ; Tổng Phốt pho (Tính theo P); Coliform. | QCVN 40:2011/ BTNMT, cột B |
| 2 | 01 vị trí nước thải sau xử lý qua trạm xử lý nước thải (tại hồ ga chứa nước thải sau xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Hoà Phú) | + Lần 1: Ngày 03/03/2023 + Lần 2: Ngày 04/03/2023 + Lần 3: Ngày 06/03/2023 + Lần 4: Ngày 07/03/2023 + Lần 5: Ngày 08/03/2023 + Lần 6: Ngày 09/03/2023 + Lần 7: Ngày 10/03/2023 | | |

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành trạm xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với trạm xử lý nước, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Hiệp Hòa để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /12/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: 05 nguồn:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn cắt Laser;
- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ công đoạn phun bi làm sạch bề mặt;
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn hàn;
- Nguồn số 04: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn tĩnh điện, sấy sau sơn;
- Nguồn số 05: Bụi phát sinh từ công đoạn trộn, đổ bê tông.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: Gồm có 05 dòng khí thải

- Dòng khí thải số 1: Dòng khí thải phát sinh tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn cắt Laser.
- Dòng khí thải số 2: Dòng khí thải phát sinh tại ống thoát khí thải sau công trình xử lý khí thải công đoạn phun bi làm sạch bề mặt
- Dòng khí thải số 3: Dòng khí thải phát sinh tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn hàn
- Dòng khí thải số 4: Dòng khí thải phát sinh tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn phun sơn tĩnh điện và sấy sau sơn
- Dòng khí thải số 5: Dòng khí thải phát sinh tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn trộn, đổ bê tông.

2.1. Vị trí xả khí thải: 05 vị trí:

- Vị trí số 01: Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn cắt Laser. Tọa độ vị trí xả khí thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiếu 3^0): $X = 2349836$; $Y = 391927$.
- Vị trí số 02: Tại ống thoát khí thải sau công trình xử lý khí thải công đoạn phun bi làm sạch bề mặt. Tọa độ vị trí xả khí thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiếu 3^0): $X = 2349835$; $Y = 391879$.
- Vị trí số 03: Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn hàn. Tọa độ vị trí xả khí thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiếu 3^0): $X = 2349831$; $Y = 391909$.
- Vị trí số 04: Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn phun sơn tĩnh điện và sấy sau sơn. Tọa độ vị trí xả khí thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiếu 3^0): $X = 2349836$; $Y = 391893$.

- Vị trí số 05: Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn trộn, đổ bê tông. Tọa độ vị trí xả khí thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiều 3⁰): X = 2349834; Y = 391888.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

+ Vị trí số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 25.200 m³/giờ, tương đương 201.600 m³/ngày.

+ Vị trí số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 30.000 m³/giờ, tương đương 240.000 m³/ngày.

+ Vị trí số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 30.000 m³/giờ, tương đương 240.000 m³/ngày.

+ Vị trí số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 30.000 m³/giờ, tương đương 240.000 m³/ngày.

+ Vị trí số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 9.500 m³/giờ, tương đương 76.000 m³/ngày.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc của Công ty (thời gian làm việc: 08giờ/ngày)

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn hiện hành là QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT cụ thể như sau:

| TT | Chất ô nhiễm | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép | | Tần suất quan trắc định kỳ |
|----|---|-------------|---------------------------|--------------------|----------------------------|
| | | | QCVN 19:2009/BTNMT | QCVN 20:2009/BTNMT | |
| I | Dòng khí thải số 01 và dòng khí thải số 03 | | | | |
| 1 | Lưu lượng | m³/h | - | - | 03 tháng/lần |
| 2 | Bụi tổng | mg/Nm³ | 200 | - | |
| 3 | Cacbon oxit, CO | mg/Nm³ | 1.000 | - | |
| 4 | Nitơ oxit, NO _x (Tính theo NO ₂) | mg/Nm³ | 850 | - | |
| 5 | Xylen | mg/Nm³ | - | 870 | 06 tháng/lần |
| 6 | Toluen | mg/Nm³ | - | 750 | |
| 7 | Benzen | mg/Nm³ | - | 5 | |
| II | Dòng khí thải số 02 | | | | |
| 1 | Lưu lượng | m³/h | - | - | 03 tháng/lần |
| 2 | Bụi tổng | mg/Nm³ | 200 | - | |

| TT | Chất ô nhiễm | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép | | Tần suất quan trắc định kỳ |
|-----|---------------------|-------------|---------------------------|--------------------|----------------------------|
| | | | QCVN 19:2009/BTNMT | QCVN 20:2009/BTNMT | |
| III | Dòng khí thải số 04 | | | | |
| 1 | Lưu lượng | m³/h | - | - | 03 tháng/lần |
| 2 | Bụi tổng | mg/Nm³ | 200 | - | |
| 3 | Xylen | mg/Nm³ | - | 870 | 06 tháng/lần |
| 4 | Toluen | mg/Nm³ | - | 750 | |
| 5 | Benzen | mg/Nm³ | - | 5 | |
| IV | Dòng khí thải số 05 | | | | |
| 1 | Lưu lượng | m³/h | - | - | 03 tháng/lần |
| 2 | Bụi tổng | mg/Nm³ | 200 | - | |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn cắt Laser: Được thu gom bằng đường ống có kích thước 300mmx300mm, 500mmx500mm và 700mmx700mm dẫn về hệ thống xử lý công suất thiết kế: 25.200m³/giờ;

- Đối với bụi phát sinh từ công đoạn phun bi làm sạch bề mặt: Được thu gom bằng đường ống có kích thước D500mm dẫn về công trình xử lý công suất thiết kế: 30.000m³/giờ;

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn hàn: Được thu gom bằng đường ống chữ nhật có kích thước 630mmx500mm và 800mmx630mm dẫn về hệ thống xử lý công suất thiết kế: 30.000m³/giờ;

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn tĩnh điện và sấy sau sơn: Được thu gom bằng đường ống tròn có kích thước D300mm và D500mm dẫn về hệ thống xử lý công suất thiết kế: 30.000m³/giờ;

- Đối với bụi phát sinh từ công đoạn trộn, đổ bê tông: Bụi phát sinh từ công đoạn trộn đổ bê tông được thu gom bằng đường ống tròn có kích thước D150mm, D250mm và D350mm dẫn về hệ thống xử lý công suất thiết kế: 9.500m³/giờ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

* Hệ thống xử lý khí thải số 1 (Từ công đoạn cắt Laser)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải từ công đoạn cắt Laser → Máy hút bụi (có kết hợp lọc bụi bằng tấm lọc) → Đường ống dẫn khí → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí thải (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế: 25.200 m³/giờ.

* Hệ thống xử lý khí thải số 2 (Từ công đoạn phun bi làm sạch bề mặt)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi từ công đoạn phun bi làm sạch bề mặt → Máy hút bụi (có kết hợp lọc bụi bằng tấm lọc) → Quạt hút ly tâm → Đường ống dẫn khí → Ống thoát khí thải (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế: 30.000 m³/giờ.

* Hệ thống xử lý khí thải số 3 (Từ công đoạn hàn)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải từ công đoạn hàn → Đường ống dẫn khí → Quạt hút ly tâm → Tháp xử lý (Lọc bụi bằng bông lọc kết hợp hấp phụ bằng than hoạt tính) → Ống thoát khí thải (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế: 30.000 m³/giờ.

* Hệ thống xử lý khí thải số 4 (Từ công đoạn phun sơn tĩnh điện và sấy sau sơn)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải từ công đoạn phun sơn tĩnh điện và sấy sau sơn → Thiết bị thu hồi bột sơn → Đường ống dẫn khí → Buồng lọc bằng túi lọc than hoạt tính → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí thải (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế: 30.000 m³/giờ.

* Hệ thống xử lý khí thải số 5 (Từ công đoạn trộn, đổ bê tông)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi từ công đoạn trộn, đổ bê tông → Đường ống dẫn khí → Buồng lọc bụi tay áo → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí thải (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế: 9.500 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho 5 hệ thống/công trình xử lý khí thải

+ Than hoạt tính: 1.300 kg/năm;

+ Tấm màng lọc bụi: 108 kg/năm;

+ Bông lọc bụi: 60 kg/năm;

+ Lõi lọc bụi: 460 kg/năm;

+ Túi lọc bụi: 600 kg/năm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

* Biện pháp phòng ngừa

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đường ống dẫn khí, các van dẫn khí, quạt hút...trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Tiến hành các biện pháp làm thông thoáng nhà xưởng để tránh gây ảnh hưởng đến công nhân khi sự cố xảy ra.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của công nhân vận hành hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

* Biện pháp ứng phó sự cố

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

| TT | Công trình xử lý khí thải | Thời gian vận hành thử nghiệm |
|-----------|---|--------------------------------------|
| 1 | Hệ thống xử lý khí thải công đoạn cắt Laser | Từ tháng 01/2023 đến tháng 03/2023 |
| 2 | Công trình xử lý khí thải công đoạn phun bi làm sạch bề mặt | |
| 3 | Hệ thống xử lý khí thải công đoạn hàn | |
| 4 | Hệ thống xử lý khí thải công đoạn phun sơn tĩnh điện và sấy sau sơn | |
| 5 | Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn trộn, đổ bê tông | Từ tháng 03/2023 đến tháng 05/2023 |

2.2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 hệ thống xử lý khí thải công đoạn cắt Laser
- 01 công trình xử lý khí thải công đoạn phun bi làm sạch bề mặt
- 01 hệ thống xử lý khí thải công đoạn hàn
- 01 hệ thống xử lý khí thải công đoạn phun sơn tĩnh điện và sấy sau sơn
- 01 hệ thống xử lý bụi từ công đoạn trộn, đổ bê tông.

2.2.3. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thoát khí thải sau 05 hệ thống/công trình xử lý khí thải.

2.2.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A phục lục này).

2.2.5. Tần suất lấy mẫu:

| TT | Vị trí giám sát | Tần suất lấy mẫu | Thông số giám sát | Quy chuẩn so sánh |
|---|---|--|--|---|
| I Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất | | | | |
| 1 | Tại vị trí ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn cắt Laser | - Lấy mẫu với tần suất 15 ngày/lần; Thời gian cụ thể như sau: + Lần 1: Ngày 03/01/2023 + Lần 2: Ngày 17/01/2022 | Lưu lượng; Bụi tổng; Cacbon oxit, CO; Nitơ oxit, NO _x (Tính theo NO ₂); Xylen; Toluen; Benzen | QCVN 19:2009/BT NMT, cột B và QCVN 20:2009/BT NMT |
| 2 | Tại vị trí ống thoát khí thải sau công trình xử lý khí thải công đoạn phun bi làm sạch bề mặt | + Lần 3: Ngày 31/01/2022 + Lần 4: Ngày 15/02/2022 + Lần 5: Ngày 02/03/2022 | Lưu lượng; Bụi tổng | QCVN 19:2009/BT NMT, |
| 3 | Tại vị trí ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn hàn | - Lấy mẫu với tần suất 15 ngày/lần; Thời gian cụ thể như sau: + Lần 1: Ngày 03/01/2023 + Lần 2: Ngày 17/01/2022 | Lưu lượng; Bụi tổng; Cacbon oxit, CO; Nitơ oxit, NO _x (Tính theo NO ₂); Xylen; Toluen; Benzen | QCVN 19:2009/BT NMT, và QCVN 20:2009/BT NMT |
| 4 | Tại vị trí ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn phun sơn tĩnh điện và sấy sau sơn | + Lần 3: Ngày 31/01/2022 + Lần 4: Ngày 15/02/2022 + Lần 5: Ngày 02/03/2022 | Lưu lượng; Bụi tổng; Xylen; Toluen; Benzen | QCVN 19:2009/BT NMT, và QCVN 20:2009/BT NMT |

| TT | Vị trí giám sát | Tần suất lấy mẫu | Thông số giám sát | Quy chuẩn so sánh |
|--------------------------------------|---|--|--|---|
| 5 | Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn trộn, đổ bê tông | - Lấy mẫu với tần suất 15 ngày/lần; Thời gian cụ thể như sau: + Lần 1: Ngày 02/03/2023 + Lần 2: Ngày 17/03/2023 + Lần 3: Ngày 01/04/2023 + Lần 4: Ngày 17/04/2023 + Lần 5: Ngày 02/05/2023 | Lưu lượng; Bụi tổng | QCVN 19:2009/BT NMT, |
| II Giai đoạn vận hành ổn định | | | | |
| 1 | Tại vị trí ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn cắt Laser | - Lấy mẫu đơn với tần suất 01 ngày/lần; Thời gian cụ thể như sau: + Lần 1: Ngày 03/03/2023 + Lần 2: Ngày 04/03/2023 + Lần 3: Ngày 06/03/2023 + Lần 4: Ngày 07/03/2023 + Lần 5: Ngày 08/03/2023 + Lần 6: Ngày 09/03/2023 + Lần 7: Ngày 10/03/2023 | Lưu lượng; Bụi tổng; Cacbon oxit, CO; Nitơ oxit, NO _x (Tính theo NO ₂); Xylen; Toluen; Benzen | QCVN 19:2009/BT NMT, và QCVN 20:2009/BT NMT |
| 2 | Tại vị trí ống thoát khí thải sau công trình xử lý khí thải công đoạn phun bi làm sạch bề mặt | | Lưu lượng; Bụi tổng | QCVN 19:2009/BT NMT, |

| TT | Vị trí giám sát | Tần suất lấy mẫu | Thông số giám sát | Quy chuẩn so sánh |
|----|---|--|--|---|
| 3 | Tại vị trí ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn hàn | - Lấy mẫu đơn với tần suất 01 ngày/lần; Thời gian cụ thể như sau: + Lần 1: Ngày 03/03/2023 + Lần 2: Ngày 04/03/2023 | Lưu lượng; Bụi tổng; Cacbon oxit, CO; Nitơ oxit, NO _x (Tính theo NO ₂); Xylen; Toluen; Benzen | QCVN 19:2009/BT NMT, và QCVN 20:2009/BT NMT |
| 4 | Tại vị trí ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn phun sơn tĩnh điện và sấy sau sơn | + Lần 3: Ngày 06/03/2023 + Lần 4: Ngày 07/03/2023 + Lần 5: Ngày 08/03/2023 + Lần 6: Ngày 09/03/2023 + Lần 7: Ngày 10/03/2023 | Lưu lượng; Bụi tổng; Xylen; Toluen; Benzen | QCVN 19:2009/BT NMT, và QCVN 20:2009/BT NMT |
| 5 | Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn trộn, đổ bê tông | - Lấy mẫu đơn với tần suất 01 ngày/lần; Thời gian cụ thể như sau: + Lần 1: Ngày 03/05/2023 + Lần 2: Ngày 04/05/2023 + Lần 3: Ngày 05/05/2023 + Lần 4: Ngày 06/05/2023 + Lần 5: Ngày 08/05/2023 + Lần 6: Ngày 09/05/2023 + Lần 7: Ngày 10/05/2023 | Lưu lượng; Bụi tổng | QCVN 19:2009/BT NMT |

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Hiệp Hòa để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /12/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tại khu vực cắt Laser (Tầng 1)
- Nguồn số 02: Tại khu vực phun bi làm sạch bề mặt
- Nguồn số 03: Tại khu vực trộn, đổ bê tông
- Nguồn số 04: Tại khu vực hàn (Tầng 2).
- Nguồn số 05: Tại khu vực phun sơn tĩnh điện và sấy sau sơn (Tầng 2)

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Vị trí số 01: Tại khu vực cắt Laser (Tầng 1). Tọa độ vị trí phát sinh (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^0 , múi chiếu 3^0): $X = 2349882$; $Y = 391880$.
- Vị trí số 02: Tại khu vực phun bi làm sạch bề mặt (Tầng 1). Tọa độ vị trí phát sinh (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^0 , múi chiếu 3^0): $X = 2349878$; $Y = 391879$.
- Vị trí số 03: Tại khu vực trộn, đổ bê tông (Tầng 1). Tọa độ vị trí phát sinh (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^0 , múi chiếu 3^0): $X = 2349856$; $Y = 391845$.
- Vị trí số 04: Tại khu vực hàn (Tầng 2). Tọa độ vị trí phát sinh (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^0 , múi chiếu 3^0): $X = 2349855$; $Y = 391845$.
- Vị trí số 05: Tại khu vực phun sơn tĩnh điện và sấy sau sơn (Tầng 2). Tọa độ vị trí phát sinh (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^0 , múi chiếu 3^0): $X = 2349847$; $Y = 391847$.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

| TT | Từ 6-21 giờ (dBA) | Từ 21-6 giờ (dBA) | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú |
|----|----------------------|----------------------|-------------------------------|-------------------------|
| 1 | 85 | 85 | - | Khu vực thông thường |

3.2. Độ rung:

| TT | Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB | | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú |
|----|---|-----------------------------|----------------------------|----------------------|
| | Từ 6 - 21 giờ | Từ 21 - 6 giờ | | |
| 1 | 1,4m/s ² (103dB) | 1,4m/s ² (103dB) | - | Khu vực thông thường |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

+ Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; các thiết bị không sử dụng được tắt giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

+ Trang bị nút tai cho công nhân, người lao động khi làm việc trong môi trường có tiếng ồn lớn.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các xưởng sản xuất; có chế độ cho những vị trí việc làm chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động sản xuất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, công nhân.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung

+ Lắp đệm cao su chống rung cho các máy móc, thiết bị có độ rung cao.

+ Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; các thiết bị không sử dụng được tắt giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /12/2022 của UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chung loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

1.1.1. Chất thải nguy hại phát sinh trong một năm của Chủ dự án

| TT | Tên chất thải | Khối lượng (kg/năm) |
|----|--|------------------------|
| 1 | Dầu thải | 628 |
| 2 | Giẻ lau dính dầu mỡ | 6 |
| 3 | Giấy ca ráp sau sử dụng từ quá trình mài, đánh bóng | 287 |
| 4 | Bụi sơn thải từ quá trình phun sơn | 50 |
| 5 | Thùng carton đựng bột sơn | 172 |
| 6 | Nước thải sản xuất chứa chất tẩy rửa | 11.480 |
| 7 | Bóng đèn huỳnh quang thải | 20 |
| 8 | Hộp mực in, hộp mực máy photo thải có chứa thành phần nguy hại | 15 |
| 9 | Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải | 840 |
| 10 | Vật liệu lọc từ quá trình xử lý khí thải | 1.228 |
| 11 | Tổng cộng: | 14.726 |

1.1.2. Chất thải nguy hại phát sinh trong một năm của đơn vị thuê nhà xưởng

| TT | Tên chất thải | Khối lượng (kg/năm) |
|----|---|------------------------|
| 1 | Giấy ca ráp sau sử dụng từ quá trình mài, đánh bóng | 13 |
| 2 | Bụi sơn thải từ quá trình phun sơn | 2,2 |
| 3 | Thùng carton đựng bột sơn | 8 |

| TT | Tên chất thải | Khối lượng (kg/năm) |
|-----------|--------------------------------------|--------------------------------|
| 4 | Nước thải sản xuất chứa chất tẩy rửa | 520 |
| 5 | Tổng cộng: | 543,2 |

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

| STT | Tên chất thải | Khối lượng phát sinh (kg/tháng) | |
|------------|--|--|------------------------------|
| | | Chủ dự án | Đơn vị thuê nhà xưởng |
| 1 | Cặn bê tông | 26.830 | Không phát sinh |
| 2 | Mảnh vụn, mặt kim loại | 68.535,14 | 294,86 |
| 3 | Thùng, bìa carton từ quá trình đóng gói thành phẩm | 250 | Không phát sinh |
| 4 | Chất thải rắn từ hoạt động văn phòng | 10 | 25 |
| 5 | Tổng | 95.625,14 | 319,86 |

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 105 kg/ngày, tương đương khoảng 2.730 kg/tháng. Trong đó, phát sinh từ Chủ dự án khoảng 60 kg/tháng, tương đương 1.560 kg/tháng, từ các đơn vị thuê nhà xưởng khoảng 45 kg/tháng, tương đương khoảng 1.170 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 08 thùng chứa có nắp đậy dung tích khoảng 200 lít để thu gom, lưu chứa riêng biệt các loại chất thải nguy hại, bên ngoài có dán mã chất thải nguy hại. Riêng dầu thải được lưu chứa trong thùng phuy sắt dung tích khoảng 300 lít, bên ngoài có dán mã chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho/khu vực lưu giữ chất thải nguy hại

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 9,5 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền đổ bê tông cao 15cm so với cos nền sân đường nội bộ, khung kèo thép, tường cao 3,6m, mái lợp tôn gân xám.

- Chức năng: lưu giữ toàn bộ lượng chất thải nguy hại từ hoạt động sản xuất của Chủ dự án và các đơn vị thuê nhà xưởng

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Không bố trí thiết bị lưu chứa.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích kho chứa: 24 m².

- Kết cấu kho chứa: Nền đổ bê tông cao 15cm so với cos nền sân đường nội bộ, khung kèo thép, tường cao 3,6m, mái lợp tôn gân xám.

- Chức năng: lưu giữ toàn bộ lượng chất thải rắn từ hoạt động sản xuất của chủ dự án và các đơn vị thuê nhà xưởng

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 05 thùng chứa có nắp đậy dung tích 150 lít tại khu vực văn phòng, nhà vệ sinh và khu vực nhà ăn

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa: 12 m².

- Kết cấu kho chứa: Nền đổ bê tông cao 15cm so với cos nền sân đường nội bộ, khung kèo thép, tường cao 3,6m, mái lợp tôn gân xám.

- Chức năng: lưu giữ toàn bộ lượng chất thải rắn từ hoạt động sinh hoạt của chủ dự án và các đơn vị thuê nhà xưởng

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /12/2022 của UBND tỉnh)

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành trạm xử lý nước thải tập trung tại dự án để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án và các đơn vị thuê nhà xưởng đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 857/TTr-TNMT ngày 16/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- o0o -----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

경제 계약서

Số/ 번호: 08.11/HĐ2022/MP- DAE-A

“Thu gom vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải thông thường, thu mua phế liệu sạch”

일반 폐기물, 유해 폐기물 수거 처리 및 스크랩 매매

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự Số: 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/1/2017;

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ vào Luật Bảo vệ môi trường Số: 55/2014/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 /01/2015;

- Căn cứ vào Nghị định Số: 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ Quy định về quản lý chất thải và phế liệu;

- Căn cứ thông tư số: 36/2015/TT- BTNMT ngày 30/6/2015 về Quản lý chất thải nguy hại của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Căn cứ giấy xử lý Chất thải nguy hại số 1-2-3.052.VX của Công ty Cổ phần Môi trường Xanh Minh Phúc, cấp lần 2 ngày 28 tháng 08 năm 2019 và thông báo gia hạn số 69/TB-BTNMT cấp ngày 12 tháng 04 năm 2022.

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng hai bên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 11 năm 2022 tại Công ty Cổ phần môi trường Xanh Minh Phúc chúng tôi gồm:

A 측: CÔNG TY TNHH VINA DAE-A (Gọi tắt là bên A)

Người đại diện/ 대표: Jung Younghyun

Chức vụ/ 직무: Tổng giám đốc

Địa chỉ/ 주소: Lô CN -10, Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hòa Hiệp, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại/ 전화번호:

Fax:

Mã số thuế/ 세금 번호: 2400913061

Số tài khoản/ 계좌 번호:

B 측: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH MINH PHÚC (gọi tắt là bên B)

Người đại diện/ 대표: Lưu Quang Vũ

Chức vụ/ 직무: Tổng giám đốc

Địa chỉ/ 주소: Khu 1 - thị trấn Kê Sặt - huyện Bình Giang - tỉnh Hải Dương – Việt Nam

Điện thoại/ 전화번호: 0220.3773 669/02206.281919

Mã số thuế/ 세금 번호: 0800533462

Tài khoản số/ 계좌 번호: 2309201004110 tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh huyện Bình Giang

Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên thống nhất ký kết hợp đồng “*Thu gom vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải thông thường, thu mua phế liệu sạch*” với những điều khoản sau:

다음과 같이 “일반 폐기물, 유해 폐기물 수거 처리 및 스크랩 매매” 계약서를 협의하여 체결하기로 한다.

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC NHƯ SAU

1 조: 작업 내용

1. Bên A thuê bên B vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh từ quá trình sản xuất của **Công ty TNHH Vina DAE-A/** A 측은 B 측이 대아 사업장 폐기물 수거 처리하도록 위탁했다.

- Vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại/ 유해 폐기물 수거 처리;
- Vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại/ 무해 생산 폐기물 수거 처리;
- Vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt/ 오수 폐기물 수거 처리

2. Vận chuyển và xử lý chất thải tuân thủ đúng các quy định về vận chuyển, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Việt Nam./ 베트남 환경보호 및 폐기물 수거 처리에 대한 규정을 준수하여 진행하도록 한다.

3. Bên A đồng ý bán, bên B đồng ý mua các loại phế liệu sạch phát sinh của bên A./ A 측은 B 측에게 폐기물을 판매하기로, B 측은 A 측의 생산 폐기물을 구입하기로 하였다.

ĐIỀU 2: ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN, SỐ LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

2 조: 거래 장소, 시간, 작업량, 운송 수단

1. **Địa điểm giao nhận chất thải/ 폐기물 접수 장소:** Kho lưu giữ chất thải của của **Công ty TNHH Vina DAE-A/** 대아 사업장 폐기물 창고에서 진행.

Địa chỉ/ 주소: Lô CN -10, Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hòa Hiệp, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

2. Địa điểm lưu giữ, xử lý/ 보유 장소:

Công ty cổ phần môi trường Xanh Minh Phúc tại khu 1 thị trấn Kê Sặt, Bình Giang, Hải Dương.

3. **Thời gian phương thức giao nhận/ 인수방식, 인수 시간:** Chuyển giao khi có sự thỏa thuận, thống nhất của hai bên./ 양당사자가 협의하여 인수하도록 한다.

4. **Số lượng chất thải/ 폐기물량:** Tùy theo lượng chất thải phát sinh của bên A nhưng phải đảm bảo thuận tiện cho năng lực bốc xếp và vận chuyển cho bên B./ A 측의 폐기물량에 따르지만 B 측이 수거해서 운송할 수 있도록 편의를 마련해야 한다..

5. **Phương tiện vận chuyển/ 운송 수단:** Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dùng, sắp xếp người cho hàng hoá lên xe./ B 측은 운송 수단, 인력을 배치하여 운송하도록 한다.

ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3 조: 단가, 정산 방식

1. **Đơn giá vận chuyển - xử lý chất thải, thu mua phế liệu/ 폐기물 수거처리 단가 및 스크랩 매매 단가:**

1.1 **Đơn giá vận chuyển – xử lý chất thải/ 폐기물 수거처리 단가:**

| STT | Loại hàng hóa 항목 | Mã CTNH 코드 | ĐVT 단위 | Đơn giá 단가 (VNĐ) | Trạng thái 비고 |
|-----|--|----------------------|-----------|------------------------|---------------------|
| 1. | Găng tay, giẻ lau dính dầu/ 유분 걸레 | 18 02 01 | Kg | 3.600 | |
| 2. | Bóng đèn huỳnh quang thải/ 폐 전구 | 16 01 06 | Kg | 3.900 | |
| 3. | Pin, ắc quy thải/ 폐 건전지 | 19 06 01 | Kg | 3.800 | |
| 4. | Mực in, hộp, mực in thải/ 폐 잉크 | 08 01 02 08 02 04 | Kg | 3.900 | |
| 5. | Than hoạt tính thải/ 폐 활성탄 | 12 01 04 | Kg | 3.000 | |
| 6. | Bao bì mềm thải/ 부드러운 포장 폐기물 | 18 01 01 | Kg | 3.600 | |
| 7. | Bao bì cứng bằng nhựa thải có TPNH/ 유해 플라스틱 포대 | 18 01 03 | Kg | 2.000 | |
| 8. | Sơn, vecni thải/ 폐 프린트 | 08 01 01 | Kg | 3.800 | |
| 9. | Dung dịch nước tẩy rửa thải có các TPNH 폐기물 세척액에는 유해 성분이 포함되어 있습니다. | 07 01 06 | Kg | 6.000 | |
| 10. | Dầu thải/ 폐 오일 | 17 02 03 | Kg | 3.000 | |
| 11. | Mùn cưa/ 톱밥 | 18 02 01 | Kg | 2.800 | |
| 12. | Xô sơn/ 프린트통 | 18 01 03 | Kg | 2.900 | |
| 13. | Bao bì kim loại nhiễm TPNH/ 유해금속 포대 | 18 01 02 | Kg | 2.000 | |
| 14. | Phoi sắt dính dầu/기름 묻은 철 부스러기 | 07 03 11 | Kg | 1.000 | |
| 15. | Bể nước thải sản xuất/ 생산 폐수 탱크 | | Kg | 3.500 | |
| 16. | Bùn thải thông thường/ 일반 슬러지 | | Kg | 2.800 | |
| 17. | Nước thải sinh hoạt thông thường/ 일반 생활 폐수 | | Kg | 2.000 | |
| 18. | Rác thải công nghiệp thông thường/ 일반 공업 쓰레기 | | Kg | 3.000 | |
| 19. | Rác thải sinh hoạt/ 생활 쓰레기 | | Kg | 2.600 | |

- Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT và chi phí chuyển tiền qua tài khoản./ 본 단가는 부가세 및 이체송금 요금 별도.

1.2 Đơn giá thu mua phế liệu sạch/ 일반 스크랩 매매 단가:

| STT | Loại hàng hóa hàng mục | ĐVT đơn vị | Đơn giá đơn giá (VNĐ) | Trạng thái bị cáo |
|-----|---|---------------|-----------------------------|----------------------|
| 1 | Bìa carton/ 종이 박스 | Kg | 3.800 | |
| 2 | Nylon trắng sạch không lẫn tạp chất/ 일반 비닐봉투 | Kg | 8.600 | |
| 3 | Xốp trắng sạch/ 일반 스티로폼 | Kg | 6.000 | |
| 4 | Thép, gang / 강철 | Kg | 9.000 | |
| 5 | Sắt / 철 | Kg | 8.000 | |
| 6 | Bột sắt hàn/ 분철 | Kg | 3.700 | |
| 7 | Pallet gỗ/ 파레트 | Kg | 300 | |

- Đơn giá đã bao gồm thuế VAT./ 본 단가는 부가세별도.

2. Phương thức thanh toán/ 정산 방식

2.1 Đối với chất thải/ 폐기물:

- Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận cho từng đợt chuyển giao chất thải để làm căn cứ cho việc nghiệm thu thanh toán và xuất hóa đơn GTGT./ 양당사자는 정산하고 부가세 영수증을 발행하기 위한 근거로 폐기물 인수인계 확인서를 작성하도록 한다.

- Bên A thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản sau khi bên A nhận được hóa đơn GTGT hợp lệ từ bên B./ A 측은 부가세 영수증을 접수한 후 이체송금, 또는 현금으로 정산하도록 한다.

- Bên B sẽ trả bên A các liên chứng từ chất thải nguy hại (nếu có) sau khi bên A thanh toán hoá đơn đầy đủ./ B 측은 A 측이 정산 의무를 한 후 A 측에게 관련 유해 폐기물 문서를 반납하도록 한다.

2.2 Thu mua phế liệu sạch/ 일반 스크랩:

- Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận (phiếu xuất kho, phiếu cân...) cho từng đợt chuyển giao phế liệu để làm căn cứ cho việc nghiệm thu, xuất hóa đơn thanh toán./ 양당사자는 정산하고 부가세 영수증을 발행하기 위한 근거로 출고서, 수량측정서 등의 스크랩 인수인계 확인서를 작성하도록 한다.

- Bên B sẽ thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản sau khi bên B nhận được hóa đơn GTGT hợp lệ từ bên A./ B 측은 A 측의 관련 영수증과 정산 서류를 접수한 후 A 측에게 이체송금, 또는 현금으로 정산하도록 한다.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

4 조: 양당사자의 책임

1. Trách nhiệm bên A/ A 측의 책임

- Trước mỗi đợt bàn giao chất thải, phế liệu bên A phải báo trước cho bên B ít nhất 01 ngày để bên B có thời gian bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển./ 폐기물, 스크랩 인수인계 전 A 측은 운송수단 및 인력을 배치할 수 있도록 B 측에게 최소한 01 일전 사전 통보해야 한다.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân lực và phương tiện của chủ vận chuyển vào điểm tập kết chất thải để thực hiện bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển phù hợp./ B 측의 작업 인력, 운송 수단이 폐기물 저장 장소로 출입할 수 있도록 편의를 마련한다.

- Chuyển giao chất thải cho bên B, lập chứng từ CTNH theo như quy định của Thông tư 36/2015/TT- BTNMT ngày 30/6/2015 về Quản lý chất thải nguy hại của Bộ Tài nguyên và Môi trường, yêu cầu ghi rõ tên, số lượng CTNH bàn giao, đại diện có thẩm quyền ký và đóng dấu xác nhận, giữ lại liên 1 và bàn giao cho bên B các liên còn lại./ 환경자원부 유해폐기물 관리에 대한 2015/06/30 일 36/2015/TT- BTNMT 안내서 규정에 따라 B 측에게 폐기물 인수인계하고 유해폐기물 문서를 작성하도록 한다. 폐기물명, 수량을 명시하고 관할조직의 승인 도장, 싸인을 받고 각각 한당사자가 한부를 보관토록 한다.

- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên B thực hiện các hoạt động chuyên môn, giải quyết các vướng mắc và giám sát trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển, xử lý chất thải để công việc tiến triển thuận lợi và đúng pháp luật./ 간부, 기술자를 배치하여 문제 발생시 법적으로 B 측과 같이 즉시 해결할 수 있도록 한다.

- Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình cân đo khối lượng, vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B./ A 측은 B 측 작업을 방해하지 않으면서 수량측정, 운송, 수거처리시 감찰할 수 있다.

- Thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên B theo đúng nội dung hợp đồng sau khi bên A nhận được các chứng từ và hóa đơn thanh toán hợp lệ từ bên B./ A 측은 영수증과 정산 서류를 전수한 후 B 측에게 정산 의무를 하도록 한다.

- Đảm bảo không có bên thứ 3 tham gia vào quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải có trong hợp đồng./ 본 계약 작업을 진행시 제 3 자 참여없이 진행하도록 한다.

- Phải có trách nhiệm đến cùng với chất thải đã bàn giao, phối hợp và tạo mọi điều kiện thuận lợi để cùng bên B vận chuyển và xử lý những chất thải nói trên một cách an toàn, hiệu quả và triệt để. Định kỳ có trách nhiệm báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về môi trường tại địa phương về quá trình thực hiện quản lý CTNH theo quy định của nhà nước./ 인수인계 하는 폐기물에 대한 책임을 끝까지 져야 하며 B 측이 수거처리시 노동안전 및 효율성을 보장하도록 편의를 준비해야 한다. 국가 규정에 따라 유해폐기물 관리시 환경청에게 정기 보고 의무를 해야 한다.

2. Trách nhiệm của bên B/ B 측의 책임

- Nhanh chóng bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có sự yêu cầu bàn giao chất thải, phế liệu và thông báo cho bên A thời gian đến nhận chất thải, phế liệu./ A 측의 통보 접수 한 후 폐기물, 스크랩 인수 시간, 수단, 인력을 최대한 빠르시 배치해야 한다.

- Vận chuyển đúng khối lượng và chủng loại chất thải của chủ nguồn thải bàn giao cho chủ xử lý. Có trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra trên đường vận chuyển, xử lý và ngay lập tức thông báo cho bên A để cùng phối hợp giải quyết các sự cố xảy ra (nếu có)./ 인수인계 받는 폐기물 종류, 수량을 맞춰서 수거처리를 진행하며 문제 발생시 A 측에게 즉시 통보하여 협의하여 조치하도록 한다.

- Xử lý triệt để và chịu trách nhiệm đến cùng với chất thải của bên A./ A 측의 폐기물 수거처리에 책임을 끝까지 져야 한다.

- Xác nhận chứng từ CTNH và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bên A sau khi đã hoàn thành trách nhiệm của mình./ 작업 의무를 완성한 후 유해폐기물 문서, 영수증을 발행하도록 한다.

- Thanh toán chi phí thu mua phế liệu cho bên A theo đúng nội dung thanh toán./ 정산 조항에 따라 A 측에게 스크랩 비용을 정산하도록 한다.

- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên A thực hiện các hoạt động chuyên môn để triển khai công việc cũng như giám sát trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển và xử lý chất thải./ 수거처리, 운송시 A 측과 같이 인력을 배치하여 협조하도록 한다.

- Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí./ B 측은 폐기물 내역에 일부, 또는 전체 폐기물이 안 맞은 경우 양당사자가 협의 하여 해결하도록 한다. 발생시 폐기물 수거처리는 양당사자의 협의를 통해서 진행하며 발생 비용은 A 측에 있다.

- Bên B có quyền tạm dừng việc vận chuyển chất thải nếu phát hiện chất thải của bên A không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn ở Thông tư 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường./ B 측은 환경자원부 36/2015/TT-BTNMT 안내서에 따라 A 측이 법적으로 폐기물 종류, 수량, 보유, 패킹 규정에 준수하지 않는 경우 폐기물 수거처리를 정지할 수 있다.

- Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng./ B 측은 A 측이 폐기물 인수인계, 또는 수량 접수 직원을 배치하지 않는 경우 폐기물 수거처리를 거부할 수 있다.

- Nếu có bất kỳ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho bên A để cùng phối hợp giải quyết./ 계약 진행시 문제 발생시 A 측에게 서면으로 통보하여 즉시 해결할 수 있도록 한다..

ĐIỀU 5. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

5 조: 계약 종료

- Kết thúc thời hạn của hợp đồng và các bên hoàn thành mọi nghĩa vụ liên quan bao gồm: nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ bồi thường (nếu có) và nghĩa vụ bảo mật thông tin./ 계약 기간이 종료되며 양당사자가 정산 의무, 배상 의무 (필요시), 정보비밀 의무를 완성하도록 한다.

- Các bên thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn./ 양당사자가 계약 기간전 계약 종료에 대한 협의하도록 한다.

- Một trong hai bên bị giải thể, phá sản hoặc bị đình chỉ hoạt động. Trong trường hợp này cách thức chấm dứt hợp đồng sẽ do các bên thỏa thuận trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam. Khi đó hai bên phải ký biên bản thanh lý hợp đồng./ 양당사자 중 한 당사자가 해체, 파산, 영업 정지 당하는 경우 베트남법규에 따라 양측 협의하여 해결하도록 한다. 양당사자가 계약 정리 확인서를 체결하도록 한다.

- Một trong hai bên có thể đơn phương tạm dừng hoặc chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:/ 양당사자 중 한 당사자가 다음과 같은 경우 계약 종료, 또는 해지 가능하다.

+ Khi bên A hoặc bên B lâm vào tình trạng bất khả kháng hoặc năng lực xử lý tạm thời bị hạn chế thì các bên chủ động thông báo bằng văn bản để thống nhất công việc./ A 측, 또는 B 측은 불가항력을 당하거나 처리 능력이 임시 제한되는 경우 양당사자가 서로 서면으로 통보해야 한다.

+ Bên A thanh toán không đúng thời hạn./ A 측은 정산 기간을 준수하지 않는다.

- Thủ tục đơn phương tạm dừng hoặc chấm dứt hợp đồng: hai bên gửi văn bản tạm dừng hoặc chấm dứt hợp đồng cho bên còn lại./ 일방 해지, 정지시 서류: 상대방에게 서면으로 정지, 해지 통보를 해야 한다.

ĐIỀU 6: THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

6 조: 계약 기간, 계약 효력

- Hợp đồng này có hiệu lực 01 năm từ ngày ký./ 본 계약은 체결날로부터 01년 이내 효력이 발생하다.

ĐIỀU 7: CAM KẾT CHUNG

7 조: 공통 약속

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng này./ 양당사자가 본 계약 내용을 준수하도록 약속한다.

- Hai bên không được đơn phương sửa đổi nội dung hay huỷ bỏ hợp đồng. Khi có bất kỳ sự thay đổi nào trong hợp đồng phải được hai bên thống nhất và ký kết bằng Phụ lục hợp đồng kèm theo các điều khoản chi tiết. Bất cứ sự tẩy xóa, sửa đổi nào đều không có hiệu lực./ 양당사자가 일방적으로 계약 내용을 개정하거나 해지해서는 안된다. 본 계약 관련 변경이 있으면 양당사자의 협의하에 첨부 부록으로 체결해야 한다. 모든 낙서, 또는 개정은 효력이 없다.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có gì vướng mắc, kịp thời thông báo cho nhau cùng bàn bạc tìm cách giải quyết trên cơ sở hợp tác đảm bảo lợi ích cho cả hai bên. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được sẽ khiếu nại tới Tòa án kinh tế Hải Dương để giải quyết theo luật định. Bên sai phải chịu hoàn toàn trách nhiệm và các chi phí liên quan./ 본 계약 이행시 문제 발생시 양당사자의 권리를 보장하면서 문제를 즉시 해결하도록 한다. 양측간 분쟁이 발생시 양측이 서로 해결할 수 없는 경우 하이프영성 경제법원을 통해 항고를 제출하여 법적으로 해결하도록 한다. 진자가 모든 관련 비용에 대해 부담한다.

- Hợp đồng lập thành 04 bản bằng Tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để làm cơ sở thực hiện./ 본 계약은 베트남어 04부로 작성되며 유사한 법적 가치를 갖추며 각 당사자가 02부를 보관토록 한다.

ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC
JUNG YONGHYUN

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC
LƯU QUANG VŨ



**HOAPHU
INVEST**

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

V/v: Đảm bảo thực hiện hợp đồng cho thuê lại đất gắn với cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Giữa

**CÔNG TY TNHH HÒA PHÚ INVEST
&
DAE-A HITECH CO., LTD**



**Bắc Giang, tháng 3 năm 2021
Bac Giang, March 2021**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
IN-PRINCIPLE AGREEMENT

**V/v: Đảm bảo thực hiện Hợp đồng cho thuê lại đất gắn với cơ sở hạ tầng tại
Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang**

*About: Ensure implementation of the Contract on subleasing land with
infrastructure at Hoa Phu Industrial Park, Hiep Hoa District, Bac Giang
Province*

Số/ No: 45./2021/HĐNT-HPI

Căn cứ/ Pursuant to:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;

The Civil Code No. 91/2015/QH13 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 24th, 2015;

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

The Investment Law No. 61/2020/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17th 2020, effective from 01/01/2021;

- Luật Đất đai số 45/2013/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2013;

The Land Law No. 45/2013/QH11 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 29th, 2013;

Hôm nay, ngày 09.. tháng 3.. năm 2021, tại Công ty TNHH Hòa Phú Invest,
Chúng tôi gồm:

Today of Nhich 9th, 2021 at Hoa Phu Invest Co., Ltd, we consist of:

I. BÊN A / PARTY A

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY TNHH HÒA PHÚ INVEST**

Company : **HOA PHU INVEST COMPANY LIMITED**

Địa chỉ : **Lô HC- Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp**

Head Office:
Lot HC- Hoa Phu Industrial Park, Mai Dinh,
Hiep Hoa, Bac Giang.
Tel: (0204) 358 6868

Office:
No 24, Ngo Quyen, Van Phuc, Ha Dong,
Ha Noi
Tel: (024) 3311 9806

www.hoaphuip.com

[Handwritten signatures]

Address : Hòa, tỉnh Bắc Giang
: Lot HC- Hoa Phu Industrial Park, Mai Dinh Commune, Hiep
Hoa District, Bac Giang Province
Điện thoại : 0204 358 6868
Tel : 0204 3586868
Mã số thuế : 2400803196
Tax code : 2400803196
Đại diện bởi : Ông Trần Sỹ Nam
Represent by : Mr. Tran Sy Nam
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Position : General Director

II. BÊN B/ PARTY B

Tên doanh nghiệp : DAE-A HITECH COMPANY LIMITED
Company : DAE-A HITECH COMPANY LIMITED
Địa chỉ : 135, Gukgasandanse-ro 71-gil, Guji-myeon Dalseong-
gun, Daegu, Hàn Quốc
Address : 135, Gukgasandanse-ro 71-gil, Guji-myeon Dalseong-
gun, Daegu, South Korea
Đại diện bởi : Ông Nam-Weon Lee
Represent by : Mr. Nam-Weon Lee
Chức vụ : Giám đốc điều hành cấp cao
Position : Senior Managing Director

Bên A và Bên B sau đây sẽ được gọi tắt chung là “Các Bên”

Party A and Party B hereinafter collectively referred to as “the Parties”

XÉT RẰNG/ WHEREAS:

- Bên A là Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phú được Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 2343318888 cấp chứng nhận lần đầu ngày 20/5/2016 và chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 15/4/2020;

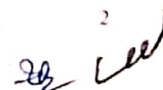
Party A is the owner of construction and trading the infrastructure of Hoa Phu Industrial Park which is granted the Investment Certificate No. 2343318888 issued by Bac Giang Industrial Zones Authority on 20/5/2016, the 4th amendment on 15/4/2020;

- Bên B là doanh nghiệp có nhu cầu mặt bằng để thành lập Công ty thực hiện Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất trong Khu Công Nghiệp Hòa Phú.

Head Office:
Lot HC- Hoa Phu Industrial Park, Mai Dinh,
Hiep Hoa, Bac Giang.
Tel: (0204) 358 6868

Office:
No.24, Ngo Quyen, Van Phuc, Ha Dong,
Ha Noi
Tel: (024) 3311 9806

www.hoaphuip.com



Bên B được hiểu bao gồm Công ty của Bên B/Công ty được Bên B thành lập để thực hiện dự án tại KCN Hòa Phú theo quy định của pháp luật.

Party B is an enterprise that needs premises to set up a company to implement the project of factory to manufacture ...in Hoa Phu Industrial Park.

Party B includes the Company of Party B / Company established by Party B to implement the project in Hoa Phu IP according to regulations of the Law.

- Sau khi được Bên A giới thiệu chi tiết vị trí Lô CN- 10, tình hình triển khai xây dựng cũng như căn cứ pháp lý của Dự án Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, Bên B đã xem xét, đồng ý đặt cọc và cam kết thuê lại đất gắn với cơ sở hạ tầng trong KCN Hòa Phú đối với Lô đất theo nội dung đã được hai bên thỏa thuận thống nhất.

After Party A provides detailed information about Lot CN-10, construction progress as well as the legal basis of Hoa Phu Industrial Park, Hiep Hoa District, Bac Giang Province (the "Project"), Party B has considered and agreed to make a deposit and commit to sublease the land with infrastructure in Hoa Phu Industrial Park for the Land Lot in accordance with the content agreed by the parties.

Do đó, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hai Bên đồng ý ký kết Hợp đồng nguyên tắc này với nội dung và điều khoản cụ thể như sau:

THEREFORE, on the basis of voluntary agreement, the two parties enter into this In-Principle Agreement (called as "IPA") with the following conditions and terms:

ĐIỀU 1: MỤC ĐÍCH CỦA HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

ARTICLE 1: PURPOSE OF THE IN-PRINCIPLE AGREEMENT

Hợp đồng nguyên tắc này đưa ra các quy định về việc Bên B cam kết ký Hợp đồng cho thuê lại đất gắn với cơ sở hạ tầng đối với lô đất được xác định tại Điều 2 dưới đây (gọi tắt là "**Hợp đồng chính thức**") để Bên B thực hiện Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất và gia công vỏ thiết bị ATM tại Khu Công nghiệp Hòa Phú

This IPA sets out the regulations on Party B's commitment to sign the Contract on subleasing land with infrastructure for the land lot as defined in Article 2 below (called as "Official Contract") so that Party B carries out the project of manufacturing and processing ATM's cover in Hoa Phu Industrial Park

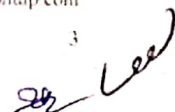
ĐIỀU 2: VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH, THỜI HẠN THUÊ ĐẤT

ARTICLE 2: LOCATION, AREA, TERM OF LEASE LAND

Head Office:
Lot HC- Hoa Phu Industrial Park, Mai Đình,
Hiệp Hòa, Bắc Giang.
Tel: (0204) 358 6868

Office:
No 24, Ngo Quyen, Van Phuc, Ha Dong,
Ha Noi
Tel: (024) 3311 9806

www.hoaphup.com



- 2.1 Vị trí Lô Đất: Lô CN- 10, Khu công nghiệp Hòa Phú, Bắc Giang.
Location: Lot CN-10, Hoa Phu Industrial Park, Bac Giang.
- 2.2 Diện tích Lô Đất (dự kiến): 10.373,87 m² (Mười nghìn, ba trăm bảy mươi ba phẩy tám bảy mét vuông).
 (Diện tích và mốc giới chính thức được bàn giao tại hiện trường làm cơ sở thanh toán).
Land area (estimated): 10.373,87m² (Ten thousand, three hundred and seventy-three point eighty-seven square meters).
(The actual area and official landmarks of the Lot handed over on-site shall be the basis of financial obligations).
- 2.3 Thời hạn thuê lại đất gắn với cơ sở hạ tầng: Kể từ ngày Bên A bàn giao mặt bằng đến ngày 20/05/2066 (Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2343318888 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 20/5/2016 và chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 15/4/2020).
Term of sublease the land with infrastructure ("Sublease Term"): From the date Party A hands over the land lot to 20th May, 2066 (According to the Investment Certificate No. 2343318888 issued by Bac Giang Industrial Zones Authority, the 4th amendment on 15/4/2020).

ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG, TIỀN ĐỘ THANH TOÁN ARTICLE 3: CONTRACT VALUE, PAYMENT SCHUDULE

3.1 Tiền thuê cơ sở hạ tầng:

The sublease price of infrastructure:

Đơn giá thuê cơ sở hạ tầng chưa bao gồm thuế GTGT là: 2.244.580 đồng/m².

*The price unit of subleasing land with infrastructure excluding VAT 10% is:
 2.244.580 VND/m²*

– Tiền thuê cơ sở hạ tầng:

$$2.244.580 \text{ đồng/m}^2 \times 10.373,87\text{m}^2 = 23.284.981.125 \text{ đồng}$$

– Thuế GTGT: 23.284.981.125 đồng x 10% = 2.328.498.112 đồng

– Tổng giá trị tiền thanh toán: = 25.613.479.237 đồng

Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ, sáu trăm mười ba triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn, hai trăm ba mươi bảy đồng ./.

The sublease price of infrastructure:

$$2.244.580 \text{ VND/m}^2 \times 10.373,87\text{m}^2 = 23.284.981.125 \text{ VND}$$

– VAT: 23.284.981.125 VND x 10% = 2.328.498.112 VND

Head Office
 Lot HC - Hoa Phu Industrial Park, Mai Đình,
 Hiệp Hòa, Bắc Giang
 Tel (0204) 358 6868

Office:
 No.24, Ngõ Quyen, Van Phuc, Ha Dong,
 Ha Noi
 Tel: (024) 3311 9806

www.hoaphuip.com

[Handwritten signature]

The total value of payment: = 25.613.479.237 VND

In words: Twenty-five billion, six hundred and thirteen million, four hundred seventy nine thousand, two hundred thirty seven dong../.

Trường hợp doanh nghiệp do Bên B thành lập để thực hiện dự án đầu tư tại KCN Hòa Phú là doanh nghiệp chế xuất thì Bên B được áp dụng các quy định của pháp luật Việt Nam về thuế GTGT đối với doanh nghiệp chế xuất (Bên B có trách nhiệm cung cấp cho Bên A văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh Bên B là doanh nghiệp chế xuất).

In case the enterprise established by Party B to implement an investment project in Hoa Phu Industrial Park is an export processing enterprise, Party B may apply the provisions of Vietnamese law on VAT applicable to the export processing enterprise (Party B is responsible for providing Party A with a document from a competent authority proving that Party B is an export processing enterprise).

3.2 Tiến độ thanh toán tiền thuê cơ sở hạ tầng:

Payment schedule of the price of leasing infrastructure:

Bên B thanh toán thành 04 đợt như sau:

Party B shall make payment in 04 installment as follows:

- **Đợt 1:** Bên B sẽ đặt cọc 30% tổng giá trị tiền thanh toán quy định tại khoản 3.1 (chưa bao gồm 10% thuế VAT) tương ứng với số tiền **6.985.494.338 đồng** (Sáu tỷ, chín trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi bốn nghìn, ba trăm ba mươi tám đồng ../.) trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày ký Hợp đồng Nguyên tắc này.

1st installment: Party B shall make a deposit of 30% of the total value of payment stipulated in Clause 3.1 with the amount of 6.985.494.338 VND (Six billion, nine hundred and eighty-five million, four hundred and ninety-four thousand, three hundred and thirty-eight Vietnames dong../.) within 05 (five) days from the date of signing this IPA.

Khoản Đặt cọc này nhằm cam kết về việc Bên B sẽ ký kết Hợp đồng cho thuê lại đất gắn với cơ sở hạ tầng với Bên A. Khoản Đặt cọc này Bên B không được hưởng lãi và được coi là khoản thanh toán Đợt 1 của Bên B theo quy định của Hợp đồng chính thức khi hai bên ký Hợp đồng chính thức.

This Deposit is to commit that Party B will sign the contract of subleasing land with infrastructure with Party A. This Deposit amount of Party B shall bear no interest and shall become the first installment of Party B when both Parties signed the Official Contract.

Nếu quá thời hạn trên mà Bên B không đặt cọc, Hợp đồng nguyên tắc này sẽ mặc nhiên hết hiệu lực, Bên A có quyền cho đơn vị khác thuê lại Lô đất.

Head Office:
Lot HC- Hoa Phu Industrial Park, Mai Đình,
Hiep Hoa, Bac Giang.
Tel: (0204) 358 6868

Office:
No 24, Ngo Quyen, Van Phuc, Ha Dong,
Ha Noi
Tel: (024) 3311 9806

www.hoaphuip.com

If the above deadline is due and Party B does not make a deposit, this IPA shall automatically expire, Party A reserve the right to allow the other Parties to sublease the Land Lot.

- **Đợt 2:** Bên B thanh toán 40% tổng giá trị tiền thanh toán quy định tại Hợp đồng chính thức trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày Ký Hợp đồng chính thức hoặc trước ngày 25/4/2021 theo quy định của Hợp đồng này tùy thuộc điều kiện nào đến trước.

2nd installment: Party B shall settle 40% of the total payment value stipulated in the Official Contract within 07 (seven) days from the date of signing the Official Contract or before the date of 25/04/2021 depending on which condition comes first;

- **Đợt 3:** Trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ Bên A bàn giao mặt bằng cho Bên B, Bên B thanh toán 25% tổng giá trị tiền thanh toán quy định tại Hợp đồng chính thức;

3rd installment: Within 07 (seven) days from the date Party A hands over the Land Lot to Party B, Party B shall settle 25% of the total payment value stipulated in the Official Contract

Đợt 4: Trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ Bên A thông báo Bên B được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp GCN quyền sử dụng đất, Bên B thanh toán 5% tổng giá trị tiền thanh toán quy định tại tại Hợp đồng chính thức;

4th installment : Within 07 (seven) days from Party A's notice that Party B is granted the Land Use Right Certificate by the competent authority, Party B shall settle 5% of the total Infrastructure Rental Fee stipulated in the Official Contract

3.3 Chậm thanh toán/ Late payment

Nếu Bên B không thực hiện đúng và đủ nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 3 này thì kể từ ngày đến hạn thanh toán Bên B sẽ phải chịu lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay của Ngân hàng Vietcombank tính trên toàn bộ số tiền chậm thanh toán cho số ngày thanh toán chậm.

Nếu thời gian chậm thanh toán vượt quá 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán theo quy định tại Điều 3 trong Hợp đồng này mà Bên B chưa thanh toán và không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A, thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng chính thức và không hoàn trả lại các khoản Bên B đã thanh toán.

Kể từ thời điểm chấm dứt Hợp đồng chính thức, Bên A có quyền cho khách hàng khác thuê lại Lô đất này.

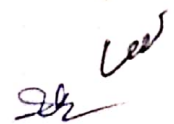
If Party B fails to perform properly and fully its obligation as stipulated in this Article 3 then after 10 business days from the payment due date, Party B

Head Office
Lot HC- Hoa Phu Industrial Park, Mai Dinh,
Hiep Hoa, Bac Giang
Tel: (0204) 358 6868

Office
No.24, Ngo Quyen, Van Phuc, Ha Dong,
Ha Noi
Tel: (024) 3311 9806

www.hoaphuoc.com

6



shall bear the late payment interest rate of 150% of Vietcombank loan interest rate calculated on the full amount of the late payment for the number of days of delayed payment.

If the late payment period exceeds 60 days from the payment due date stipulated in Article 3 of this IPA that Party B has not paid yet and without the written consent of Party A, then Party A has the right to unilaterally terminate the Official Contract and does not have to refund any payment that Party B has paid.

Since the Official contract termination, Party A has the right to allow another Party to sublease this Land Lot.

3.4 Tiền thuê đất/ Land rental

Bên B thanh toán tiền thuê đất hàng năm (đã bao gồm thuế GTGT theo quy định) cho Bên A. Bên A sẽ phát hành cho Bên B hóa đơn GTGT cho các khoản thanh toán này.

Party B will pay the annual land rent (including VAT as stipulated) to Party A. Party A will issue Party B an VAT invoice for these payments

Tiền thuê đất hàng năm được xác định như sau:

The annual land rent is determined as follows:

$$\text{Tiền thuê đất hàng năm} = \text{Diện tích thuê đất} \times \text{Đơn giá thuê đất}$$

$$\text{The annual land rental} = \text{The area of land lease} \times \text{The land rental unit price}$$

Trong đó/Which:

- a. Đơn giá thuê đất: **12.800 đồng/m²/năm** (chưa bao gồm thuế GTGT theo quy định). Đơn giá thuê đất được tính dựa trên đơn giá do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại từng thời điểm. Khi đơn giá này có sự thay đổi thì các bên sẽ tiến hành thỏa thuận điều chỉnh thích hợp theo quy định của pháp luật tại thời điểm thay đổi.

The land rental unit price: **12.800 VND/m²/year** (excluding VAT as stipulated). The land rental unit price is calculated based on the unit price set by Competent State Agency regulated from time to time. When this unit price is changed, the parties will proceed to an appropriate adjustment agreement according to the provisions of law at the time of change of the unit price.

- b. Diện tích thuê đất: Diện tích thuê đất được tạm tính bằng diện tích theo quy định tại Khoản 2.2, Điều 2 của Hợp đồng này và được chuẩn xác theo diện tích thực tế quy định tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho Bên B.

The land leased area is calculated based on the the area as stipulated in Clause 2.2, Article 2 of this Contract and the atual area as stipulated in the Land Use Right Certificate granted by the compenent state Agency to Party B.

Head Office:
Lot 11C- Hoa Phu Industrial Park, Mai Dinh,
Hiep Hoa, Bac Giang.
Tel: (0204) 358 6868

Office:
No 24, Ngo Quyen, Van Phuc, Ha Dong,
Ha Noi
Tel: (024) 3311 9806

w.w.hoaphuip.com

7

- c. Tiền thuê đất hàng năm chưa bao gồm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và các khoản thuế, phí và bất kỳ khoản chi phí đăng ký, lệ phí hành chính nào khác (nếu có) theo quy định của pháp luật phát sinh từ việc sử dụng Lô đất của Bên B. Bên B thanh toán trực tiếp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và các khoản thuế, phí phát sinh đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

The land rental excludes non-agricultural land use tax, the taxes, fees and any other costs of registration and/or administration (if any), according to regulations of the Law arising from the use of the Land Lot by Party B. Party B shall directly pay non-agricultural land use tax and such taxes and incurred costs to the competent state agency.

- d. Thời điểm tính tiền thuê đất: Kể từ ngày Bên A bàn giao mặt bằng.

Time of calculate the land rent: Since the date Party A handover the Land Lot.

- e. Tiến độ thanh toán tiền thuê đất/*Payment schedule:*

- Bên B thanh toán tiền thuê đất cho Bên A theo kỳ, mỗi Kỳ là 06 tháng;

Party B settle the land rent to Party A by Term, a Term is equivalent to 06 months;

- ✓ Kỳ I: Bên B thanh toán cho Bên A từ ngày 01/01 đến 10/01 hàng năm

Term 1: Party B settle the payment for Part A since 01/01 to 10/01 annually.

- ✓ Kỳ II: Bên B thanh toán cho Bên A từ ngày 01/07 đến 10/07 hàng năm

Term 2: Party B settle the payment for Party A since 01/07 to 10/07 annually.

- Riêng kỳ thanh toán đầu tiên Bên B sẽ thanh toán tiền thuê đất từ ngày Bên A bàn giao mặt bằng cho Bên B đến hết ngày 31/12/2021.

Thời gian thanh toán: Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng và có văn bản thông báo của Bên A.

Particularly for the first payment Term, Party B shall settle the land rental from the date Party A hands over the Land Lot to the end of 31/12/2021

Time of payment: Within 10 (ten) days from the date of handover the Land Lot and notification documents from Party A.

- Nếu trường hợp Bên B chậm thanh toán tiền thuê đất cho Bên A theo quy định tại Khoản 3.4. Điều 3 của Hợp đồng này thì Bên B sẽ phải thanh toán cho Bên A khoản tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán với mức lãi suất 150% lãi suất cho vay của Ngân hàng Vietcombank tính trên số tiền chậm thanh toán cho số ngày thanh toán chậm nhưng thời gian chậm thanh toán không được vượt quá 60 (sáu mươi) ngày.

If Party B fails to settle the land rent to Party A in accordance with Clause 3.4. Article 3 of this Contract, Party B will have to pay for Party A the interest due to late payment at the interest rate is 150% of Vietcombank loan interest rate

Head Office
Lot HC- Hoa Phu Industrial Park, Mai Đình,
Hiệp Hòa, Bắc Giang.
Tel: (0204) 358 6868

Office:
No 24, Ngo Quyen, Van Phuc, Ha Dong,
Ha Noi
Tel: (024) 3311 9806

www.hoaphuip.com

8

calculated on the amount of late payment for the number of days of delayed payment but the time of delayed payment must not exceed 60 (sixty) days.

3.5 Tiền dịch vụ quản lý công nghiệp (Hai bên sẽ ký Hợp đồng riêng):

Tiền dịch vụ quản lý công nghiệp bao gồm: Điện chiếu sáng công cộng; an ninh trật tự công cộng; chăm sóc cây xanh công cộng; vệ sinh công cộng, duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng theo quy định (không bao gồm xử lý chất thải, nước thải) trong Khu công nghiệp Hòa Phú.

Fee for industrial management services include: Public lighting, public security, public landscaping and public hygiene, maintenance, repair and maintenance infrastructure as stipulated (excluding waste and wastewater treatment) in Hoa Phu Industrial Park;

- Đơn giá dịch vụ chưa bao gồm thuế GTGT tại thời điểm ký Hợp đồng này là **11.750 đồng/m²/năm.**

Unit price excluding VAT tax at the time of signing this Contract is: 11.750 VND/m²/year.

- Thời điểm tính tiền dịch vụ: Kể từ ngày Bên A bàn giao mặt bằng.

The services fees charged: From the date Party A hands over the Land Lot.

- Đơn giá trên sẽ được xem xét điều chỉnh vào tháng 12 hàng năm căn cứ vào tình hình giá thị trường chung. Các Bên sẽ thoả thuận mức điều chỉnh thích hợp nhưng không quá 5%/năm so với kỳ thanh toán trước đó;

The above unit price will be reviewed and adjusted in December each year based on the general market price situation. The Parties shall agree on an appropriate level of adjustment but not exceeding 5%/year compared to the previous payment period;

- Trong trường hợp quá 30 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán tiền dịch vụ theo quy định tại Khoản 3.5, Điều 3 của Hợp đồng này mà Bên B không thanh toán tiền dịch vụ cho Bên A, Bên B sẽ phải thanh toán cho Bên A khoản tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán với mức lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay của Ngân hàng Vietcombank tính trên số tiền chậm thanh toán cho số ngày thanh toán chậm nhưng thời gian chậm thanh toán không được vượt quá 60 (sáu mươi) ngày. Nếu thời gian chậm thanh toán vượt quá 60 (sáu mươi) ngày Bên A có quyền tạm dừng cung cấp các dịch vụ cho Bên B theo quy định.

In case of over 30 days from the due date of payment for service charges in accordance with Clause 3.3, Article 3 of this Contract but Party does not settle the service charge for Party A, Party B will have to pay for Party A the interest due to late payment at the interest rate is 150% of Vietcombank loan interest rate calculated on the amount of late payment for the number of days of delayed payment but the time of delayed payment must not exceed 60 (sixty) days. If the

Head Office:
Lot HC - Hoa Phu Industrial Park, Mai Dinh,
Hiep Hoa, Bac Giang
Tel: (0204) 358 6868

Office:
No. 24, Ngo Quyen, Van Phuc, Ha Dong,
Ha Noi
Tel: (024) 3311 9806

www.hoaphup.com

9

late payment time exceeds 60 (sixty) days , Party A has the right to temporarily stop providing services to Party B as regulated.

3.6 *Phí sử dụng nước sạch, phí xử lý nước thải /the fee of using clean water, fee of wastewater treatment*

Hai bên sẽ ký Hợp đồng riêng/the two parties shall sign a separate contract)

3.7 *Các chi phí khác/Other costs:*

Bên B thanh toán trực tiếp tiền điện, thông tin liên lạc, chi phí duy trì đội PCCC chuyên ngành trong Khu công nghiệp theo quy định của Pháp luật... cho đơn vị cung cấp các dịch vụ này theo Hợp đồng riêng ký kết giữa Bên B với nhà cung cấp dịch vụ theo quy định.

Party B directly make a payment for electricity, communication, maintenance fee of specialized fire prevention and fighting teams in the Industrial Park according to the provisions of law ... to the respective providers under separate Contracts signed between Party B and the service providers as regulated.

3.8 *Đồng tiền thanh toán / Currency of payment*

Bất kỳ khoản phải thanh toán nào theo Hợp đồng nguyên tắc này và Hợp đồng chính thức sẽ được thực hiện bằng đồng tiền Việt Nam (VND) theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên A được nêu tại Mục I hoặc vào một tài khoản khác được chỉ định bằng văn bản của Bên A trước khi thực hiện việc thanh toán. Bên B sẽ chịu các khoản phí giao dịch ngân hàng.

Any payment under the IPA and Official Contract shall be made in Vietnamese Dong (VND) in the form of transfer to Party A's bank account mentioned in Section I or to another account designated in writing by Party A before making the payment. Party B will incur the bank transaction fees.

ĐIỀU 4: BÀN GIAO LÔ ĐẤT

ARTICLE 4 : HAND OVER THE LAND LOT

4.1 *Bên A sẽ bàn giao mặt bằng đã được san lấp theo quy hoạch của Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để Bên B làm cơ sở triển khai thực hiện Dự án. Thời gian bàn giao trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên A nhận được tiền thanh toán đợt 2 của Bên B.*

Party A shall hand over the Land Lot according to the approved planning by the Competent authority so that Party B can serve as the basis to implementing the Project. Party A shall hand over the land for Party B within 07 days since the date Party A receive 2nd installment from Party B.

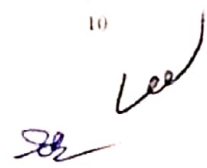
4.2 *Vi phạm tiến độ bàn giao mặt bằng/ Violation of hand-over obligation:*

Head Office:
Lot HC- Hoa Phu Industrial Park, Mai Đình,
Huyện Hòa, Bắc Giang.
Tel: (0204) 358 6868

Office:
No.24, Ngo Quyen, Van Phuc, Ha Dong,
Ha Noi
Tel: (024) 3311 9806

www.hoaphuip.com

10



Trừ trường hợp bất khả kháng, trong trường hợp quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày đến hạn bàn giao mặt bằng theo quy định tại khoản 4.1, Điều 4 mà Bên A chưa bàn giao được mặt bằng cho Bên B thì Bên A sẽ có nghĩa vụ trả tiền cho việc chậm bàn giao cho Bên B tiền lãi với lãi suất 150% lãi suất cho vay của Ngân hàng Vietcombank cho số tiền Bên B đã thanh toán cho Bên A.

Except for force majeure, in case of over 30 (thirty) days from the due date of land hand-over according to the provisions of Clause 4.1, Article 4 and Party A has not yet handed over the Land Lot to Party B, Party A shall be obliged to pay for late handover to Party B an amount of the interest with the interest rate of 150% of Vietcombank loan interest rate charged on the total amount that Party B have already paid for Party A.

ĐIỀU 5 : KÝ KẾT HỢP ĐỒNG CHÍNH THỨC

ARTICLE 5 : SIGNING OFFICIAL CONTRACT

- 5.1 Bên B cam kết về việc sẽ ký Hợp đồng chính thức với Bên A trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên B được nhận Cấp phép đầu tư cho dự án thực hiện tại KCN Hòa Phú. Tất cả các nội dung đã ký kết tại Hợp đồng nguyên tắc này sẽ được ghi nhận vào Hợp đồng chính thức, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

Party B commits to sign the Official Contract with Party A within 07 days since the date Party B is grant the Investment Registration Certificate for Party B's project in Hoa Phu Industrial Park. All contents in this IPA shall be inherited into the Official Contract, unless the Parties have another agreement in writing.

- 5.2 Nếu Bên B không ký kết Hợp đồng chính thức với Bên A mà không do lỗi của Bên A theo quy định tại Khoản 5.1 thì số tiền Bên B đã đặt cọc/Thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng này sẽ thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên A, đồng thời Bên A có quyền cho đối tác khác thuê lại Lô đất được quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.

If Party B does not sign the Official Contract with Party A but not due to Party A's fault as stipulated in Clause 5.1, then the amount that Party B deposited/Paid as agreed in this IPA shall be under the legal ownership of Party A. At the same time, Party A shall have the right to allow other party to sublease the Land Lot as stipulated in Article 2 of this IPA;

- 5.3 Nếu Bên A không ký kết Hợp đồng chính thức với Bên B mà không do lỗi của Bên B theo quy định tại Khoản 5.1 thì ngay lập tức Bên A phải hoàn trả cho Bên B toàn bộ số tiền mà Bên B đã đặt cọc/thanh toán theo Khoản 3.1, Điều 3 của Hợp đồng này. Đồng thời Bên A sẽ phải thanh toán thêm cho Bên B một khoản tiền tương đương với lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay của

Lee
St

Ngân hàng Vietcombank tính trên giá trị tiền đặt cọc mà Bên B đã chuyển tiền cho Bên A và tính từ thời điểm Bên B chuyển tiền cho Bên A;

If Party A does not sign the Official Contract with Party B but not due to Party B's fault as stipulated in Clause 5.1, then Party A shall immediately refund the total amount that Party B has deposited/paid under Clause 3.1, Article 3 of this IPA. At the same time, Party A shall have to pay an additional amount equivalent to the interest rate of 150% of Vietcombank loan interest rate calculated on the Deposit value that Party B has transfer money to Party A and from the time Party B transfers money to Party A;

- 5.4 Trường hợp sau ngày 25/4/2021 dự án chưa được cơ quan có thẩm quyền Cấp phép đầu tư, Bên B có trách nhiệm thanh toán đợt 2 cho Bên A theo quy định tại Khoản 3.2 của Hợp đồng này.

In case after 25/4/2021, the Project has not been granted Investment Certificate by the competent Authorities, Party B is responsible for settle the 2nd installment to Party A in accordance with Article 3.2 of this IPA.

- 5.5 Trong thời hạn Bên B thuê lại đất gắn với cơ sở hạ tầng nếu Bên B có nhu cầu chuyển nhượng cho bên thứ ba toàn bộ hoặc một phần lô đất thì Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A. Bên A xem xét theo đề nghị của Bên B với điều kiện có sự chấp thuận của Cơ quan cấp phép đầu tư trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và sự đồng ý của Ban quản lý KCN Hòa Phú trên cơ sở lựa chọn doanh nghiệp phù hợp về ngành nghề (tham khảo theo phê duyệt đánh giá tác động môi trường cho dự án KCN Hòa Phú được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt), đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp với điều kiện hạ tầng kỹ thuật của KCN theo đó Bên B phải thanh toán cho Bên A các khoản chi phí hành chính phát sinh liên quan đến việc cho thuê lại đất, hợp tác này (Chi phí hành chính phát sinh sẽ được tính tương ứng là 1% tổng giá trị Hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất giữa Bên B với Bên thứ ba).

During the sublease of the land attached to infrastructure by Party B if Party B wishes to transfer the whole or a part of Land lot to a third Party, Party B must notify in writing for Party A. Party A considers at the request of Party B provided that there is the approval of the Investment Licensing Agency on the basis of compliance with the provisions of Vietnamese law and the consent of the Management Board of Hoa Phu Industrial Park on the basis of the department chooses the right business for the profession (refer to the Approved Enviroment Impact Assessment for the Hoa Phu Industrial Park project approved by a Compotent Authority), meet the needs of businesses with technical infrastructure conditions of the Industrial Park. Accordingly, Party B must settle for Party A the fees incurred in connection with the sublease of this land and cooperation (The costs incurred will be

Head Office
Lot HC- Hoa Phu Industrial Park, Mai Dinh,
Hiep Hoa, Bac Giang
Tel (0204) 358 6868

Office:
No 24, Ngo Quyen, Van Phuc, Ha Dong,
Ha Noi
Tel. (024) 3311 9806

www.hoaphu.com

12

corresponding to 1% of the total value of the contract of transferring land-attached assets between Party B and a third party or another investor).

- 5.6 Trường hợp Dự án không được cấp phép đầu tư theo thỏa thuận của các Bên trong Hợp đồng nguyên tắc mà không phải do lỗi của Bên B thì Bên A phải hoàn trả cho Bên B số tiền Bên B đã thanh toán cho Bên A trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày bên A nhận được thông báo từ chối cấp phép đầu tư cho dự án của Bên B do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hành theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này (trừ khi trong trường hợp khác các Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản), Bên A không phải thanh toán cho Bên B bất cứ một khoản nào khác.

In case the Project is denied the Investment Certificate by the authorities State for the project as agreed by both Parties in IPA but not due to Party B's fault then Party A must immediately refund to Party B the amount that Party B has paid to Party A within 10 (ten) days from the date Party A receives the notice of refusal to grant Investment Certificate to Party B's project issued by the competent State authority as stipulated in Article 3 of this IPA (unless in other case, the Parties have another agreement in writing). Party A does not have to pay any other sum to Party B.

ĐIỀU 6: CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

ARTICLE 6 : COMMITMENTS OF BOTH PARTIES

6.1 Cam kết của Bên A/ Commitments of Party A

- a. Bên A sẽ không giao kết hay tham gia vào bất kỳ giao dịch nào hoặc ký kết bất kỳ tài liệu nào liên quan đến Lô đất sau khi ký Hợp đồng này mà không được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên B.

Party A shall not enter into any transaction or sign any documents relating to the Land Lot after signing this IPA without the prior written consent of Party B.

- b. Bên A đảm bảo quyền sử dụng duy nhất, trọn vẹn, ổn định và liên tục cho Bên B thuê lại đất đối với Khu đất trong suốt Thời hạn thuê lại đất theo quy định của pháp luật Việt Nam và quy định tại Hợp đồng này.

Party A shall ensure the sole, stable, continuous use right of Party B to lease the land lot during the lease term in accordance with Vietnam law and regulations in this In-Principle Agreement.

- c. Bên A đảm bảo sẽ đáp ứng đầy đủ các điều kiện phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến việc cho Bên B thuê lại Lô đất theo Hợp đồng này;

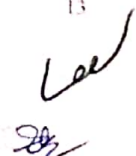
Party A shall ensure that all conditions are met in accordance with the applicable laws in relation to the sublease of the Land by Party B under this IPA.

Head Office:
Lot HC - Hoa Phu Industrial Park, Mai Đình,
Hiệp Hòa, Bắc Giang.
Tel: (0204) 358 6868

Office:
No 24, Ngo Quyen, Van Phuc, Ha Dong,
Ha Noi
Tel: (024) 3311 9806

www.hoaphup.com

13



- d. Hỗ trợ, tư vấn, cung cấp dữ liệu và thực hiện việc xin cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bên B theo nội dung Hợp đồng chính thức;

Support, Consult, Provide datas and make the application for Land Use Rights Certificate for Party B in accordance to the content of the Official Contract;

6.2 Cam kết của Bên B / Commitments of Party B

- a. Chuyển Khoản Đặt cọc cho Bên A theo thỏa thuận tại Khoản 3.2 Điều 3 của Hợp đồng nguyên tắc này;

Transfer the Deposit to Party A as agreed in Clause 3.2, Article 3 of this IPA;

- b. Ký kết Hợp đồng chính thức với Bên A theo quy định tại Hợp đồng này;

Sign the Official Contract with Party A as stipulate in this IPA;

- c. Tuân thủ các quy định của pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp, hoạt động đầu tư và kinh doanh;

Comply with regulations of the Law about procedures for enterprise establishment investment and business activities;

- d. Sử dụng Lô đất đúng mục đích đã cam kết trong Hợp đồng Nguyên tắc này và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

Use the Land for the right purpose as committed in this IPA and the Investment Registration Certificate and the Enterprise Registration Certificate;

- e. Có biện pháp và chịu trách nhiệm kiểm soát chất lượng nước thải đảm bảo quy định trước khi xả vào hệ thống chung của Bên A không vượt quá giới hạn của cột B theo quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT;

Take responsibility for controlling the quality of wastewater before discharging into the common system of Party A not exceeding the limit of column B according to the regulations QCVN 40: 2011 / BTNMT;

- f. Cung cấp các hồ sơ theo Thông báo của Bên A để thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trả các khoản phí, lệ phí theo quy định của Nhà nước (nếu có). Trường hợp trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên A thông báo đề nghị Bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ hợp lệ hoặc cung cấp hồ sơ sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà Bên B không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ thì trong vòng 15 ngày kể từ ngày đến hạn cung cấp hồ sơ, Bên A không chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bên B.

Head Office
Lot HC - Hoa Phu Industrial Park, Mai Đình,
Hiệp Hòa, Bắc Giang.
Tel: (0204) 358 6868

Office,
No.24, Ngo Quyen, Van Phuc, Ha Dong,
Ha Noi
Tel: (024) 3311 9806

www.hoaphuip.com

14

Lee

Provide documents according to Party A's notice for the Land Use Rights Certificate and pay any fees and charges as stipulated by the Government (if any). In case within 15 days since Party A notifies the request for Party B to provide complete valid documents or provide amendment and supplement records at the request of the competent authorities that Party B does not provide or provide incomplete, then within 15 days from the due date of providing documents, Party A is not responsible for the results of application for Land Use Rights Certificate to Party B.

ĐIỀU 7: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

ARTICLE 7: TERMINATION OF THE IN-PRINCIPLE AGREEMENT

Hợp đồng nguyên tắc này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

This IPA will be terminated in the following cases:

- 7.1 Ngay sau khi Hợp đồng chính thức được ký kết giữa hai Bên có hiệu lực (nếu có);
Right after the Official Contract is signed by the two Parties is valid (if any);
- 7.2 Theo thỏa thuận bằng văn bản của hai Bên;
By agreement in writing of the Parties;
- 7.3 Bởi một Bên do bên kia vi phạm Hợp đồng nguyên tắc này;
By one Party if either Party violates this IPA;
- 7.4 Các trường hợp khác theo quy định tại Hợp đồng này và quy định của pháp luật
Other cases under the regulations of the IPA and the regulations of the Law.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ARTICLE 8: GENERAL TERMS

- 8.1 Hợp đồng nguyên tắc này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi Hợp đồng chính thức có hiệu lực nhưng tối đa không quá 03 (ba) tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này (trừ thỏa thuận khác bằng Văn bản nếu có của các Bên)

This IPA is valid from the signing date until the Parties sign and until the Official Contract is valid but not exceeding 03 (three) months from the signing date of this IPA (unless otherwise agreed in writing by the Parties).

- 8.2 Hợp đồng nguyên tắc này được hiểu và giải thích theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

This IPA shall be understood and interpreted according to the regulations of the Law of Vietnam.

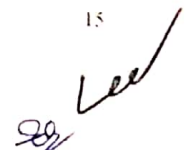
- 8.3 Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hai bên sẽ thỏa thuận giải quyết bằng Phụ lục Hợp Đồng giữa các Bên. Phụ lục Hợp đồng này (nếu có) sẽ là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này

Head Office:
Lot HC- Hoa Phu Industrial Park, Mai Dinh,
Hiep Hoa, Bac Giang.
Tel: (0204) 358 6868

Office:
No.24, Ngo Quyen, Van Phuc, Ha Dong,
Ha Noi
Tel: (024) 3311 9806

www.hoaphuip.com

15



Two Parties undertake to comply with all terms in this IPA. In the process of implementation, if any problem arises, the Parties shall discuss and resolve by an Appendix which is agreed by both. The Appendix (if any) will be an integral part of this In-Principle Agreement.

- 8.4 Mọi tranh chấp liên quan và/hoặc phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc này trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải giữa các Bên. Trong trường hợp không thể giải quyết thông qua thương lượng hoà giải sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra tranh chấp, một trong các Bên có quyền đưa vụ việc ra Tòa án tại Việt Nam có thẩm quyền để giải quyết.

Any disputes concerned and/or arisen from this IPA shall be first resolved by negotiation and amicable settlement between the Parties. In event that it can not be reached by negotiation and amicable settlement after 30 (thirty) days from the date of dispute, one of either Parties shall have the right to refer the case to the Competent Court in Vietnam for resolution.

- 8.5 Hợp đồng này gồm 08 (tám) Điều được lập thành 04 (bốn) bản song ngữ Việt- Anh có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 02 (hai) bản song ngữ làm căn cứ thực hiện. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc mâu thuẫn trong cách giải thích ngữ nghĩa giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh, bản tiếng Việt có giá trị pháp lý để giải thích và giải quyết tranh chấp.

This Contract consisting of 08 (eight) articles is made into 04 (four) Vietnamese-English bilingual originals with equal validity. Each party retains 02 (two) Vietnamese-English bilingual original as a basis for implementation. In case there is a discrepancy between Vietnamese and English version, the Vietnamese version has legal value shall be use for explanation and dispute settlement.

ĐẠI DIỆN BÊN A
REPRESENTATIVE OF
PARTY A



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Sỹ Nam

ĐẠI DIỆN BÊN B
REPRESENTATIVE OF
PARTY B

LEE NAM WEON
o/ Nam

Head Office
Lot HC- Hoa Phu Industrial Park, Mai Dinh,
Hiep Hoa, Bac Giang
Tel: (0204) 358 6868

Office:
No 24, Ngo Quyen, Van Phuc, Ha Dong,
Ha Noi
Tel: (024) 3311 9806

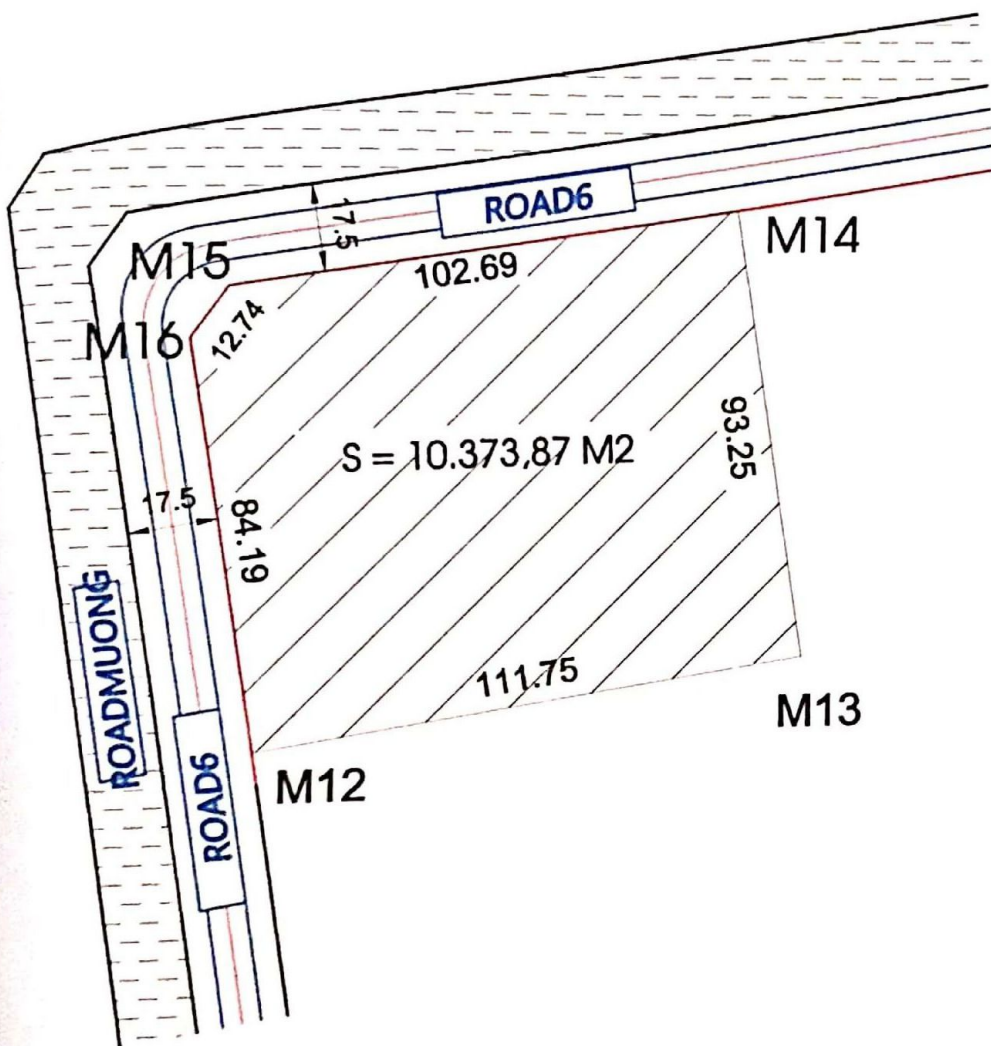
www.hoaphu.com

16

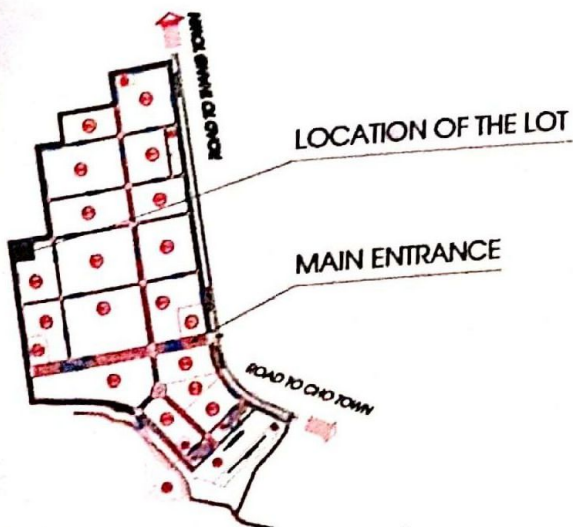
Lee

DRAWING OF LANDMARKS

SITE AREA: S=10.373.87 M2, LOT: CN - 10, HOA PHU INDUSTRIAL PARK - HIEP HOA DISTRICT - BAC GIANG PROVINCE



LOCATION DEFINED IN MASTER PLAN



| ĐIỂM | TỌA ĐỘ | |
|------|-------------|------------|
| | X | Y |
| M12 | 2349807.099 | 391835.745 |
| M13 | 2349823.795 | 391946.237 |
| M14 | 2349916.000 | 391932.304 |
| M15 | 2349900.597 | 391830.773 |
| M16 | 2349890.347 | 391823.214 |

DEPUTY
GENERAL
DIRECTOR

ĐẠI TIẾN BỘ

DRAWER

LÊ MINH ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ XƯỞNG

공장 임대 계약서

Số: 0012022 Daea-Cham

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2022 tại Công ty TNHH VINA DAE-A. Chúng tôi gồm có:
2022 년 07 월 01 일 비나대아(주)는 아래의 내용으로 계약한다

Bên cho thuê: CÔNG TY TNHH VINA DAE - A

임대인: VINA DAE-A CO., LTD (Sau đây gọi tắt là bên A/ 이하 “ 당사자 A” 라고함)

Người đại diện : Ông **JUNG YONG HYUN** Chức danh: Tổng Giám đốc

대표이사: 정용현 직책: 법인장

Địa chỉ: Lô CN-10, Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

주소: LOT CN-10, Hoa Phu공단, Mai Dinh 마을, Hiep Hoa 현, Bac Giang 성, Viet Nam

Điện thoại /Phone : 02043 563 888

연락처: 02043 563 888

Mã số thuế : 2400913061

세금번호 : 2400913061

Số tài khoản ngân hàng : VND 43210003380888 Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) Chi nhánh Bắc Ninh .

은행계좌: 43210003380888 BIDV 은행 박닌지점

Bên thuê/임차인 : CÔNG TY TNHH CHAM GREEN VINA (Sau đây gọi tắt là bên B/이하 “ 당사자 B” 라고함)

Địa chỉ/Address: Lô CN-10 (thuê nhà xưởng của công ty TNHH VINA DAE -A), Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

Người đại diện: **LEE JIN MOOG**

Chức danh: Giám Đốc

대표이사 이진목

직책: 사장

Năm sinh : 20/09/1972

Hộ chiếu /여권번호 : M24930134

Mã số thuế/ 세금번호 : 2400940019

Điện thoại/전화 :

Điều 1: Nội dung hợp đồng .

제 1 조: 계약 내용

- Tổng diện tích thuê : 2.750 m² bao gồm:

총 면적 : 2.750 m²

- Vị trí cụ thể được quy định , đánh dấu tại bản vẽ thiết kế

임대 위치는 첨부되고 설계 도면에 표시됨

- Mục đích thuê: Làm nhà xưởng, văn phòng, kho để hoạt động sản xuất kinh doanh.

임대 목적: 작업장, 사무실, 창고로 사용

- Tại địa điểm: Lô CN-10, Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang , Việt Nam.

위치 : LOT CN-10, Hoa Phu 공단, Mai Dinh 마을, Hiep Hoa 현, Bac Giang 성, Viet Nam

- Bên B đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh lĩnh vực liên quan đến sản xuất Gia công vỏ máy ATM

B의 ATM 용 기계의 가공, 생산과 관련된 생산 및 비즈니스 활동을 보장 합니다

Điều 2: Thời hạn và giá thuê

제 2 조: 임대기간 및 임대료

1. Thời gian hợp đồng / 계약 기간

- Ngày bàn giao nhà xưởng: ngày __01__ / __07__ /2022.

공장 인도 날짜: 2022 년 07 월 01 일.

-Thời hạn cho thuê: 1 năm kể từ ngày nhận bàn giao nhà xưởng.

임대 기간: 양도 계약일부터 1 년 이다

2. Giá thuê nhà xưởng. 임대 가격

-Đơn giá thuê: 2.5 USD tương đương 57.900 VND /m²/Tháng (hai phẩy năm đô la mỹ trên một mét vuông trên một tháng)

임대료: 2.5 USD (57,900 VND) /m2/월 상당액

- Tổng giá thuê: 2.750 m² x 57.900 VND = 159.225.000 VND/Tháng.

총 금액 : 2.750m² x 57.900 VND = 159.225.000 VND/월.

- Giá trên chưa bao gồm các khoản chi phí như: tiền điện, internet, phí quản lý và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng, phí sử dụng mặt bằng chung và các chi phí phát sinh khác). Các loại phí trên bên A sẽ tính sau khi bên B nhận có nghĩa vụ phải thanh toán ngay .

상기 금액은 인터넷, 전기세, 상하수도, 시설 보수 및 관리비, 공동 사용 공간 및 기타 비용을 포함하지 않는다. 이런 금액은 A 측이 별도 계산하여 B 측에 청구하면 B 측이 지불해야한다.

Điều 3 : Phương thức thanh toán.

제 3 조: 결제 방법

1. Vào ngày 30 hàng tháng bên A xuất hóa đơn cho bên B phí thuê nhà xưởng và chi phí quản lý A 는 B 에게 매월 30 일 임대료 및 관리비용에 대한 세금계산서를 발행한다.

2. Sau khi nhận được hóa đơn bên B có nghĩa vụ thanh toán chậm nhất đến ngày mùng 5 của tháng kế tiếp .

B 는 세금계산서 접수 후 익월 5 일까지 A 에게 현금 또는 은행계좌로 지불한다

3. Phí quản lý từng công ty (각사별 관리비) :

-Có trách nhiệm nghiệm thu phòng cháy chữa cháy trên phần diện tích của bên B thuê.

A 측은 B 측의 임대구역 소방에 대하여 점검할 의무/책임이 있다

Điều 5: Quyền và Trách nhiệm của bên B.

제 5 조: B 측의 권한 및 책임

-Sử dụng nhà xưởng đúng mục đích đã quy định trong hợp đồng này

본 계약에 규정된 목적에 따라 공장을 사용한다.

-Chịu trách nhiệm về con người, tài sản của đơn vị mình và khách hàng đến giao dịch. Bảo vệ và quản lý sử dụng phần diện tích văn phòng ,nhà xưởng làm việc và các tài sản, thiết bị đã được Bên A lắp đặt trong thời gian thuê theo quy định sử dụng của Bên A. Trong trường hợp Bên B hoặc cán bộ công nhân viên của Bên B làm hư hỏng tài sản của Bên A thì Bên B phải có trách bồi hoàn mọi tổn thất do mình gây ra .

B 는 거래처 인원, 자산 및 고객을 책임져야 한다. A 의 사용규정에 따라 임대기간 중 A 측이 설치한 사무실, 공장, 자산 및 장비의 사용을 보호하고 관리해야 한다. B 또는 B 의 직원이 A 의 재산을 파손한 경우 B 는 그로 인한 모든 손실을 배상할 책임이 있다.

-Chấp hành các nguyên tắc về giữ gìn vệ sinh môi trường và các quy định về trật tự an ninh chung.Tuân thủ các quy định của Việt Nam về phòng chống cháy, nổ.

환경위생 원칙과 일반 보안에 대해 규정을 준수하며 베트남의 화재 및 폭발 관련 방지 통제 규정을 준수한다

-Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, không được tàng trữ, buôn bán chất nổ, chất gây nghiện, hàng quốc cấm.

베트남법 규정을 준수하고 폭발물, 마약 또는 금지 물품을 저장하거나 거래하지 않는다

-Có thể thay đổi sửa chữa lại nội thất bên trong xưởng (phải được sự đồng ý của bên A bằng văn bản nhưng không được làm thay đổi kết cấu chính của nhà xưởng).

공장 내부에 인테리어를 바꿀 수 있다. (단, A 측의 서면 승인을 받아야 하며 공장의 주요 구조를 변경해선 안된다)

-Trong trường hợp muốn chấm dứt hợp đồng thuê nhà xưởng trước hạn đã ký, bên B phải thông báo bằng văn bản cho bên A trước 60 ngày.

B 측은 계약기간 중에 공장임대계약을 해지하고자 하는 경우 A 측에게 60 일 전에 공지해야 한다.

-Thực hiện đúng những cam kết của hợp đồng.

계약의 약속을 이행하고 준수한다

- Trường hợp B cần thay đổi , cải tạo so với ban đầu liên quan đến phòng cháy chữa cháy hoặc môi trường thì phải thỏa thuận trước với bên A .

B 의 변경으로 소방 또는 환경기준을 변경할 필요가 있을 경우 ,B 는 소방 또는 환경기준에 맞게 변경해야 하며 A 와 협의해야 한다.

-Sau khi kết thúc hợp đồng, bên B có nghĩa vụ bàn giao lại mặt bằng nguyên trạng ban đầu cho bên A. Nếu có phát sinh hỏng hóc do lỗi bên B, yêu cầu lập biên bản bồi thường thiệt hại.

B 측은 계약종료 시점에서 공장의 상태를 최대한 원상태로 A 측에게 반납할 의무가 있다. B 측의 귀책사유로 인한 피해가 발생한 경우 피해 보상서를 작성하여 보고한다.

-Trong thời gian thi công, bên B không được làm ảnh hưởng và làm hỏng nhà xưởng của bên A. Nếu gây ra hỏng thiệt hại cho bên A thì bên B phải bồi thường trên tinh thần thỏa thuận.

B 측은 공사기간 중 A 측의 공장에 대해 훼손되지 않아야 하며, A 측에게 영향을 미치는 경우 협의에 입각하여 보상하여야 한다.

Điều 6 : Nghĩa vụ tuân thủ luật môi trường và phòng cháy chữa cháy :

제 6 조 : 소방 및 환경 관련 법규 준수 의무

1. Bên A cho thuê lại nhà xưởng kèm công trình bảo vệ môi trường và phòng cháy chữa cháy được xây dựng theo đúng quy định của pháp luật .

A 는 소방 및 환경관련법의 규정대로 시설 및 설비를 갖추어 임대해야 한다 .

2. Bên A có nghĩa vụ duy trì bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường và phòng cháy chữa cháy , khi phát sinh cải tạo , xây dựng thêm thì phải phù hợp tuân thủ với các quy định về luật môi trường và phòng cháy chữa cháy.

B 는 A 가 제공한 소방 및 환경설비를 유지 보수할 의무가 있으며 새로운 시설 및 건축을 추가할 시 소방 및 환경관련 법규에 합당한 시설 및 건축물을 추가해야 한다.

3. Trường hợp trên Bên A và B sẽ phải thỏa thuận .

이런 경우 A 는 B 와 협의해야 한다.

4. A hỗ trợ các công việc hành chính nếu cần thiết liên quan đến phòng cháy chữa cháy và công trình môi trường cho những công trình xây dựng , cải tạo mới mà bên B cần làm thêm .

A 는 B 의 신규 시설 및 건축물 추가를 위해 소방 및 환경관련 변경 및 허가가 필요할 경우 관련 행정업무를 지원한다.

Điều 7: Thanh lý hợp đồng:

제 7 조: 계약 해지

Hai bên sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng thuê nhà xưởng trong các trường hợp sau:

양 당사자는 다음과 같은 경우 공장 임대 계약을 해지한다.

-Hết thời hạn thuê mà hai bên không ký thoả thuận gia hạn theo quy định của Hợp đồng này.

양측이 연장을 원하지 않을 시 계약이 만료된다

-Theo thoả thuận chấm dứt trước hạn của các Bên, sau khi đã hoàn thành hết các nghĩa vụ về thuế và thanh toán.

당사자의 모든 결제와 세금 관련 일들이 완료되면 기한 이전에 계약을 종료할 수 있다.

-Bên nào không làm theo đúng thoả thuận trong hợp đồng này thì hợp đồng này sẽ đơn phương chấm dứt
어느 일방이 본 계약의 규정을 준수하지 않으면 계약서는 일방적으로 종료된다.

-Bên B sẽ được ưu tiên cho thuê tiếp sau khi hợp đồng chính thức kết thúc.

B 측이 계약이 만료되는 시점에 재임대를 원하는 경우 B 측의 임대를 우선으로 한다.

Điều 8 : Phạt do vi phạm hợp đồng

제 8 조: 계약 위반에 대한 처벌

-Bên A không thực hiện đúng hợp đồng, tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng thì bên A phải trả lại tiền thuê 1 tháng cho bên B và bồi thường 1 tháng tiền thuê cho bên B.

A 측이 계약을 이행하지 않아 일방적으로 계약을 해지하면 A 는 B 에게 1 개월치 임대료를 B 에게 지급하여야 한다.

-Bên B tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng trong thời gian hợp đồng thì bên B sẽ trả tiền thuê của thời gian còn lại hoặc thoả thuận để có thể kết thúc hợp đồng .

B 측은 계약 중에 일방적으로 계약을 해지하는 경우 B 측은 잔여기간의 임대료를 지불하거나 협의하에 계약을 해지할 수 있다.

Điều 9 : Bất khả kháng

제 9 조: 불가항력

- Sự kiện bất khả kháng có nghĩa là các sự kiện hoặc tình huống xảy ra một cách khách quan như động đất, thiên tai, chiến tranh... không thể lường trước được hoặc không thể tránh được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép.

불가항력이란 지진, 천재지변, 전쟁 등의 필요한 조치를 취했음에도 불구하고 예측하거나 피할 수 없는 객관적인 사건이나 상황을 의미한다.

- Mỗi bên sẽ chịu trách nhiệm đối với các rủi ro, thiệt hại do sự bất khả kháng gây ra đối với tài sản mà không có trách nhiệm bồi thường tổn thất, thiệt hại của các bên trong trường hợp này.

각 당사자는 불가항력으로 인해 재산에 발생한 위험 및 손해에 대한 책임이 있지만 이 경우 당사자의 손실 또는 손해를 배상할 책임은 없다.

Điều 10 : Giải quyết tranh chấp

제 10 조: 분쟁 해결

- Hợp đồng này được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam.

이 계약은 베트남 법률을 적용 한다.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã nêu trong hợp đồng. Nếu có xảy ra tranh chấp hoặc có một bên vi phạm hợp đồng thì hai bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng trên tinh thần bình đẳng và cùng có lợi. Trong trường hợp không thể thỏa thuận được, sẽ đưa ra Tòa án nhân dân Tỉnh Bắc Giang giải quyết. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải chấp hành, mọi phí tổn sẽ do bên có lỗi chịu.

양 당사자는 계약에 명시된 조건을 준수할 것을 약속한다. 분쟁이 발생하거나 계약을 위반하는 경우 쌍방은 평등과 화해의 정신으로 협상을 통해 해결한다. 합의에 도달할 수 없는 경우 Bac Giang 지방 인민 법원에 제출하여 해결한다. 법원의 결정은 양 당사자가 준수해야 하는 모든 비용은 과실된 측이 부담한다.

Điều 11: Điều khoản chung

제 11 조: 일반 조건


- Hợp đồng này được làm thành hai bản và mỗi bên ký kết sẽ giữ lại một bản để thực hiện
이계약서는 2 부로 작성하며, A 와 B 는 각각 1 부씩 보관한다

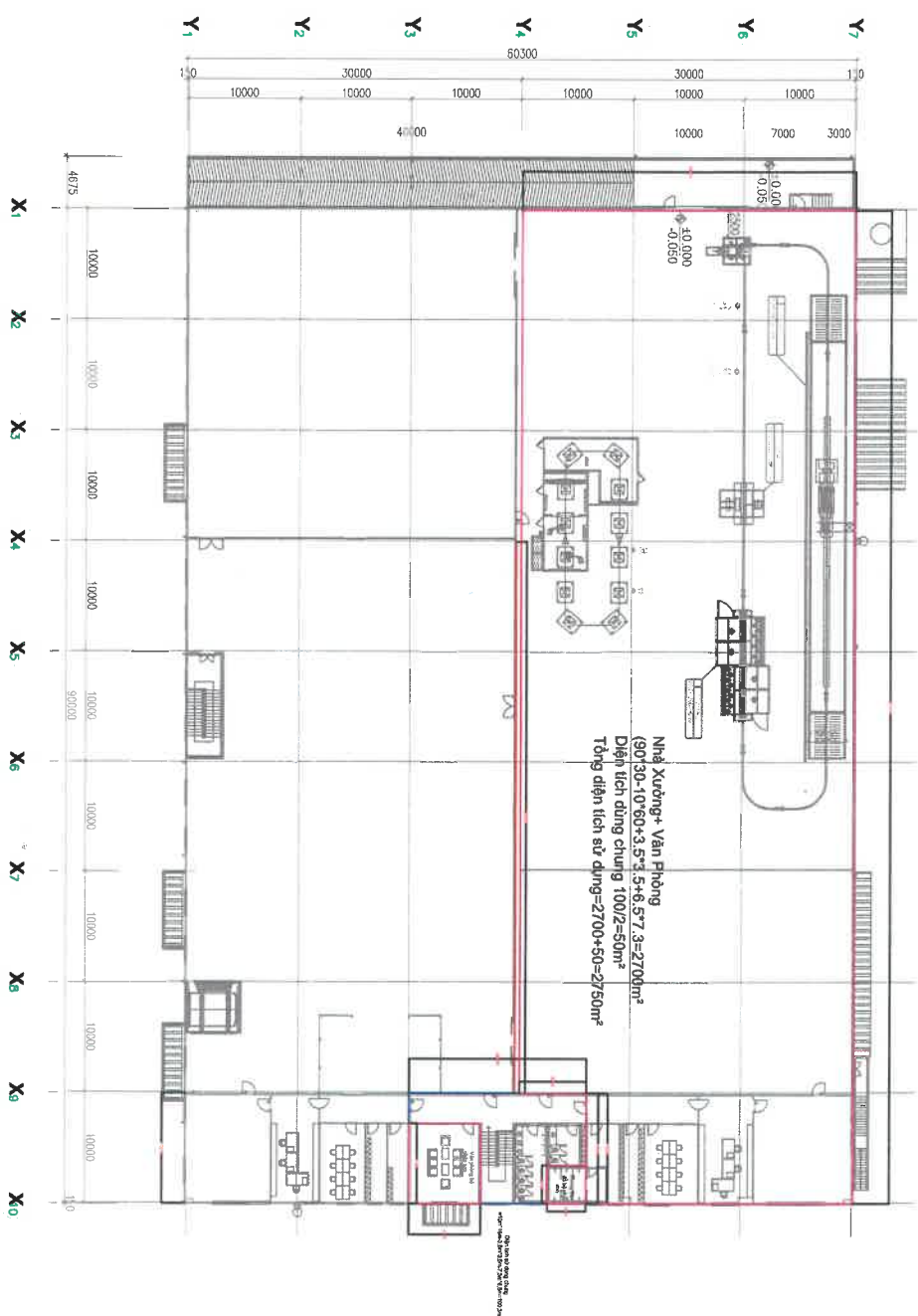
- Hợp đồng này được lập ra bằng tiếng Hàn và tiếng Việt và trong trường hợp có bất kỳ xung đột nào giữa hai văn bản, văn bản bằng tiếng Việt sẽ là văn bản đúng.

본 계약서는 한국어와 베트남어로 이루어 지며 베트남어와 한국어가 상이할 경우 베트남어를 기준으로 한다.

BÊN CHO THUÊ/임대인

TỔNG GIÁM ĐỐC
JUNG YONGHYUN

BÊN THUÊ/임차인

GIÁM ĐỐC
LEE JINMOOG



Diện tích nhà xưởng thuê
bộ phận sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Số: 1122 - 001 DAE - Cham

- Căn cứ theo hợp đồng số: 0012022 Daea-Cham ngày 01/07/2022 giữa Công ty TNHH Vina Dae - A và Công ty TNHH Cham Green Vina

- Căn cứ nhu cầu thực tế hai bên:

Hôm nay, ngày tháng năm 2022, tại Công ty TNHH Vina Dae - A chúng tôi gồm có:

Bên cho thuê (Gọi tắt là bên A): CÔNG TY TNHH VINA DAE - A

Địa chỉ: Lô CN-10, khu công nghiệp Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện: **Ông JUNG YONG HYUN** Chức danh: Tổng Giám đốc

Điện thoại/Phone: 02043 563 888

Mã số thuế: 2400913061

Bên thuê (Gọi tắt là bên B): CÔNG TY TNHH CHAM GREEN VINA

Địa chỉ: Một phần lô CN-10 (Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Vina Dae - A), khu công nghiệp Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện: **Ông LEE JIN MOOG**

Chức danh: Giám đốc

Mã số thuế: 2400940019

Sau khi xem xét, thỏa thuận hai bên đã đi đến thống nhất ký Phụ lục hợp đồng dịch vụ số: về trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động đối với hợp đồng thuê xưởng số: 0012022 Daea-Cham, ngày 01 tháng 07 năm 2022, cụ thể như sau:

1. Về nước thải:

Bên A có trách nhiệm đầu tư xây dựng, quản lý và vận hành trạm xử lý nước thải tập trung công suất 20 m³/ngày đêm để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của bên B xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN Hòa Phú.

Bên B có trách nhiệm bố trí người phối hợp với bên A để vận hành trạm xử lý nước thải tập trung.

2. Về khí thải:

Bên A có trách nhiệm đầu tư xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống xử lý khí thải để xử lý khí thải từ công đoạn phun sơn và sấy sau sơn do bên B thực hiện tại nhà xưởng cho thuê của bên A.

Bên B có trách nhiệm bố trí người phối hợp với bên A để vận hành hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn phun sơn và sấy sau sơn.

3. Về chất thải rắn thông thường:

Bên A có trách nhiệm bố trí kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực vận chuyển đi xử lý (Bao gồm cả rác thải phát sinh từ hoạt động của bên B).



Bên B có trách nhiệm thu gom chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại khu vực nhà xưởng của bên B về kho chứa do bên A bố trí.

4. Về chất thải nguy hại:

Đối với chất thải nguy hại từ hoạt động sản xuất (gồm nước thải sản xuất chứa thành phần nguy hại và bột sơn), bên B có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực vận chuyển đi xử lý theo quy định.

Đối với chất thải nguy hại còn lại, bên B có trách nhiệm thu gom toàn bộ về kho chứa do bên A bố trí. Bên A có trách nhiệm lưu giữ và thuê đơn vị có đủ năng lực vận chuyển đi xử lý.

5. Bên B có trách nhiệm phối hợp với bên A tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động.

6. Trường hợp bên B không tuân thủ các nội dung trên được coi là vi phạm hợp đồng và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

7. Điều khoản chung:

7.1. Quyền và nghĩa vụ của mỗi bên được quy định trong Hợp đồng thuê xưởng số: 0012022 Daea-Cham

7.2. Phụ lục hợp đồng được lập thành 02 bản, có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

7.3. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng thuê xưởng số: 0012022 Daea-Cham và có giá trị kể từ ngày ký./.

BÊN CHO THUÊ



**TỔNG GIÁM ĐỐC
JUNG YONGHYUN**



**GIÁM ĐỐC
LEE JINMOOG**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ XƯỞNG
공장 임대 계약서

Số: 0022022 Daea-Taechang

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2022 tại Công ty TNHH VINA DAE-A. Chúng tôi gồm có:
2022 년 07 월 01 일 비나대아(주)는 아래의 내용으로 계약한다

Bên cho thuê: CÔNG TY TNHH VINA DAE – A

임대인: VINA DAE-A CO., LTD (Sau đây gọi tắt là bên A/ 이하 “ 당사자 A” 라고 함)

Người đại diện : Ông **JUNG YONG HYUN** Chức danh: Tổng Giám đốc

대표이사: 정용현 직책: 법인장

Địa chỉ: Lô CN-10, Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

주소: LOT CN-10, Hoa Phu공단, Mai Dinh 마을, Hiep Hoa 현, Bac Giang 성, Viet Nam

Điện thoại /Phone : 02043 563 888

연락처: 02043 563 888

Mã số thuế : 2400913061

세금번호 : 2400913061

Số tài khoản ngân hàng : VND 43210003380888 Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) Chi nhánh Bắc Ninh .

은행계좌: 43210003380888 *BIDV 은행 박닌지점*

Bên thuê/임차인 : CÔNG TY TNHH TAECHANG TECH VINA (Sau đây gọi tắt là bên B/이하 “ 당사자 B” 라고 함)

Địa chỉ/Address: Lô CN-10 (thuê của công ty TNHH VINA DAE-A), Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

Người đại diện: **KIM JONG MIN**

Chức danh: Giám Đốc

대표이사: 김종민

직책: 사장

Năm sinh : 30/07/1964

Hộ chiếu /여권번호 : M20714445

Mã số thuế/ 세금번호 : 2400940058

Điện thoại/전화 : 0979.149311

Điều 1: Nội dung hợp đồng .

제 1 조: 계약 내용

-Tổng diện tích thuê : 1000 m² bao gồm:

총 면적 : 1000 m²

- Vị trí cụ thể được quy định , đánh dấu tại bản vẽ thiết kế

임대 위치는 첨부 설계 도면에 표시됨

- Mục đích thuê: Làm nhà xưởng, văn phòng, kho để hoạt động sản xuất kinh doanh.

임대 목적: 작업장, 사무실, 창고로 사용

- Tại địa điểm: Lô CN-10, Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang , Việt Nam.

위치 : LOT CN-10, Hoa Phu공단, Mai Đình 마을, Hiệp Hoa현, Bac Giang성, Viet Nam

- Bên B đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh lĩnh vực liên quan đến sản xuất Gia công vỏ máy ATM

B의 ATM용 기계의 가공, 생산과 관련된 생산 및 비즈니스 활동을 보장합니다

Điều 2: Thời hạn và giá thuê

제 2 조: 임대기간 및 임대료

2.1. Thời gian hợp đồng / 계약 기간

- Ngày bàn giao nhà xưởng: ngày __01__ / __07__ / 2022.
공장 인도 날짜: 2022년 07월 01일.
- Thời hạn cho thuê: 1 năm kể từ ngày nhận bàn giao nhà xưởng.
임대 기간: 양도 계약일부터 1년 이다

2.2 Giá thuê nhà xưởng. 임대 가격

- Đơn giá thuê: 2.5 USD tương đương (57.900VND) /m²/Tháng (hai phẩy năm đô la mỹ trên một mét vuông trên một tháng)
임대료: 2.5 USD (57,900 VND) /m²/월 상당액
- Tổng giá thuê: 1000 m² x 57,900 VND =
57.900.000 VND/Tháng.
- Tổng giá : 1000m² x 57,900 VND = 57.900.000 VND/월.
- Giá trên chưa bao gồm các khoản chi phí như: tiền điện, internet, phí quản lý và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng, phí sử dụng mặt bằng chung và các chi phí phát sinh khác). Các loại phí trên bên A sẽ tính sau khi bên B nhận có nghĩa vụ phải thanh toán ngay .
상기 금액은 인터넷, 전기세, 상하수도, 시설 보수 및 관리비, 공동 사용 공간 및 기타 비용을 포함하지 않는다. 이런 금액은 A 측이 별도 계산하여 B 측에 청구하면 B 측이 지불해야한다.

Điều 3 : Phương thức thanh toán.

제 3 조: 결제 방법

1. Vào ngày 30 hàng tháng bên A xuất hóa đơn cho bên B phí thuê nhà xưởng và chi phí quản lý
A는 B에게 매월 30일 임대료 및 관리비용에 대한 세금계산서를 발행한다.
2. Sau khi nhận được hóa đơn bên B có nghĩa vụ thanh toán chậm nhất đến ngày mùng 5 của tháng kế tiếp .
B는 세금계산서 접수 후 익월 5일까지 A에게 현금 또는 은행계좌로 지불한다
3. Phí quản lý từng công ty (각사별 관리비) :
 - Bên A tính tiền điện bằng cách phân bổ tổng tiền điện theo công suất sử dụng ghi trên công tơ cho từng công ty .
전기료는 각사별 계량기에 명시된 사용실적에 따라 총 전기료를 배분하여 A가 청구한다.

- Chi phí điện chung được chia theo tiêu chuẩn riêng với từng công ty và thanh toán cho bên A .
공통 전기료 는 별도 기준에 의한 방법으로 배분하며 A 가 청구한다.
- Chi phí quản lý khác từng hàng mục như nước sạch , nước thải, dịch vụ bảo vệ, hệ thống bảo an ..vv phân bổ và thanh toán cho bên B .
기타 관리비에는 상 하수도 . 쓰레기 처리비 . 경비 용역비 . 보안 시스템 등 항목별 배분하여 A 가 청구한다.
- Phí chậm trả : Trường hợp tiền thuê và phí quản lý của bên B không thể thanh toán trong hạn quy định thì bên B sẽ phải trả tiền trả chậm bằng 2/1000/ngày của chi phí thuê và phí quản lý .
연체료 : B 의 임대료 및 관리비를 지급기일내에 지급하지 못하고 연체할 경우 B 는 임대료 및 관리비 미지급한 금액 의 2/1000 을 A 에게 연체료로 지급한다.
- Trường hợp bên B chậm thanh toán phí thuê và phí quản lý quá 30 ngày hợp đồng có thể bị chấm dứt .
Trong trường hợp này, A lấy bảo đảm động sản / bất động sản của B làm tài sản thế chấp cho khoản nợ thuê và phí quản lý của B.
B 의 연체일이 30 일을 초과 할 경우 계약을 해지할 수 있다. 이 경우 A 는 B 의 임대료, 관리비 연체료의 담보물로 B 의 동산/부동산을 확보한다.

Điều 4 : Quyền và Trách nhiệm của bên A.

제 4 조: A 측의 권한 및 책임

- Bên A bàn giao cho nhà xưởng cho bên B theo đúng thỏa thuận.
- A 측은 협의에 따라 B 측에게 공장을 임대한다.
- Đồng ý cho bên B được sử dụng ổn định nhà xưởng mà không bị can thiệp hoặc làm gián đoạn bởi các yêu cầu của bên A hoặc bất kỳ người thứ 3 nào đại diện cho bên A.
- A 또는 A 를 대표하는 제삼자의 요청에 의한 간섭이나 중단없이 B 가 공장을 안정적으로 사용할 수 있도록 해야 한다.
- Bên A có trách nhiệm sửa chữa cơ sở hạ tầng trong quá trình sử dụng bị hư hỏng nếu do các yếu tố khách quan gây nên.
- A 측은 객관적인 사유로 인하여 이용 중 파손된 기반시설은 수리할 책임이 있다.
- Trong trường hợp muốn chấm dứt hợp đồng cho thuê nhà xưởng trước hạn đã ký, bên A phải thông báo cho bên B trước 60 ngày.
- A 측은 계약기간 이전에 공장 임대계약을 해지하고자 하는 경우 B 측에게 60 일 전에 통지해야 한다.
- Mọi thủ tục liên quan đến việc cho thuê bên A phải chịu trách nhiệm đúng với pháp luật Việt Nam.
- A 측은 베트남 법률의 임대 관련 모든 절차에 대해 책임져야 한다.
- Bên A có trách nhiệm xuất hóa đơn tài chính cho bên B khi có hợp đồng thuê chính thức.
- A 측은 정식으로 임대계약이 있을 때 계산서를 발행할 책임이 있다
- Bên A đảm bảo tiêu chuẩn nhà xưởng cho thuê về PCCC và môi trường.
- A 측은 임대공장의 소방 및 환경기준을 보장해야 한다.
- Thực hiện đúng những cam kết của hợp đồng.
- 계약의 약속을 이행하고 준수하여야 한다.
- Có trách nhiệm nghiệm thu phòng cháy chữa cháy trên phần diện tích của bên B thuê.
- A 측은 B 측의 임대구역 소방에 대하여 점검할 의무/책임이 있다

Điều 5: Quyền và Trách nhiệm của bên B.

제 5 조: B 측의 권한 및 책임

- Sử dụng nhà xưởng đúng mục đích đã quy định trong hợp đồng này
본 계약에 규정된 목적에 따라 공장을 사용한다.
- Chịu trách nhiệm về con người, tài sản của đơn vị mình và khách hàng đến giao dịch. Bảo vệ và quản lý sử dụng phần diện tích văn phòng ,nhà xưởng làm việc và các tài sản, thiết bị đã được Bên A lắp đặt trong thời gian thuê theo quy định sử dụng của Bên A. Trong trường hợp Bên B hoặc cán bộ công nhân viên của Bên B làm hư hỏng tài sản của Bên A thì Bên B phải có trách bồi hoàn mọi tổn thất do mình gây ra .
- B 는 거래처 인원, 자산 및 고객을 책임져야 한다. A 의 사용규정에 따라 임대기간 중 A 측이 설치한 사무실, 공장, 자산 및 장비의 사용을 보호하고 관리해야 한다. B 또는 B 의 직원이 A 의 재산을 파손한 경우 B 는 그로 인한 모든 손실을 배상할 책임이 있다.
- Chấp hành các nguyên tắc về giữ gìn vệ sinh môi trường và các quy định về trật tự an ninh chung.Tuân thủ các quy định của Việt Nam về phòng chống cháy, nổ.
환경위생 원칙과 일반 보안에 대해 규정을 준수하며 베트남의 화재 및 폭발 관련 방지 통제 규정을 준수한다
- Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, không được tàng trữ, buôn bán chất nổ, chất gây nghiện, hàng quốc cấm.
베트남법 규정을 준수하고 폭발물, 마약 또는 금지 물품을 저장하거나 거래하지 않는다
- Có thể thay đổi sửa chữa lại nội thất bên trong xưởng (phải được sự đồng ý của bên A bằng văn bản nhưng không được làm thay đổi kết cấu chính của nhà xưởng).
공장 내부에 인테리어를 바꿀 수 있다. (단, A 측의 서면 승인을 받아야 하며 공장의 주요 구조를 변경해선 안된다)
- Trong trường hợp muốn chấm dứt hợp đồng thuê nhà xưởng trước hạn đã ký, bên B phải thông báo bằng văn bản cho bên A trước 60 ngày.
B 측은 계약기간 중에 공장임대계약을 해지하고자 하는 경우 A 측에게 60 일 전에 공지해야 한다.
- Thực hiện đúng những cam kết của hợp đồng.
계약의 약속을 이행하고 준수한다
- Trường hợp B cần thay đổi , cải tạo so với ban đầu liên quan đến phòng cháy chữa cháy hoặc môi trường thì phải thỏa thuận trước với bên A .
B 의 변경으로 소방 또는 환경기준을 변경할 필요가 있을 경우 ,B 는 소방 또는 환경기준에 맞게 변경해야 하며 A 와 협의해야 한다.
- Sau khi kết thúc hợp đồng, bên B có nghĩa vụ bàn giao lại mặt bằng nguyên trạng ban đầu cho bên A. Nếu có phát sinh hỏng hóc do lỗi bên B, yêu cầu lập biên bản bồi thường thiệt hại.
B 측은 계약종료 시점에서 공장의 상태를 최대한 원상태로 A 측에게 반납할 의무가 있다. B 측의 귀책사유로 인한 피해가 발생된 경우 피해 보상서를 작성하여 보고한다.
- Trong thời gian thi công, bên B không được làm ảnh hưởng và làm hỏng nhà xưởng của bên A. Nếu gây ra hỏng thiệt hại cho bên A thì bên B phải bồi thường trên tinh thần thỏa thuận.
B 측은 공사기간 중 A 측의 공장에 대해 훼손되지 않아야 하며, A 측에게 영향을 미치는 경우 협의에 입각하여 보상하여야 한다.

Điều 6 : Nghĩa vụ tuân thủ luật môi trường và phòng cháy chữa cháy :

제 6 조 : 소방 및 환경 관련 법규 준수의무

1. Bên A cho thuê lại nhà xưởng kèm công trình bảo vệ môi trường và phòng cháy chữa cháy được xây dựng theo đúng quy định của pháp luật .

A 는 소방 및 환경관련법의 규정대로 시설 및 설비를 갖추어 임대해야 한다 .

2. Bên A có nghĩa vụ duy trì bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường và phòng cháy chữa cháy , khi phát sinh cải tạo , xây dựng thêm thì phải phù hợp tuân thủ với các quy định về luật môi trường và phòng cháy chữa cháy.

B 는 A 가 제공한 소방 및 환경설비를 유지 보수할 의무가 있으며 새로운 시설 및 건축을 추가할 시 소방 및 환경관련 법규에 합당한 시설 및 건축물을 추가해야 한다.

3. Trường hợp trên Bên A và B sẽ phải thỏa thuận .

이런 경우 A 는 B 와 협의해야 한다.

4. A hỗ trợ các công việc hành chính nếu cần thiết liên quan đến phòng cháy chữa cháy và công trình môi trường cho những công trình xây dựng , cải tạo mới mà bên B cần làm thêm .

A 는 B 의 신규 시설 및 건축물 추가를 위해 소방 및 환경관련 변경 및 허가가 필요할 경우 관련 행정업무를 지원한다.

Điều 7: Thanh lý hợp đồng:

제 7 조: 계약 해지

Hai bên sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng thuê nhà xưởng trong các trường hợp sau:

양 당사자는 다음과 같은 경우 공장 임대 계약을 해지한다.

-Hết thời hạn thuê mà hai bên không ký thỏa thuận gia hạn theo quy định của Hợp đồng này.

양측이 연장을 원하지 않을 시 계약이 만료된다

-Theo thỏa thuận chấm dứt trước hạn của các Bên, sau khi đã hoàn thành hết các nghĩa vụ về thuế và thanh toán.

당사자의 모든 결제와 세금 관련 일들이 완료되면 기한 이전에 계약을 종료할 수 있다.

-Bên nào không làm theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng này thì hợp đồng này sẽ đơn phương chấm dứt 어느 일방이 본 계약의 규정을 준수하지 않으면 계약서는 일방적으로 종료된다.

-Bên B sẽ được ưu tiên cho thuê tiếp sau khi hợp đồng chính thức kết thúc.

B 측이 계약이 만료되는 시점에 재임대를 원하는 경우 B 측의 임대를 우선으로 한다.

Điều 8 : Phạt do vi phạm hợp đồng

제 8 조: 계약 위반에 대한 처벌

-Bên A không thực hiện đúng hợp đồng, tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng thì bên A phải trả lại tiền thuê 1 tháng cho bên B và bồi thường 1 tháng tiền thuê cho bên B.

A 측이 계약을 이행하지 않아 일방적으로 계약을 해지하면 A 는 B 에게 1 개월치 임대료를 B 에게 지급하여야 한다.

-Bên B tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng trong thời gian hợp đồng thì bên B sẽ trả tiền thuê của thời gian còn lại hoặc thỏa thuận để có thể kết thúc hợp đồng .

B 측은 계약 중에 일방적으로 계약을 해지하는 경우 B 측은 잔여기간의 임대료를 지불하거나 협의하에 계약을 해지할 수 있다.

Điều 9 : Bất khả kháng

제 9 조: 불가항력

- Sự kiện bất khả kháng có nghĩa là các sự kiện hoặc tình huống xảy ra một cách khách quan như động đất, thiên tai, chiến tranh... không thể lường trước được hoặc không thể tránh được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép.

불가항력이란 지진, 천재지변, 전쟁 등의 필요한 조치를 취했음에도 불구하고 예측하거나 피할 수 없는 객관적인 사건이나 상황을 의미한다.

- Mỗi bên sẽ chịu trách nhiệm đối với các rủi ro, thiệt hại do sự bất khả kháng gây ra đối với tài sản mà không có trách nhiệm bồi thường tổn thất, thiệt hại của các bên trong trường hợp này.

각 당사자는 불가항력으로 인해 재산에 발생한 위험 및 손해에 대한 책임이 있지만 이 경우 당사자의 손실 또는 손해를 배상할 책임은 없다.

Điều 10 : Giải quyết tranh chấp

제 10 조: 분쟁 해결

- Hợp đồng này được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam.

이 계약은 베트남 법률을 적용 한다.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã nêu trong hợp đồng. Nếu có xảy ra tranh chấp hoặc có một bên vi phạm hợp đồng thì hai bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng trên tinh thần bình đẳng và cùng có lợi. Trong trường hợp không thể thỏa thuận được, sẽ đưa ra Tòa án nhân dân Tỉnh Bắc Giang giải quyết. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải chấp hành, mọi phí tổn sẽ do bên có lỗi chịu.

양 당사자는 계약에 명시된 조건을 준수할 것을 약속한다. 분쟁이 발생하거나 계약을 위반하는 경우 쌍방은 평등과 화해의 정신으로 협상을 통해 해결한다. 합의에 도달할 수 없는 경우 Bac Giang 지방 인민 법원에 제출하여 해결한다. 법원의 결정은 양 당사자가 준수해야 하는 모든 비용은 과실된 측이 부담한다.

Điều 11: Điều khoản chung

제 11 조: 일반 조건

- Hợp đồng này được làm thành hai bản và mỗi bên ký kết sẽ giữ lại một bản để thực hiện
이계약서는 2 부로 작성하며, A 와 B 는 각각 1 부씩 보관한다

- Hợp đồng này được lập ra bằng tiếng Hàn và tiếng Việt và trong trường hợp có bất kỳ xung đột nào giữa hai văn bản, văn bản bằng tiếng Việt sẽ là văn bản đúng.

본 계약서는 한국어와 베트남어로 이루어 지며 베트남어와 한국어가 상이할 경우 베트남어를 기준으로 한다.

BÊN CHO THUÊ/임대인

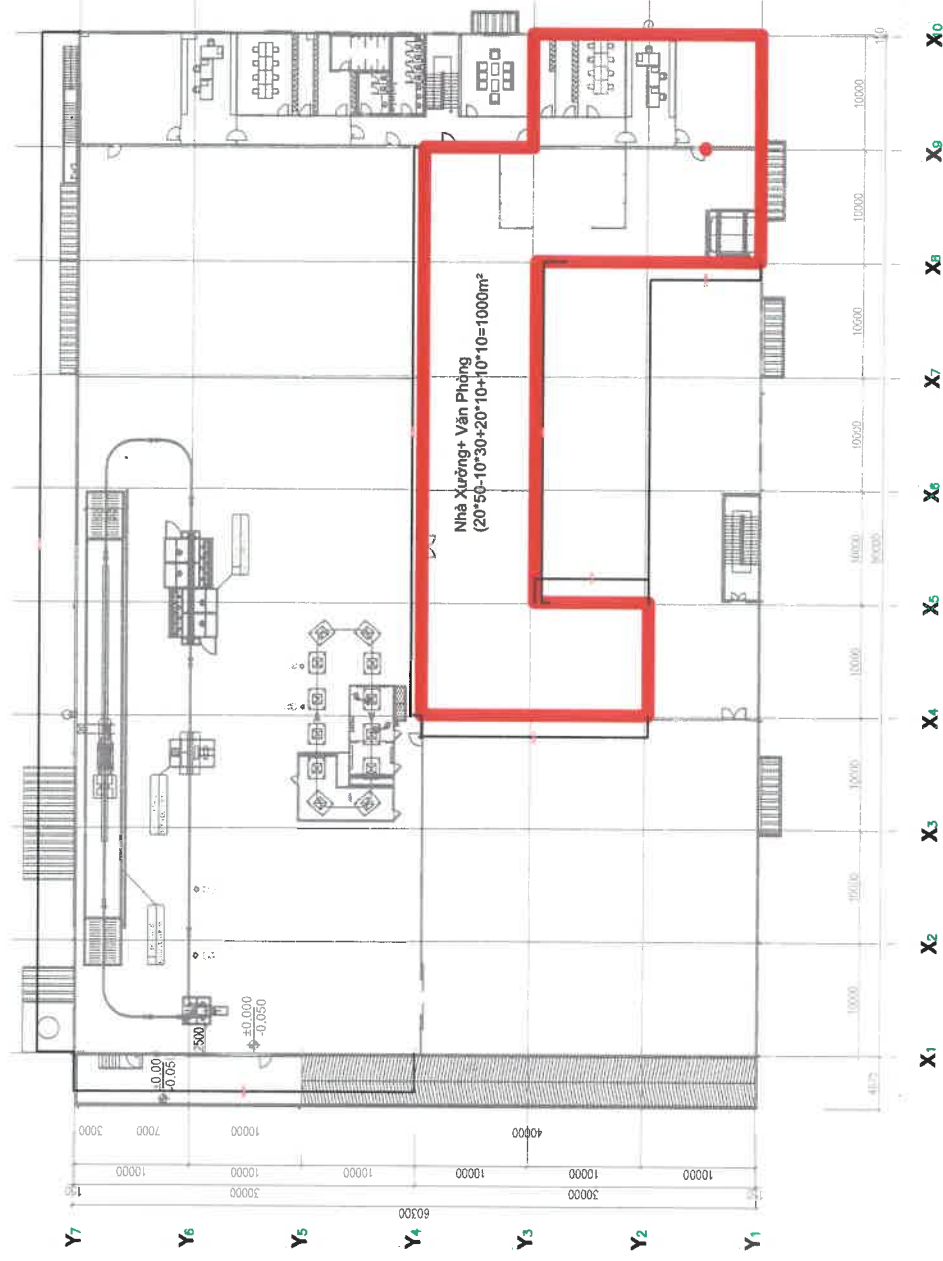


**TỔNG GIÁM ĐỐC
JUNG YONGHYUN**

BÊN THUÊ/임차인



**GIÁM ĐỐC
KIM JONG MIN**



Diện tích nhà xưởng thuê
bộ phận hàn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Số: 1122-002 DAE-Taechang

- Căn cứ theo hợp đồng số: 0022022 Daea-Taechang ngày 01/07/2022 giữa Công ty TNHH Vina Dae - A và Công ty TNHH Taechang Tech Vina

- Căn cứ nhu cầu thực tế hai bên:

Hôm nay, ngày tháng năm 2022, tại Công ty TNHH Vina Dae - A chúng tôi gồm có:

Bên cho thuê (Gọi tắt là bên A): CÔNG TY TNHH VINA DAE - A

Địa chỉ: Lô CN-10, khu công nghiệp Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện: Ông JUNG YONG HYUN

Chức danh: Tổng Giám đốc

Điện thoại/Phone: 02043 563 888

Mã số thuế: 2400913061

Bên thuê (Gọi tắt là bên B): CÔNG TY TNHH TAECHANG TECH VINA

Địa chỉ: Một phần lô CN-10 (Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Vina Dae - A), khu công nghiệp Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện: Ông KIM JONG MIN

Chức danh: Giám đốc

Mã số thuế: 2400940058

Sau khi xem xét, thỏa thuận hai bên đã đi đến thống nhất ký Phụ lục hợp đồng dịch vụ số: về trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động đối với hợp đồng thuê xưởng số: 0022022 Daea-Taechang, ngày 01 tháng 07 năm 2022, cụ thể như sau:

1. Về nước thải:

Bên A có trách nhiệm đầu tư xây dựng, quản lý và vận hành trạm xử lý nước thải tập trung công suất 20 m³/ngày đêm để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của bên B xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN Hòa Phú.

Bên B có trách nhiệm bố trí người phối hợp với bên A để vận hành trạm xử lý nước thải tập trung.

2. Về khí thải:

Bên A có trách nhiệm đầu tư xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống xử lý khí thải để xử lý khí thải từ công đoạn hàn do bên B thực hiện tại nhà xưởng cho thuê của bên A.

Bên B có trách nhiệm bố trí người phối hợp với bên A để vận hành hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn hàn.

3. Về chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:



Bên A có trách nhiệm bố trí kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực vận chuyển đi xử lý (Bao gồm cả rác thải phát sinh từ hoạt động của bên B).

Bên B có trách nhiệm thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh tại khu vực nhà xưởng của bên B về kho chứa do bên A bố trí.

4. Bên B có trách nhiệm phối hợp với bên A tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động.

5. Trường hợp bên B không tuân thủ các nội dung trên được coi là vi phạm hợp đồng và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

6. Điều khoản chung:

6.1. Quyền và nghĩa vụ của mỗi bên được quy định trong Hợp đồng thuê xưởng số: 0022022 Daea-Taechang

6.2. Phụ lục hợp đồng được lập thành 02 bản, có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

6.3. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng thuê xưởng số: 0022022 Daea-Taechang và có giá trị kể từ ngày ký./.

BÊN CHO THUÊ



**TỔNG GIÁM ĐỐC
JUNG YONGHYUN**

BÊN THUÊ



**GIÁM ĐỐC
KIM JONG MIN**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ XƯỞNG

공장 임대 계약서

Số: 0032022 Daea-Taehyuong

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2022 tại Công ty TNHH VINA DAE-A . Chúng tôi gồm có:
2022 년 07 월 01 일 비나대아(주)는 아래의 내용으로 계약한다

Bên cho thuê: CÔNG TY TNHH VINA DAE – A

임대인: VINA DAE-A CO., LTD (Sau đây gọi tắt là bên A/ 이하 “ 당사자 A” 라고함)

Người đại diện : Ông **JUNG YONG HYUN** Chức danh: Tổng Giám đốc

대표이사: 정용현 직책: 법인장

Địa chỉ: Lô CN-10, Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang , Việt Nam.

주소: LOT CN-10, Hoa Phu공단, Mai Đình 마을, Hiep Hoa 현, Bac Giang 성, Viet Nam

Điện thoại /Phone : 02043 563 888

연락처: 02043 563 888

Mã số thuế : 2400913061

세금번호 : 2400913061

Số tài khoản ngân hàng : VND 43210003380888 Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam
(BIDV) Chi nhánh Bắc Ninh .

은행계좌: 43210003380888 BIDV 은행 박년지점

Bên thuê/임차인 : Công ty TNHH TAE HYUONG VINA (Sau đây gọi tắt là bên B/이하 “ 당사자 B”
라고함)

Địa chỉ/Address: Lô CN-10 (thuê của công ty TNHH VINA DAE-A), Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Mai Đình,
huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang , Việt Nam.

Người đại diện: **GWON TAE GYUONG**

Chức danh: Giám Đốc

대표이사: 권태경

직책: 사장

Năm sinh 출생일 : 22/07/1961

Hộ chiếu /여권번호 : M43569891

Mã số thuế/ 세금번호 : 2400940058

Điện thoại/전화 :

Điều 1: Nội dung hợp đồng .

제 1 조: 계약 내용

-Tổng diện tích thuê : 1000 m²

TAE Hyoung

총 면적 : 1000 m²

Vị trí cụ thể được quy định , đánh dấu tại bản vẽ thiết kế

임대 위치가 지정되고 설계 도면에 표시됨

- Mục đích thuê: Làm nhà xưởng, văn phòng, kho để hoạt động sản xuất kinh doanh.

임대 목적: 작업장, 사무실, 창고로 사용

- Tại địa điểm: Lô CN-10, Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang , Việt Nam.

위치 : LOT CN-10, Hoa Phu 공단, Mai Dinh 마을, Hiep Hoa 현, Bac Giang 성, Viet Nam

- Bên B đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh lĩnh vực liên quan đến sản xuất Gia công vỏ máy ATM

B 의 ATM 용 기계의 가공, 생산과 관련된 생산 및 비즈니스 활동을 보장합니다

Điều 2: Thời hạn và giá thuê

제 2 조: 임대기간 및 임대료

2.1. Thời gian hợp đồng / 계약 기간

- Ngày bàn giao nhà xưởng: ngày__01__/_07__ /2022.
공장 인도 날짜: 2022 년 07 월 01 일.
- Thời hạn cho thuê: 1 năm kể từ ngày nhận bàn giao nhà xưởng.
임대 기간: 양도 계약일부터 1 년 이다

2.2 Giá thuê nhà xưởng. 임대 가격

- Đơn giá thuê: 2.5 USD tương đương 57.900 VND /m²/Tháng (hai phẩy năm đô la mỹ trên một mét vuông trên một tháng)
임대료: 2.5 USD (57,900VND) /m2/월 상당액
- Tổng giá thuê: 1000 m² x 57.900 VND = 57.900.000 VND/Tháng.
총 금액 : 1000 m² x 57.900 VND = 57.900.000 VND/월.
- Giá trên chưa bao gồm thuế VAT các khoản chi phí như: tiền điện, internet, phí quản lý và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng, phí sử dụng mặt bằng chung và các chi phí phát sinh khác). Các loại phí trên bên A sẽ tính sau khi bên B nhận có nghĩa vụ phải thanh toán ngay .
상기 금액은 부가세 및 인터넷, 전기세, 상하수도, 시설 보수 및 관리비, 공동 사용 공간 및 기타 비용을 포함하지 않는다. 이런 금액은 A 측이 별도 계산하여 B 측에 청구하면 B 측이 지불해야한다.

Điều 3 : Phương thức thanh toán.

제 3 조: 결제 방법

1. Vào ngày 30 hàng tháng bên A xuất hóa đơn cho bên B phí thuê nhà xưởng và chi phí quản lý A 는 B 에게 매월 30 일 임대료 및 관리비용에 대한 세금계산서를 발행한다.
2. Sau khi nhận được hóa đơn bên B có nghĩa vụ thanh toán chậm nhất đến ngày mùng 5 của 2 tháng kế tiếp .
B 는 세금계산서 접수 후 익월 5 일까지 A 에게 현금 또는 은행계좌로 지불한다
3. Phí quản lý từng công ty (각사별 관리비) :
 - Bên A tính tiền điện bằng cách phân bổ tổng tiền điện theo công suất sử dụng ghi trên công tơ cho từng công ty .
전기료는 각사별 계량기에 명시된 사용실적에 따라 총 전기료를 배분하여 A 가 청구한다.

- Chi phí điện chung được chia theo tiêu chuẩn riêng với từng công ty và thanh toán cho bên A.
공통 전기료는 별도 기준에 의한 방법으로 배분하며 A가 청구한다.
- Chi phí quản lý khác từng hàng mục như nước sạch, nước thải, dịch vụ bảo vệ, hệ thống bảo an ..vv phân bổ và thanh toán cho bên B.
기타 관리비에는 상 하수도 .쓰레기 처리비 . 경비 용역비 . 보안 시스템 등 항목별 배분하여 A가 청구한다.
- Phí chậm trả : Trường hợp tiền thuê và phí quản lý của bên B không thể thanh toán trong hạn quy định thì bên B sẽ phải trả tiền trả chậm bằng 2/1000/ngày của chi phí thuê và phí quản lý.
연체료 : B의 임대료 및 관리비를 지급기일내에 지급하지 못하고 연체할 경우 B는 임대료 및 관리비의 2/1000을 A에게 연체료로 지급한다.
- Trường hợp bên B chậm thanh toán phí thuê và phí quản lý quá 30 ngày hợp đồng có thể bị chấm dứt.
Trong trường hợp này, A lấy bảo đảm động sản / bất động sản của B làm tài sản thế chấp cho khoản nợ thuê và phí quản lý của B.
B의 연체일이 30일을 초과 할 경우 계약을 해지할 수 있다. 이 경우 A는 B의 임대료, 관리비 연체료의 담보물로 B의 동산/부동산을 확보한다.

Điều 4 : Quyền và Trách nhiệm của bên A.

제 4 조: A 측의 권한 및 책임

- Bên A bàn giao cho nhà xưởng cho bên B theo đúng thỏa thuận.
- A 측은 협의에 따라 B 측에게 공장을 임대한다.
- Đồng ý cho bên B được sử dụng ổn định nhà xưởng mà không bị can thiệp hoặc làm gián đoạn bởi các yêu cầu của bên A hoặc bất kỳ người thứ 3 nào đại diện cho bên A.
- A 또는 A를 대표하는 제삼자의 요청에 의한 간섭이나 중단없이 B가 공장을 안정적으로 사용할 수 있도록 해야 한다.
- Bên A có trách nhiệm sửa chữa cơ sở hạ tầng trong quá trình sử dụng bị hư hỏng nếu do các yếu tố khách quan gây nên.
- A 측은 객관적인 사유로 인하여 이용 중 파손된 기반시설은 수리할 책임이 있다.
- Trong trường hợp muốn chấm dứt hợp đồng cho thuê nhà xưởng trước hạn đã ký, bên A phải thông báo cho bên B trước 60 ngày.
- A 측은 계약기간 이전에 공장 임대계약을 해지하고자 하는 경우 B 측에게 60 일 전에 통지해야 한다.
- Mọi thủ tục liên quan đến việc cho thuê bên A phải chịu trách nhiệm đúng với pháp luật Việt Nam.
- A 측은 베트남 법률의 임대 관련 모든 절차에 대해 책임져야 한다.
- Bên A có trách nhiệm xuất hóa đơn tài chính cho bên B khi có hợp đồng thuê chính thức.
- A 측은 정식으로 임대계약이 있을 때 계산서를 발행할 책임이 있다
- Bên A đảm bảo tiêu chuẩn nhà xưởng cho thuê về PCCC và môi trường.
- A 측은 임대공장의 소방 및 환경기준을 보장해야 한다.
- Thực hiện đúng những cam kết của hợp đồng.
- 계약의 약속을 이행하고 준수하여야 한다.
- Có trách nhiệm nghiệm thu phòng cháy chữa cháy trên phần diện tích của bên B thuê.
- A 측은 B 측의 임대구역 소방에 대하여 점검할 의무/책임이 있다

Điều 5: Quyền và Trách nhiệm của bên B.

제 5 조: B 측의 권한 및 책임

-Sử dụng nhà xưởng đúng mục đích đã quy định trong hợp đồng này

본 계약에 규정된 목적에 따라 공장을 사용한다.

-Chịu trách nhiệm về con người, tài sản của đơn vị mình và khách hàng đến giao dịch. Bảo vệ và quản lý sử dụng phần diện tích văn phòng ,nhà xưởng làm việc và các tài sản, thiết bị đã được Bên A lắp đặt trong thời gian thuê theo quy định sử dụng của Bên A. Trong trường hợp Bên B hoặc cán bộ công nhân viên của Bên B làm hư hỏng tài sản của Bên A thì Bên B phải có trách bồi hoàn mọi tổn thất do mình gây ra .

B 는 거래처 인원, 자산 및 고객을 책임져야 한다. A 의 사용규정에 따라 임대기간 중 A 측이 설치한 사무실, 공장, 자산 및 장비의 사용을 보호하고 관리해야 한다. B 또는 B 의 직원이 A 의 재산을 파손한 경우 B 는 그로 인한 모든 손실을 배상할 책임이 있다.

-Chấp hành các nguyên tắc về giữ gìn vệ sinh môi trường và các quy định về trật tự an ninh chung.Tuân thủ các quy định của Việt Nam về phòng chống cháy, nổ.

환경위생 원칙과 일반 보안에 대해 규정을 준수하며 베트남의 화재 및 폭발 관련 방지 통제 규정을 준수한다

-Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, không được tàng trữ, buôn bán chất nổ, chất gây nghiện, hàng quốc cấm.

베트남법 규정을 준수하고 폭발물, 마약 또는 금지 물품을 저장하거나 거래하지 않는다

-Có thể thay đổi sửa chữa lại nội thất bên trong xưởng (phải được sự đồng ý của bên A bằng văn bản nhưng không được làm thay đổi kết cấu chính của nhà xưởng).

공장 내부에 인테리어를 바꿀 수 있다. (단, A 측의 서면 승인을 받아야 하며 공장의 주요 구조를 변경해선 안된다)

-Trong trường hợp muốn chấm dứt hợp đồng thuê nhà xưởng trước hạn đã ký, bên B phải thông báo bằng văn bản cho bên A trước 60 ngày.

B 측은 계약기간 중에 공장임대계약을 해지하고자 하는 경우 A 측에게 60 일 전에 공지해야 한다.

-Thực hiện đúng những cam kết của hợp đồng.

계약의 약속을 이행하고 준수한다

- Trường hợp B cần thay đổi , cải tạo so với ban đầu liên quan đến phòng cháy chữa cháy hoặc môi trường thì phải thỏa thuận trước với bên A .

B 의 변경으로 소방 또는 환경기준을 변경할 필요가 있을 경우 ,B 는 소방 또는 환경기준에 맞게 변경해야 하며 A 와 협의해야 한다.

-Sau khi kết thúc hợp đồng, bên B có nghĩa vụ bàn giao lại mặt bằng nguyên trạng ban đầu cho bên A. Nếu có phát sinh hỏng hóc do lỗi bên B, yêu cầu lập biên bản bồi thường thiệt hại.

B 측은 계약종료 시점에서 공장의 상태를 최대한 원상태로 A 측에게 반납할 의무가 있다. B 측의 귀책사유로 인한 피해가 발생한 경우 피해 보상서를 작성하여 보고한다.

-Trong thời gian thi công, bên B không được làm ảnh hưởng và làm hỏng nhà xưởng của bên A. Nếu gây ra hỏng thiệt hại cho bên A thì bên B phải bồi thường trên tinh thần thỏa thuận.

B 측은 공사기간 중 A 측의 공장에 대해 훼손되지 않아야 하며, A 측에게 영향을 미치는 경우 협의에 입각하여 보상하여야 한다.

Điều 6 : Nghĩa vụ tuân thủ luật môi trường và phòng cháy chữa cháy :

제 6 조 : 소방 및 환경 관련 법규 준수의무

1. Bên A cho thuê lại nhà xưởng kèm công trình bảo vệ môi trường và phòng cháy chữa cháy được xây dựng theo đúng quy định của pháp luật .

A 는 소방 및 환경관련법의 규정대로 시설 및 설비를 갖추어 임대해야 한다 .

2. Bên A có nghĩa vụ duy trì bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường và phòng cháy chữa cháy , khi phát sinh cải tạo , xây dựng thêm thì phải phù hợp tuân thủ với các quy định về luật môi trường và phòng cháy chữa cháy.

B 는 A 가 제공한 소방 및 환경설비를 유지 보수할 의무가 있으며 새로운 시설 및 건축을 추가할 시 소방 및 환경관련 법규에 합당한 시설 및 건축물을 추가해야 한다.

3. Trường hợp trên Bên A và B sẽ phải thỏa thuận .
이런 경우 A 는 B 와 협의해야 한다.
4. A hỗ trợ các công việc hành chính nếu cần thiết liên quan đến phòng cháy chữa cháy và công trình môi trường cho những công trình xây dựng , cải tạo mới mà bên B cần làm thêm .
A 는 B 의 신규 시설 및 건축물 추가를 위해 소방 및 환경관련 변경 및 허가가 필요할 경우 관련 행정업무를 지원한다.

Điều 7: Thanh lý hợp đồng:

제 7 조: 계약 해지

Hai bên sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng thuê nhà xưởng trong các trường hợp sau:

양 당사자는 다음과 같은 경우 공장 임대 계약을 해지한다.

-Hết thời hạn thuê mà hai bên không ký thỏa thuận gia hạn theo quy định của Hợp đồng này.

양측이 연장을 원하지 않을 시 계약이 만료된다

-Theo thỏa thuận chấm dứt trước hạn của các Bên, sau khi đã hoàn thành hết các nghĩa vụ về thuế và thanh toán.

당사자의 모든 결제와 세금 관련 일들이 완료되면 기한 이전에 계약을 종료할 수 있다.

-Bên nào không làm theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng này thì hợp đồng này sẽ đơn phương chấm dứt
어느 일방이 본 계약의 규정을 준수하지 않으면 계약서는 일방적으로 종료된다.

-Bên B sẽ được ưu tiên cho thuê tiếp sau khi hợp đồng chính thức kết thúc.

B 측이 계약이 만료되는 시점에 재임대를 원하는 경우 B 측의 임대를 우선으로 한다.

Điều 8 : Phạt do vi phạm hợp đồng

제 8 조: 계약 위반에 대한 처벌

-Bên A không thực hiện đúng hợp đồng, tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng thì bên A phải trả lại tiền thuê 1 tháng cho bên B và bồi thường 1 tháng tiền thuê cho bên B.

A 측이 계약을 이행하지 않아 일방적으로 계약을 해지하면 A 는 B 에게 1 개월치 임대료를 B 에게 지급하여야 한다.

-Bên B tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng trong thời gian hợp đồng thì bên B sẽ trả tiền thuê của thời gian còn lại hoặc thỏa thuận để có thể kết thúc hợp đồng .

B 측은 계약 중에 일방적으로 계약을 해지하는 경우 B 측은 잔여기간의 임대료를 지불하거나 협의하에 계약을 해지할 수 있다.

Điều 9 : Bất khả kháng

제 9 조: 불가항력

- Sự kiện bất khả kháng có nghĩa là các sự kiện hoặc tình huống xảy ra một cách khách quan như động đất, thiên tai, chiến tranh... không thể lường trước được hoặc không thể tránh được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép.

불가항력이란 지진, 천재지변, 전쟁 등의 필요한 조치를 취했음에도 불구하고 예측하거나 피할 수 없는 객관적인 사건이나 상황을 의미한다.

- Mỗi bên sẽ chịu trách nhiệm đối với các rủi ro, thiệt hại do sự bất khả kháng gây ra đối với tài sản mà không có trách nhiệm bồi thường tổn thất, thiệt hại của các bên trong trường hợp này.

각 당사자는 불가항력으로 인해 재산에 발생한 위험 및 손해에 대한 책임이 있지만 이 경우 당사자의 손실 또는 손해를 배상할 책임은 없다.

Điều 10 : Giải quyết tranh chấp

제 10 조: 분쟁 해결

- Hợp đồng này được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam.

이 계약은 베트남 법률을 적용 한다.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã nêu trong hợp đồng. Nếu có xảy ra tranh chấp hoặc có một bên vi phạm hợp đồng thì hai bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng trên tinh thần bình đẳng và cùng có lợi. Trong trường hợp không thể thỏa thuận được, sẽ đưa ra Tòa án nhân dân Tỉnh Bắc Giang giải quyết. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải chấp hành, mọi phí tổn sẽ do bên có lỗi chịu.

양 당사자는 계약에 명시된 조건을 준수할 것을 약속한다. 분쟁이 발생하거나 계약을 위반하는 경우 쌍방은 평등과 화해의 정신으로 협상을 통해 해결한다. 합의에 도달할 수 없는 경우 Bac Giang 지방 인민 법원에 제출하여 해결한다. 법원의 결정은 양 당사자가 준수해야 하는 모든 비용은 과실된 측이 부담한다.

Điều 11: Điều khoản chung

제 11 조: 일반 조건

- Hợp đồng này được làm thành hai bản và mỗi bên ký kết sẽ giữ lại một bản để thực hiện
이계약서는 2 부로 작성하며, A와 B는 각각 1 부씩 보관한다

- Hợp đồng này được lập ra bằng tiếng Hàn và tiếng Việt và trong trường hợp có bất kỳ xung đột nào giữa hai văn bản, văn bản bằng tiếng Việt sẽ là văn bản đúng.

본 계약서는 한국어와 베트남어로 이루어 지며 베트남어와 한국어가 상이할 경우 베트남어를 기준으로 한다.

BÊN CHO THUÊ/임대인



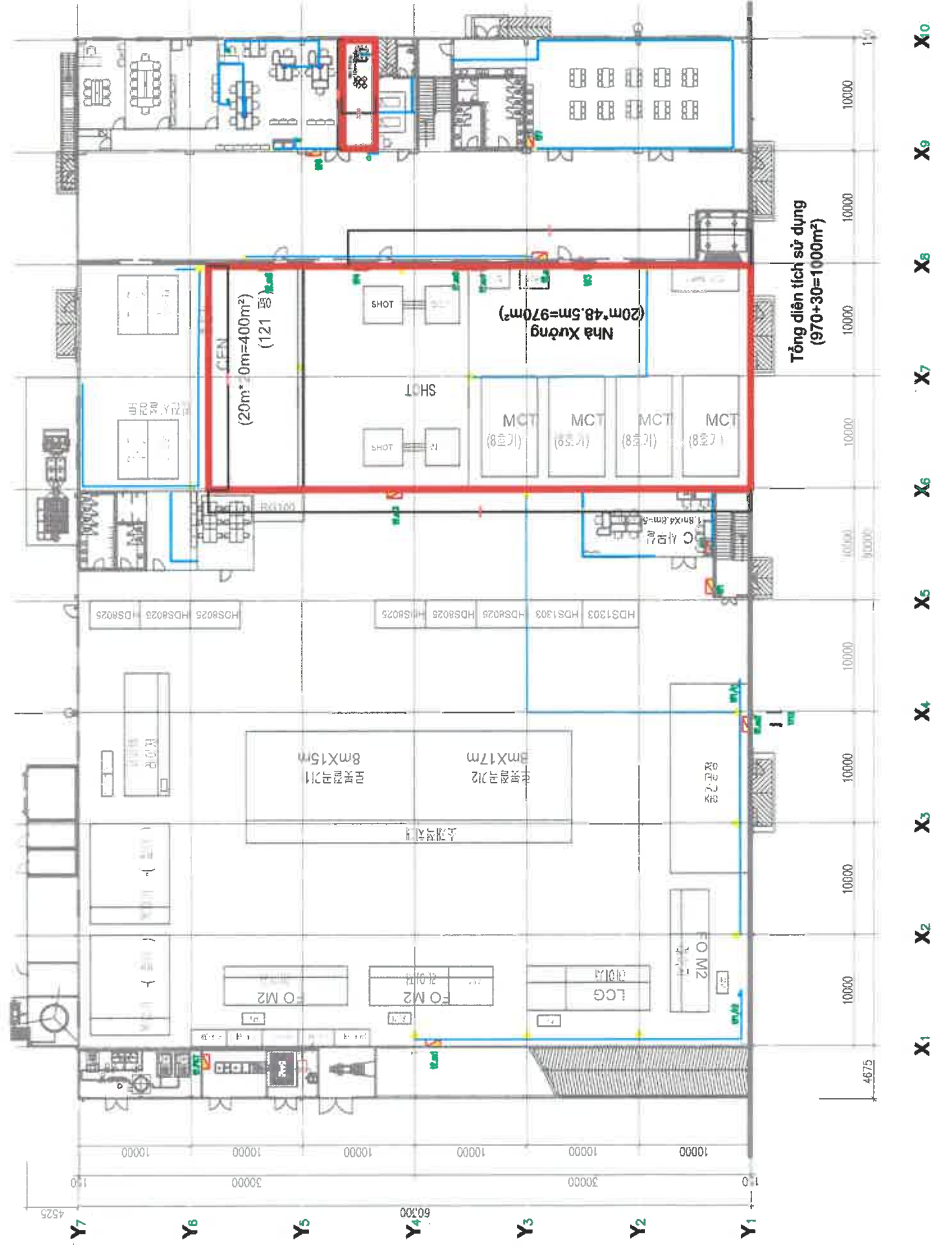
**TỔNG GIÁM ĐỐC
JUNG YONGHYUN**

BÊN THUÊ/임차인



**GIÁM ĐỐC
GWON TAE GYUONG**

1. N. H. H.
★
3



Diện tích nhà xưởng thuê bộ phận MCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Số: 1122 - 003 DAE - TAEHYUONG

- Căn cứ theo hợp đồng số: 0032022 Daea-Taechyuong ngày 01/07/2022 giữa Công ty TNHH Vina Dae - A và Công ty TNHH Tae Hyuong Vina

- Căn cứ nhu cầu thực tế hai bên:

Hôm nay, ngày tháng năm 2022, tại Công ty TNHH Vina Dae - A chúng tôi gồm có:

Bên cho thuê (Gọi tắt là bên A): CÔNG TY TNHH VINA DAE - A

Địa chỉ: Lô CN-10, khu công nghiệp Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện: Ông JUNG YONG HYUN Chức danh: Tổng Giám đốc

Điện thoại/Phone: 02043 563 888

Mã số thuế: 2400913061

Bên thuê (Gọi tắt là bên B): CÔNG TY TNHH TAE HYUONG VINA

Địa chỉ: Một phần lô CN-10 (Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Vina Dae - A), khu công nghiệp Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện: Ông GWON TAE GYUONG

Chức danh: Giám đốc

Mã số thuế: 2400941076

Sau khi xem xét, thỏa thuận hai bên đã đi đến thống nhất ký Phụ lục hợp đồng dịch vụ số: về trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động đối với hợp đồng thuê xưởng số: 0032022 Daea-Taechyuong, ngày 01 tháng 07 năm 2022, cụ thể như sau:

1. Về nước thải:

Bên A có trách nhiệm đầu tư xây dựng, quản lý và vận hành trạm xử lý nước thải tập trung công suất 20 m³/ngày đêm để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của bên B xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN Hòa Phú.

Bên B có trách nhiệm bố trí người phối hợp với bên A để vận hành trạm xử lý nước thải tập trung.

2. Về khí thải:

Bên A có trách nhiệm đầu tư xây dựng, quản lý và vận hành công trình xử lý khí thải để xử lý khí thải từ công đoạn phun bi làm sạch bề mặt do bên B thực hiện tại nhà xưởng cho thuê của bên A.

Bên B có trách nhiệm bố trí người phối hợp với bên A để vận hành công trình xử lý khí thải từ công đoạn phun bi làm sạch.

3. Về chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:



Bên A có trách nhiệm bố trí kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực vận chuyển đi xử lý (Bao gồm cả rác thải phát sinh từ hoạt động của bên B).

Bên B có trách nhiệm thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh tại khu vực nhà xưởng của bên B về kho chứa do bên A bố trí.

4. Bên B có trách nhiệm phối hợp với bên A tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động.

5. Trường hợp bên B không tuân thủ các nội dung trên được coi là vi phạm hợp đồng và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

6. Điều khoản chung:

6.1. Quyền và nghĩa vụ của mỗi bên được quy định trong Hợp đồng thuê xưởng số: 0032022 Daea-Taechuong

6.2. Phụ lục hợp đồng được lập thành 02 bản, có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

6.3. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng thuê xưởng số: 0032022 Daea-Taechuong và có giá trị kể từ ngày ký./.

BÊN CHO THUÊ



**TỔNG GIÁM ĐỐC
JUNG YONGHYUN**



**GIÁM ĐỐC
GWON TAE GYUONG**





**HOAPHU
INVEST**

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Giữa

CÔNG TY TNHH HÒA PHÚ INVEST

&

CÔNG TY TNHH VINA DAE-A



Bắc Giang, tháng 07 năm 2021
Bac Giang, July, 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CONTRACT SUPPLYING WASTE WATER TREATMENT SERVICES
Số/No: 105 /2021/HĐDV-HPI

Căn cứ/ Pursuant to:

Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017 và các văn bản hướng dẫn liên quan;

The Civil Code No. 91/2015/QH13 approved by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 24th, 2015, effective from January 1st, 2017 and related guiding documents.

Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13, ngày 23/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn liên quan;

Environmental Protection Law No 55/2014/QH13, dated June 23rd, 2014 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam and related guiding documents;

Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/04/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và Thông tư hướng dẫn số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015;

Decree No 80/2014/ND-CP dated April 6th, 2014 of the Government on drainage and wastewater treatment and Circular guiding No. 04/2015/TT-BXD dated April 3rd, 2015;

Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 về quản lý chất thải và phế liệu;

Decree No 38/2015/ND-CP dated April 24th, 2015 on waste and scrap management;

Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng

Circular No. 13/2018/TT-BXD dated December 27, 2018 of the Ministry of Construction;

Các quy định của Nhà nước về quản lý môi trường trong lĩnh vực nước thải và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

State regulations on environmental management in the field of wastewater and

Office:
No.24, Ngo Quyen, Van Phuc, Ha Dong,
Ha Noi
Tel: (024) 3311 9806

Head Office:
Lot HC- Hoa Phu Industrial Park, Mai Dinh,
Hiệp Hòa, Bắc Giang.
Tel: (0204) 358 6868

www.heaphuip.com



PARTY B : **VINA DAE-A COMPANY LIMITED**
Địa chỉ : Lô CN-10, Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
Address : *Lot CN-10, Hoa Phu Industrial Park, Mai Dinh Commune, Hiep Hoa District, Bac Giang Province*
Mã số thuế : 2400913061
Tax code : 2400913061
Đại diện bởi : **Mr.LEE NAM WEON**
Represented : *Mr.LEE NAM WEON*
Chức vụ : **Giám đốc**
Position : *Manager*

XÉT RÀNG/ WHEREAS:

- Bên A là Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phú được Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 2343318888 cấp chứng nhận lần đầu ngày 20/5/2016 và chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 15/4/2020. Bên A là đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý nước thải cho các doanh nghiệp trong KCN Hòa Phú.

Party A is the investor of the construction and business of infrastructure of Hoa Phu Industrial Park, which was granted the investment certificate by the Management Board of Industrial Parks of Bac Giang province, No. 2343318888 for the first time on May 20/ 2016 and certified the 4th change on April 15, 2020. Party A is the provider of wastewater treatment services for enterprises in Hoa Phu Industrial Park.

- Bên B là doanh nghiệp hoạt động trong KCN Hòa Phú có nhu cầu sử dụng dịch vụ xử lý nước thải của Bên A.

Party B is an enterprise operating in Hoa Phu Industrial Park and needs to use Party A's wastewater treatment service.

Do đó, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hai Bên đồng ý ký kết Hợp đồng này với nội dung và điều khoản cụ thể như sau/ *Therefore, on the basis of voluntary agreement, the two Parties agree to sign this Contract with the following specific content and terms:*

Điều 1. Nội dung của Hợp đồng / Article 1: Content of the contract

Bên A đồng ý cung cấp dịch vụ xử lý nước thải cho Bên B và Bên B đồng ý sử dụng dịch vụ xử lý nước thải của Bên A với những điều kiện cụ thể như sau/ *Party A agrees to provide wastewater treatment services to Party B and Party B agrees to use Party A's wastewater treatment service with the following specific conditions::*

1.1. Khối lượng nước thải xử lý hàng tháng/ Monthly volume of treated

Office:
No.24, Ngo Quyen, Van Phuc, Ha Dong,
Ha Noi
Tel: (024) 3311 9806

Head Office:
Lot HC - Hoa Phu Industrial Park, Mai Dinh,
Hiep Hoa, Bac Giang.
Tel: (0204) 358 6868

www.hoaphuip.com



wastewater:

Lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước sạch Bên B sử dụng (bao gồm: lượng nước sạch cấp bởi hệ thống cấp nước sạch chung của Khu công nghiệp và lượng nước Bên B lấy từ các nguồn khác để sử dụng, hàng tháng có Biên bản chốt nước kèm theo).

The amount of wastewater is calculated as 80% of the amount of clean water used by Party B (including: the amount of clean water supplied by the common clean water supply system of the Industrial Park and the amount of water Party B takes from other sources for use, monthly Attached is the water closing minutes).

Thời gian tính khối lượng nước thải hàng tháng được tiến hành cùng với thời gian chốt chỉ số nước sạch trong tháng, cụ thể vào ngày 20 hàng tháng.

The time to calculate the monthly volume of wastewater is conducted together with the time of closing the clean water index in the month, specifically on the 20th of every month.

- 1.2. Chất lượng nước thải của Bên B trước khi xả ra hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp Hòa Phú/ The quality of Party B's wastewater before being discharged into the general wastewater collection system of Hoa Phu Industrial Park**

Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải của Bên B không được vượt quá giới hạn quy định tại phụ lục I của Hợp đồng (bảng nồng độ nước thải).

Concentration of pollutants in Party B's wastewater must not exceed the limit specified in Appendix I of the Contract (wastewater concentration table).

- 1.3. Điểm đầu nối thoát nước thải/ Sewage drainage connection point**

Theo vị trí đầu nối quy định tại thỏa thuận đầu nối giữa hai Bên.

According to the connection location specified in the connection agreement between the two Parties.

- 1.4. Thời điểm bắt đầu thu chi phí xử lý nước thải/ Time to start collecting wastewater treatment costs:**

Kể từ thời điểm phát sinh nước sạch

From the time clean water is incurred

Điều 2. Chi phí xử lý nước thải hàng tháng/ Monthly wastewater treatment cost

- Chi phí xử lý nước thải hàng tháng/ Monthly wastewater treatment cost

Chi phí xử lý nước thải hàng tháng mà Bên B phải thanh toán cho Bên A được xác định như sau/ The monthly wastewater treatment cost that Party B must pay to Party A is determined as follows:

$$F = V \times (f \times K)$$

Trong đó/ In which:

Office:
No.24, Ngo Quyen, Van Phuc, Ha Dong,
Ha Noi
Tel: (024) 3311 9806

Head Office:
Lot HC- Hoa Phu Industrial Park, Mai Dinh,
Hiệp Hòa, Bắc Giang.
Tel: (0204) 358 6868

www.hoaphu.com

- **V:** Khối lượng nước thải xử lý hàng tháng (m^3 /tháng). V được xác định theo cách tính tại khoản 1.1 Điều 1 của Hợp đồng.

V: Monthly volume of treated wastewater (m^3 /month). V is determined according to the calculation method in Clause 1.1, Article 1 of the Contract.

- **f:** đơn giá xử lý nước thải; **f = 9.900 (VNĐ/ m^3)** (đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT)

f: wastewater treatment unit price; $f = 9,900$ (VND/ m^3) (unit price does not include VAT)

- **K:** Hệ số điều chỉnh/

K: Adjustment coefficient

Hệ số điều chỉnh K phụ thuộc vào nồng độ COD trong nước thải của Bên B được quy định tại Điều 3 Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng cụ thể như sau/ *The adjustment coefficient K depends on the COD concentration in the wastewater of Party B as specified in Article 3 of Circular No. 13/2018/TT-BXD dated December 27, 2018 of the Ministry of Construction, specifically as follows:*

| Mức <i>Level</i> | Nồng độ COD (mg/l) <i>COD concentration (mg/l)</i> | Hệ số K <i>Coefficient K</i> |
|---------------------|---|---------------------------------|
| 1 | 151-200 | 1,5 |
| 2 | 201 - 300 | 2,0 |
| 3 | 301 - 400 | 2,5 |
| 4 | 401 - 600 | 3,5 |
| 5 | > 600 | 4,5 |

Hệ số K tạm tính tại thời điểm ký Hợp đồng là $K = 1$

The coefficient K temporarily calculated at the time of signing the Contract is $K = 1$

Hệ số K sẽ được điều chỉnh để xác định chi phí xử lý nước thải theo quy định tại điểm d Khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng.

The coefficient K will be adjusted to determine the cost of wastewater treatment as specified at point d, Clause 4.1, Article 4 of the Contract.

-Điều chỉnh đơn giá xử lý nước thải (f)/ *Adjustment of wastewater treatment unit price (f)*

Đơn giá xử lý nước thải (f) được điều chỉnh khi cơ chế chính sách của nhà nước thay đổi dẫn đến đơn giá xử lý nước thải thay đổi.

The wastewater treatment unit price (f) is adjusted when the government's mechanism and policy changes resulting in a change in the wastewater treatment unit

price.

Điều 3. Phương thức thanh toán/ Article 3: Payment method

- 3.1** Hàng tháng căn cứ vào Biên bản chốt nước Bên A xuất hóa đơn cho Bên B, sau khi nhận được hóa đơn (hoặc thông báo của bên A nếu có) Bên B sẽ thanh toán chi phí xử lý nước thải cho bên A.

Every month, based on the Minutes of water closing, Party A issues an invoice to Party B, after receiving the invoice (or Party A's notice if any) Party B will pay the cost of wastewater treatment to Party A.

- 3.2** Thời gian thanh toán: Trong vòng 05 (ngày) kể từ ngày Bên A xuất hóa đơn cho Bên B (hoặc theo thông báo của bên A nếu có)

Payment time: Within 05 (days) from the date Party A issues the invoice to Party B (or according to Party A's notice if any)

- 3.3** Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Payment method: By cash or bank transfer.

Điều 4: Quyền hạn và trách nhiệm của các Bên/ Article 4: Rights and responsibilities of the Parties

4.1. Quyền hạn và trách nhiệm của Bên A/ Rights and responsibilities of Party A

- a. Đảm bảo xử lý nước thải theo đúng tiêu chuẩn theo quy định;

Ensure wastewater treatment according to prescribed standards;

- b. Thông báo bằng văn bản cho Bên B được biết nếu ngừng cung cấp dịch vụ để sửa chữa, nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước thải trừ trường hợp phát sinh sự cố bất ngờ sẽ liên hệ qua đầu mối của Bên B.

Notify in writing to Party B that if it stops providing services to repair, upgrade or renovate the wastewater treatment system, except in case of unexpected problems, Party B will be contacted through the contact point of Party B.

- c. Thanh tra, kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất hệ thống xử lý nước thải của Bên B để đảm bảo cung cấp dịch vụ xử lý nước thải hiệu quả, đúng quy trình.

Regular or irregular inspection and examination of Party B's wastewater treatment system to ensure efficient and correct provision of wastewater treatment services.

- d. Chủ động lấy mẫu và xét nghiệm định kỳ hoặc đột xuất mẫu nước thải của Bên B để phân tích (bao gồm cả chỉ tiêu COD) để xác định hệ số K làm cơ sở điều chỉnh chi phí xử lý nước thải quy định tại Điều 2 của Hợp đồng.

Take the initiative in taking samples and periodically or irregularly testing Party B's wastewater samples for analysis (including COD criteria) to determine the K-factor as a basis for adjusting wastewater treatment costs specified in Article 2 of the Contract.

- e. Bên A có trách nhiệm xuất hóa đơn GTGT cho Bên B để Bên B làm cơ sở

thanh toán.

Party A is responsible for issuing a VAT invoice to Party B for Party B as a basis for payment.

- f. Ngừng cung cấp nước sạch, ngừng cung cấp dịch vụ, yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc chấm dứt Hợp đồng nếu Bên B vi phạm các điều Khoản đã ký kết của Hợp đồng. Việc ký kết Hợp đồng chỉ được tiếp tục khi mọi vướng mắc được giải quyết.

Stop providing clean water, stop providing services, claim for damages or terminate the Contract if Party B violates the signed terms of the Contract. The signing of the Contract can only continue when all problems are resolved.

4.2. Quyền hạn và trách nhiệm của Bên B/ *Rights and responsibilities of Party B*

- a. Đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp Hòa Phú đúng vị trí quy định tại thỏa thuận đầu nối giữa hai Bên.

Connect wastewater to the common wastewater collection system of Hoa Phu Industrial Park at the correct location specified in the connection agreement between the two Parties.

- b. Hệ thống nước thải của Bên B phải có song chắn rác trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp; đảm bảo không để các chất thải rắn trộn lẫn vào nước thải gây tắc nghẽn hệ thống thu gom, xử lý của Bên A.

Party B's wastewater system must have garbage screens before connecting to the general wastewater collection system of the Industrial Park; ensure that solid wastes are not mixed into wastewater, causing blockage of Party A's collection and treatment system.

- c. Phải có hệ thống xử lý nước thải cục bộ để đảm bảo nước thải của Bên B trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của Bên A không vượt quá giới hạn của bảng phụ lục nồng độ nước thải (có bảng phụ lục nồng độ nước thải kèm theo).

There must be a local wastewater treatment system to ensure that Party B's wastewater before being discharged into Party A's wastewater collection system does not exceed the limit of the annex table of wastewater concentration (with an appendix table of wastewater concentration).

Trường hợp tính chất nước thải của Bên B vượt quá ngưỡng quy định trong bảng phụ lục nồng độ nước thải:

In case the wastewater properties of Party B exceed the threshold specified in the Appendix table of wastewater concentration:

- Bên B phải thông báo ngay cho Bên A và chỉ được xả thải vào hệ thống thu gom nước thải Khu công nghiệp sau khi được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A và có trách nhiệm thanh toán chi phí xử lý nước thải cho Bên A với hệ số K theo kết quả phân tích chỉ tiêu COD thực tế:

Party B must immediately notify Party A and only discharge wastewater into

the industrial park wastewater collection system after receiving the written consent of Party A and is responsible for paying the cost of wastewater treatment for Party A. Party A with the coefficient K according to the actual COD analysis results;

- Nếu Bên B không thông báo cho Bên A và khi Bên A phát hiện Bên B xả thải vượt giới hạn của bảng phụ lục nồng độ nước thải thì Bên B phải có trách nhiệm thanh toán phí xử lý nước thải cho Bên A với hệ số K theo kết quả phân tích chỉ tiêu COD thực tế và hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường chi phí phát sinh khác do thiệt hại đó gây ra.

If Party B does not notify Party A and when Party A detects that Party B discharges beyond the limit of the Appendix table of wastewater concentration, Party B must be responsible for paying the wastewater treatment fee to Party A with the system. K according to the actual COD analysis results and is fully responsible for compensating for other costs incurred due to such damage.

- d. Không được lấy nước cấp cho việc sản xuất và sinh hoạt từ bất cứ nguồn nước nào ngoài hệ thống cấp nước chung của Khu công nghiệp (*Trường hợp Bên B lấy lượng nước từ các nguồn khác để phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt thì phải thông báo trước bằng văn bản cho Bên A và phải được Bên A đồng ý bằng văn bản*). Bên A có quyền tính thêm lượng nước thải tương đương với 80% lượng nước từ các nguồn khác Bên B sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt.

Water supply for production and daily life is not allowed to be taken from any water source other than the common water supply system of the Industrial Park (In case Party B takes water from other sources to serve production and daily life, must notify Party A in writing in advance and must be agreed in writing by Party A). Party A has the right to charge an additional amount of wastewater equivalent to 80% of the water from other sources Party B uses for production and daily life.

Cử cán bộ kết hợp với Bên A kiểm tra lấy mẫu thí nghiệm khi Bên A có yêu cầu.

Send staff to cooperate with Party A to inspect and take samples for testing when requested by Party A.

- e. Kết hợp với Bên A đối chiếu nước lượng nước sạch để làm cơ sở tính toán lượng nước thải của Bên B.

Combine with Party A to compare water and clean water to use as a basis for calculating Party B's wastewater.

- f. Thanh toán đúng thời hạn theo số liệu xác nhận của hai Bên, nếu quá thời hạn thanh toán 05 ngày thì Bên B phải chịu lãi suất quá hạn **1%/ tháng** đối với số tiền chậm trả, nhưng việc thanh toán chậm không được vượt quá 30 ngày, nếu quá 30 ngày Bên A có quyền ngưng thu gom nước thải và yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ khác ngừng cung cấp điện, nước sạch...đối với Bên B và xem xét chấm dứt hợp đồng.

Settle on time according to confirmed data of the two Parties, if the payment

deadline is over 05 days, Party B must bear the overdue interest rate of 1%/month for the late payment amount, but the late payment must not exceed more than 30 days, if it is more than 30 days, Party A has the right to stop collecting wastewater and request other service providers to stop providing electricity, clean water... to Party B and consider terminating the contract.

Điều 5. Sự kiện bất khả kháng/ Article 5: Force majeure events

- 5.1 Sự kiện bất khả kháng: Là những sự kiện mang tính khách quan, nằm ngoài tầm kiểm soát của Các Bên và gây ảnh hưởng trực tiếp đến việc tiếp nhận nước thải của Bên A và xử lý nước thải của Bên B, bao gồm thiên tai, bão, động đất, sét, hỏa hoạn, hạn hán, lũ lụt, ô nhiễm nguồn nước hoặc các hiện tượng tự nhiên khác, chiến tranh, xung đột vũ trang, cấm vận, bạo động, nổi loạn, khủng bố hay phá hoại, dịch bệnh, bãi công, đình công, lãn công, giải phóng mặt bằng hay các hoạt động ngừng trệ công việc không phải do lỗi của một trong hai Bên gây ra, hoặc do bên thứ ba gây nên sự cố nước mà Bên A không thể lường trước được hoặc không thể kiểm soát được.

Force majeure events: Are objective events, beyond the control of the Parties and directly affecting the receipt of Party A's wastewater and Party B's wastewater treatment, including natural disaster, storm, earthquake, lightning, fire, drought, flood, water pollution or other natural phenomenon, war, armed conflict, embargo, riot, rebellion, terrorism or vandalism, disease, strike, strike, strike, ground clearance or work stoppage activities that are not caused by either Party's fault, or caused by a third party causing water problems. which Party A cannot foresee or cannot control.

- 5.2 Các Bên sẽ không phải chịu trách nhiệm hoặc không bị coi là vi phạm nghĩa vụ theo Hợp Đồng hoặc có lỗi do không thực hiện hoặc chậm trễ trong việc thực hiện, tuân thủ các nghĩa vụ tương ứng của mình theo Hợp Đồng khi xảy ra Sự kiện bất khả kháng.

The Parties shall not be liable or be deemed to be in breach of their obligations under the Contract or at fault for failure to perform or delay in performing or complying with their respective obligations under the Contract when occurring. event of Force majeure.

Điều 6 . Chấm dứt và thanh lý Hợp Đồng/ Article 6 . Termination and liquidation of the Contract

- 6.1 Hợp Đồng này chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp sau/ *This Contract terminates when one of the following cases arises:*

- a. Một trong Các Bên quyết định chấm dứt Hợp Đồng trước hạn theo quy định tại Hợp Đồng này;

One of the Parties decides to terminate the Contract ahead of time according to the provisions of this Contract;

- b. Bên A không đủ điều kiện thực hiện cung cấp dịch vụ xử lý nước thải theo quy định của pháp luật và thông báo bằng văn bản cho Bên B.

One of the Parties decides to terminate the Contract ahead of time according to the provisions of this Contract;

- c. Bên A là pháp nhân bị giải thể hoặc phá sản.

Party A is a legal entity that is dissolved or bankrupt.

- d. Một trong hai bên vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 8 của Hợp đồng này.

Either party seriously violates the obligations of the Contract, except for the force majeure event specified in Article 8 of this Contract.

- e. Chấm dứt theo thỏa thuận của Các Bên hoặc theo quy định của pháp luật.

Termination by agreement of the Parties or as prescribed by law

- 6.2 Khi phát sinh một trong các trường hợp nêu tại Khoản 6.1, Bên A sẽ ngừng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải cho Bên B, các Bên sẽ thực hiện và hoàn thành toàn bộ các trách nhiệm, nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

When one of the cases mentioned in Clause 6.1 arises, Party A will stop providing wastewater treatment services to Party B, the Parties will perform and fulfill all their responsibilities and obligations under the Contract. Laws and regulations.

Điều 7: Điều khoản chung / Article 7: General Terms

- 7.1 Các Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh những điều khoản đã ký kết. Trường hợp Bên nào vi phạm các trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định tại Hợp đồng này gây thiệt hại cho Bên còn lại thì Bên vi phạm sẽ phải bồi thường cho Bên thiệt hại theo thiệt hại thực tế mà Bên thiệt hại phải gánh chịu do hành vi vi phạm của Bên vi phạm gây ra.

The Parties commit to strictly implement the signed terms. In case any Party violates its responsibilities and obligations under this Contract, causing damage to the other Party, the violating Party shall have to compensate the aggrieved Party according to the actual damage suffered by the aggrieved Party, caused by the breach of the violating Party.

- 7.2 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu xảy ra tranh chấp thì hai Bên cùng bàn bạc, giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp không thương lượng được thì mỗi Bên đều có quyền đưa vụ việc ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Quyết định cuối cùng của Tòa án là căn cứ để các Bên thực hiện.

During the performance of the Contract, if a dispute occurs, the two Parties shall discuss and settle it by negotiation. In case of failure to negotiate, each Party has the right to bring the case to a competent Court for settlement. The final decision of the Court is the basis for the Parties to implement.

- 7.3 Hợp đồng này sẽ được tự động gia hạn theo các kỳ nếu không có Thông báo chấm dứt Hợp đồng của một trong hai Bên. Mỗi kỳ gia hạn là 01 năm.

This Contract will be automatically renewed in installments if there is no Termination Notice of either Party. Each renewal period is 01 year.

- 7.4 Hợp đồng này gồm 11 (mười một) trang được lập làm 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./..

This contract consists of 11 (eleven) pages made into 04 (four) copies with the same legal validity, each Party keeps 02 copies. This contract takes effect from the date of signing.

ĐẠI DIỆN BÊN A
REPRESENTATIVE OF PARTY A



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Sỹ Nam

ĐẠI DIỆN BÊN B
REPRESENTATIVE OF PARTY B



GIÁM ĐỐC
LEE NAM WEON

Office:
No.24, Ngo Quyen, Van Phuc, Ha Dong,
Ha Noi
Tel: (024) 3311 9806

Head Office:
Lot HC- Hoa Phu Industrial Park, Mai Dinh,
Hiệp Hòa, Bắc Giang.
Tel: (0204) 358 6868

www.koaphung.com

PHỤ LỤC/ APPENDIX
NỒNG ĐỘ NƯỚC THẢI
WASTE WATER CONTENTS

(Kèm theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải số:/20.../HDDV-HPI)
(Attached to the contract for the provision of wastewater treatment services
No.:/20.../HDDV-HP)

| TT No | Thông số Parameters | Đơn vị Unit | Giá trị Nồng độ nước thải tiếp nhận Value <i>Concentration of wastewater received</i> |
|----------|---|----------------|--|
| 1 | pH | - | 6.5 - 8 |
| 2 | COD | mg/l | 600 |
| 3 | TSS | mg/l | 300 |
| 4 | Tổng Nito <i>Total Nitrogen</i> | mg/l | 64 |
| 5 | Amoni | mg/l | 40 |
| 6 | Tổng Phốtpho <i>Total phosphorus</i> | mg/l | 20 |
| 7 | Clorua | mg/l | <360 |
| 8 | Thông số khác theo danh mục của QCVN 40:2011/BTNMT <i>Other parameters according to the list of QCVN 40:2011/BTNMT</i> | | Cột B-QCVN 40:2011/ BTNMT/ <i>Column B-QCVN 40:2011/ BTNMT</i> |

Office:
No.24, Ngo Quyen, Van Phuc, Ha Dong,
Ha Noi
Tel: (024) 3311 9806

Head Office:
Lot HC- Hoa Phu Industrial Park, Mai Dinh,
Hiệp Hòa, Bắc Giang
Tel: (0204) 358 6868

www.hoaphu.vn

Số: 0/CV-DAE-A

Hiệp Hòa, ngày 23 tháng 11 năm 2022

V/v lấy ý kiến nội dung đầu
nổi nước thải vào hệ thống
thoát nước thải của Khu
công nghiệp Hòa Phú

Kính gửi: Công ty TNHH Hòa Phú Invest

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Công ty TNHH Vina Dae - A đã thực hiện lập hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường cho dự án “Nhà máy Vina Dae - A” tại lô CN-10, KCN Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Theo mẫu cáo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường có nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải.

Do đó, Công ty TNHH Vina Dae - A gửi đến quý Công ty thông tin về việc đầu nổi nước thải của dự án vào hệ thống thoát nước thải của Khu công nghiệp Hòa Phú, cụ thể như sau:

1. Vị trí xả nước thải: Tại hố ga D43 thuộc lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, (hố ga nằm ở phía Tây dự án, nằm ngoài hàng rào, cách cổng ra vào dự án khoảng 75m về phía Tây Nam).

Tọa độ vị trí đầu nổi nước thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰): X = 391826.572; Y = 2349853.055; Z=0.000

2. Lưu lượng xả nước thải: Lưu lượng xả thải lớn nhất 20 m³/ngày đêm, tương đương khoảng 0,83 m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sinh hoạt, sản xuất sau xử lý được xả theo phương thức tự chảy theo ống ngầm PVC D90, sau đó tự chảy vào hố ga D43 của hệ thống thoát nước thải của khu công nghiệp Hòa Phú.

2.2 Chế độ xả thải: Xả nước thải liên tục 24/24giờ.

Trên đây là thông tin về việc đầu nổi nước thải của dự án vào hệ thống thoát nước thải của Khu công nghiệp Hòa Phú. Kính mong nhận được ý kiến phản hồi của Công ty TNHH Hòa Phú Invest để chúng tôi sớm được cấp giấy phép môi trường và tiếp tục hoạt động.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;

CÔNG TY TNHH VINA DAE - A



**TỔNG GIÁM ĐỐC
JUNG YONGHYUN**



CÔNG TY TNHH
HÒA PHÚ INVEST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 108/2021/CV-HPI
V/v: Chấp thuận đấu nối
hạ tầng KCN Hòa Phú.

Bắc Giang, ngày 10 tháng 7 năm 2021

Kính gửi: Công ty TNHH VINA DAE-A

Công ty TNHH Hòa Phú Invest gửi lời chào trân trọng đến Công ty TNHH Dae-A, chúc Quý Công ty ngày càng phát triển thịnh vượng!

Công ty TNHH Hòa Phú Invest nhận được Công văn số: 01/872021/CV-DaeA của Quý Công ty về việc xin đấu nối hạ tầng. Sau khi xem xét, Công ty TNHH Hòa Phú Invest có ý kiến trả lời như sau:

1. Chấp thuận về nguyên tắc phương án đấu nối hạ tầng kỹ thuật theo công văn số: 01/872021/CV-DaeA. Cụ thể:
 - Đấu nối hệ thống giao thông tại điểm đấu nối số 01 theo bản vẽ ký hiệu DN- 02;
 - Đấu nối hệ thống thoát nước mưa tại điểm đấu nối số 02 và 03 (ga TNM E45 và ga E38 KCN Hòa Phú) theo bản vẽ ký hiệu DN- 04;
 - Đấu nối hệ thống thoát nước thải tại điểm đấu nối số 04 (ga TNT D43 KCN Hòa Phú) theo bản vẽ ký hiệu DN- 06;
 - Đấu nối hệ thống cấp nước sạch tại điểm đấu nối số 05 theo bản vẽ ký hiệu DN- 08;
 - Đấu nối hệ thống thông tin liên lạc tại điểm đấu nối số 07 theo bản vẽ ký hiệu DN- 10;
 - Hệ thống Cấp điện: Đề nghị Quý công ty liên hệ trực tiếp tới Công ty CP Phát Triển Điện Lực Bắc Giang là đơn vị trực tiếp quản lý và vận hành hệ thống cấp điện KCN Hòa Phú để triển khai các thủ tục đấu nối.
2. Phương án đấu nối phải đảm bảo một số nguyên tắc sau:
 - Đồng bộ với hồ sơ thiết kế BVTC của KCN đã được phê duyệt;
 - Hệ thống thoát nước (gồm thoát nước mưa và thoát nước thải): Phải có hệ thống thu gom riêng biệt giữa thoát nước mưa và thoát nước thải. Trước khi đấu nối với hệ thống thoát nước của KCN phải có ga trung gian nằm sát hàng rào phía trong doanh nghiệp, ga trung gian phải thiết kế có lắng cặn và hệ thống song chắn rác với mắt lưới 3x3cm. Đối với hệ thống nước thải phải xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng nước thải tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật theo hồ sơ đánh giá tác động môi trường trước khi xả thải vào hệ thống chung của KCN;
 - Hệ thống giao thông: Đảm bảo vượt nối êm thuận kết cấu nền mặt đường, hệ thống bó vỉa, lát hè sao cho đồng bộ với thiết kế BVTC Hạ tầng KCN tại vị trí đấu nối. Có hào kỹ thuật kích thước tối thiểu BxH=600x800, hố ga hai đầu phải có nắp tấm đan.
3. Trong quá trình thi công, đề nghị Quý Công ty thực hiện các yêu cầu sau:
 - Phải tuân thủ Giấy phép xây dựng do cơ quan có thẩm quyền cấp phép;
 - Trước khi triển khai, đề nghị Quý Công ty cung cấp cho BQL KCN Hòa Phú hồ sơ cấp phép xây dựng (bao gồm Giấy phép xây dựng và các bản vẽ) đã phê duyệt và thông báo trước 02 ngày để BQL KCN Hòa Phú cử cán bộ kỹ thuật bàn giao hiện

trạng, theo dõi giám sát và phối hợp trong quá trình triển khai;

- Tại vị trí đầu nối giao thông khi chưa có đầu nối chính thức (đầu nối tạm), khi thi công phải bố trí các tấm thép có chiều dày tối thiểu 12 mm trên toàn bộ phạm vi mà thiết bị, phương tiện vận tải đi lại, để bảo vệ kết cấu hạ tầng kỹ thuật đã xây dựng;
- Phải xây dựng hệ thống thu gom nước (nước mưa, nước trong quá trình thi công), hồ thu được bố trí sao cho có đủ thời gian lắng cặn bùn đất và không để rác xâm nhập hệ thống thoát nước của KCN. Tại vị trí đầu nối vào ga tạm khi chưa đầu nối chính thức phải bố trí lưới chắn rác;
- Hạng mục dọc biên các phía của lô đất phải thi công theo đúng các mốc tọa độ đã được bàn giao, khi thi công phải báo trước cho cán bộ kỹ thuật BQL KCN Hòa Phú tối thiểu 02 ngày để kiểm tra trước khi thi công (tránh chổng lún). Đối với danh giới lô đất bên cạnh, nếu có sự thỏa thuận giữa các bên với nhau (ảnh hưởng thi công, hạ tầng dùng chung) thì phải lập biên bản thỏa thuận và gửi biên bản đó cho BQL KCN Hòa Phú trước khi thi công.
- Đối với công trình ngầm khi thi công có thể gây ảnh hưởng đến các bên liên quan (có chiều sâu hố móng $\geq 1m$, cách hàng rào doanh nghiệp $\leq 2m$) yêu cầu trước khi thi công phải đệ trình biện pháp lên BQL KCN Hòa Phú và cam kết không gây ảnh hưởng đến hệ thống hạ tầng KCN và các bên liên quan để BQL KCN Hòa Phú xem xét chấp thuận. Kết thúc quá trình thi công, phải được cán bộ kỹ thuật BQL KCN Hòa Phú xác nhận bằng văn bản.

4. Bảo vệ môi trường và kết cấu hạ tầng KCN:

Đề nghị Quý Công ty tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo hồ sơ đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Đối với kết cấu hạ tầng KCN đã xây dựng phải có ý thức bảo vệ kết cấu, có trách nhiệm sửa chữa, hoàn trả lại các hư hỏng do mình gây ra. Quá trình sửa chữa, hoàn trả phải được cán bộ kỹ thuật BQL KCN Hòa Phú giám sát, theo dõi và nghiệm thu.

Nhằm nâng cao hơn nữa ý thức giữ vệ sinh môi trường, bảo vệ các kết cấu hạ tầng đã xây dựng, Công ty TNHH Hòa Phú Invest đề nghị Quý Công ty trước khi vào thi công xây dựng phải đặt cọc số tiền là 40.000.000 Đồng (Bốn mươi triệu đồng chẵn). Mục đích của việc đặt cọc: trong quá trình thi công nếu Quý Công ty gây ảnh hưởng đến hạ tầng KCN, gây mất vệ sinh môi trường mà không khắc phục hoặc khắc phục chậm trễ thì Công ty Hòa Phú Invest sẽ lựa chọn đơn vị độc lập thực hiện công việc đó, chi phí cho việc khắc phục này sẽ trích từ số tiền đặt cọc nêu trên. Nghĩa vụ đặt cọc sẽ hết khi Quý công ty kết thúc quá trình xây dựng, có biên bản xác nhận công việc hoàn thành của BQL KCN Hòa Phú. Khi đó, sẽ hoàn lại số tiền đặt cọc sau khi trừ các khoản vi phạm (nếu có).

Mọi thông tin chi tiết, Quý Công ty vui lòng liên hệ: SĐT: 0936429968 Ông Đàm Tiến Bội – Phó tổng giám đốc Công ty TNHH Hòa Phú Invest./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban TGD (B/c);
- P.KT, P.KD, P.TCKT
- Lưu VP.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đàm Tiến Bội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Dự án: Nhà máy Vina Dae - A

Hạng mục nghiệm thu: Công trình xử lý khí thải từ công đoạn phun bi làm sạch bề mặt

Địa điểm xây dựng: Lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Nội dung nghiệm thu như sau:

1. Thành phần tham gia nghiệm thu

Bên bàn giao (Đơn vị nhà thầu): **Công ty TNHH AHTAE**

Địa chỉ: Thôn Yên Lịch, xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Người đại diện: Ông KIM WOO WHAN Chức danh: Tổng Giám đốc

Bên nhận bàn giao (Chủ đầu tư): **Công ty TNHH Vina Dae - A**

Địa chỉ: Lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện: Ông JUNG YONGHUYN Chức danh: Tổng Giám đốc

2. Thời gian nghiệm thu

Bắt đầu: ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm 2022

Kết thúc: ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm 2022.

Tại Công ty TNHH Vina Dae - A

3. Nội dung bàn giao

Đơn vị nhà thầu đã hoàn thiện việc xây dựng và lắp đặt hệ thống xử lý khí thải công đoạn phun bi làm sạch bề mặt với các hạng mục công trình như sau:

| STT | Tên máy móc, thiết bị | ĐVT | Số lượng | Thông số kỹ thuật |
|-----|-----------------------|----------|----------|--|
| 1 | Thiết bị xử lý | Thiết bị | 01 | - Lưu lượng hút: 15 m ³ /phút; - Vật liệu lọc: 30 lõi lọc; - Tiết diện ống hút: Φ148mm; - Công suất: 1,5kW; - Khoang chứa bụi: 17 lít |

| STT | Tên máy móc, thiết bị | ĐVT | Số lượng | Thông số kỹ thuật |
|-----|----------------------------|-----|----------|---|
| 2 | Ống dẫn khí thải 500x500mm | m | 20,0 | Tấm thép mạ kẽm |
| 3 | Ống dẫn khí thải 700x700mm | m | 34,0 | Tấm thép mạ kẽm |
| 4 | Quạt hút ly tâm | Cái | 01 | - Công suất 50HP; - Lưu lượng hút: 380V-32Kw - Vận tốc: 500 m ³ /h |
| 5 | Ống thoát khí thải | Ống | 01 | - Tiết diện: Ø500mm; - Chiều cao: 7,5m tính từ cos nền hiện trạng; - Vật liệu: Thép không gỉ. |

4. Đánh giá hạng mục công trình thực hiện

a. Tài liệu căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng kinh tế giữa hai bên.
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ dự án phê duyệt.
- Hồ sơ tài liệu hoàn thành các hạng mục công trình theo kết quả tại mục 3 của biên bản này.
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng:

b. Đặc điểm biện pháp để bảo vệ an toàn lao động, an toàn phòng nổ, phòng cháy, chống ô nhiễm môi trường và an toàn sử dụng:

- Theo thiết kế: Đạt yêu cầu
- Theo thực tế đạt được: Đạt yêu cầu.

c. Khối lượng:

- Theo thiết kế: Đạt yêu cầu
- Theo thực tế đạt được: Đạt yêu cầu.

d. Chất lượng thi công:

- Đối chiếu với thiết kế: Đạt yêu cầu
- Đối chiếu với các tiêu chuẩn xây dựng áp dụng, yêu cầu kỹ thuật công trình: Phù hợp với các tiêu chuẩn xây dựng áp dụng và các yêu cầu của dự án.

e. Các ý kiến khác:

.....

.....

.....

613
CÔNG TY
NH
TAE
ĐU - T. HƯ

13061 C
CÔNG TY
TNHH
NA DAE-

ĐA - T. BẮC

5. Kết luận:

Đồng ý nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình: Thiết kế, thi công và lắp đặt công trình xử lý khí thải từ công đoạn phun bi làm sạch bề mặt đưa vào sử dụng.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



**TỔNG GIÁM ĐỐC
JUNG YONGHYUN**

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



**TỔNG GIÁM ĐỐC
KIM WOO WHAN**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Dự án: Nhà máy Vina Dae - A
Hạng mục nghiệm thu: Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m³/ngày đêm
Địa điểm xây dựng: Lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
Nội dung nghiệm thu như sau:

1. Thành phần tham gia nghiệm thu

Bên bàn giao (Đơn vị nhà thầu thi công): **Công ty cổ phần thiết bị và công nghệ Sungshin Envitech**
Địa chỉ: Số 16/48, khu đô thị An Hưng, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Đại diện là : Ông Nguyễn Công Vũ Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc
Bên nhận bàn giao (Chủ đầu tư): **Công ty TNHH Vina Dae - A**
Địa chỉ: Lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
Người đại diện: Ông JUNG YONGHUYN Chức danh: Tổng Giám đốc

2. Thời gian nghiệm thu

Bắt đầu: ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm 2022
Kết thúc: ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm 2022.
Tại Công ty TNHH Vina Dae - A

3. Nội dung bàn giao

a. Về phần trạm xử lý

Đơn vị nhà thầu đã hoàn thiện việc xây dựng và lắp đặt trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m³/ngày đêm với các hạng mục công trình như sau:

| TT | Các hạng mục | Số lượng (bể) | Thể tích (m ³ /bể) | Kích thước (BxHxL) (m) |
|----|---------------------------|------------------|----------------------------------|---------------------------|
| 1 | Bể thu gom nước sinh hoạt | 01 | 4,6 | 2,1x0,8x2,75 |
| 2 | Bể điều hòa | 01 | 12,5 | 2,5x2,0x2,5 |
| 3 | Bể tách mỡ | 01 | 3,75 | 1,25x1,0x2,5 |
| 4 | Bể thiếu khí | 01 | 9,375 | 2,5x1,5x2,5 |



| TT | Các hạng mục | Số lượng (bể) | Thể tích (m ³ /bể) | Kích thước (BxHxL) (m) |
|----|---------------|---------------|-------------------------------|------------------------|
| 5 | Bể hiếu khí | 01 | 12,5 | 2,5x2,0x2,5 |
| 6 | Bể lọc màng | 01 | 6,25 | 2,5x1,0x2,5 |
| 7 | Bể trung gian | 01 | 3,125 | 1,25x1,0x2,5 |
| 8 | Bể khử trùng | 01 | 3,125 | 1,25x1,0x2,5 |
| 9 | Bể chứa bùn | 01 | 3,75 | 1,25x1,0x2,5 |

b. Về phần máy móc, thiết bị

Đơn vị nhà thầu đã hoàn thiện việc lắp đặt các máy móc, thiết bị đảm bảo cho việc vận hành trạm xử lý nước thải như sau:

| STT | Máy móc thiết bị | Đơn vị | Số lượng | Thông số kỹ thuật |
|-----|-----------------------------|--------|----------|--------------------------------------|
| 1 | Bơm chìm hố gom | cái | 02 | Lưu lượng: 3 m ³ /phút |
| 2 | Bơm chìm bể điều hòa | cái | 02 | Lưu lượng: 3 m ³ /phút |
| 3 | Máy thổi khí | cái | 02 | Lưu lượng: 1,25 m ³ /phút |
| 4 | Motor khuấy | chiếc | 01 | Công suất: P = 0,2 kW |
| 5 | Bơm định lượng | chiếc | 02 | Lưu lượng: 10 lít/h |
| 6 | Bơm tuần hoàn bể trung gian | chiếc | 02 | Lưu lượng: 3 m ³ /phút |
| 7 | Bơm hút màng đặt cạn | chiếc | 01 | Lưu lượng: 3 m ³ /phút |
| 8 | Bơm rửa màng đặt cạn | chiếc | 01 | Lưu lượng: 3 m ³ /phút |

4. Đánh giá hạng mục công trình thực hiện

a. Tài liệu căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng kinh tế giữa hai bên.
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ dự án phê duyệt.
- Hồ sơ tài liệu hoàn thành các hạng mục công trình theo kết quả tại mục 3 của biên bản này.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng:

b. Đặc điểm biện pháp để bảo vệ an toàn lao động, an toàn phòng nổ, phòng cháy, chống ô nhiễm môi trường và an toàn sử dụng:

- Theo thiết kế: Đạt yêu cầu
- Theo thực tế đạt được: Đạt yêu cầu.

c. Khối lượng:

- Theo thiết kế: Đạt yêu cầu
- Theo thực tế đạt được: Đạt yêu cầu.

d. Chất lượng thi công:

- Đối chiếu với thiết kế: Đạt yêu cầu
- Đối chiếu với các tiêu chuẩn xây dựng áp dụng, yêu cầu kỹ thuật công trình:
Phù hợp với các tiêu chuẩn xây dựng áp dụng và các yêu cầu của dự án.

e. Các ý kiến khác:

.....

.....

.....

5. Kết luận:

Đồng ý nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình: Thiết kế, thi công và lắp đặt trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20m³/ngày đêm đưa vào sử dụng.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



TỔNG GIÁM ĐỐC
JUNG YONGHYUN

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đào Xuân Chính



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Dự án: Nhà máy Vina Dae - A

Hạng mục nghiệm thu: Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn hàn

Địa điểm xây dựng: Lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Nội dung nghiệm thu như sau:

1. Thành phần tham gia nghiệm thu

Bên bàn giao (Đơn vị nhà thầu): **Công ty Cổ phần Natural Star Vina**

Địa chỉ: Tầng 4, số 5, đường Lê Thái Tổ, phường Võ Cường, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Người đại diện:

Chức danh:

Bên nhận bàn giao (Chủ đầu tư): **Công ty TNHH Vina Dae - A**

Địa chỉ: Lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện: Ông JUNG YONGHUYN Chức danh: Tổng Giám đốc

2. Thời gian nghiệm thu

Bắt đầu: ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm 2022

Kết thúc: ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm 2022.

Tại Công ty TNHH Vina Dae - A

3. Nội dung bàn giao

Đơn vị nhà thầu đã hoàn thiện việc xây dựng và lắp đặt hệ thống xử lý khí thải công đoạn hàn với các hạng mục công trình như sau

| STT | Nội dung/ 내용 | Mô tả/ 규격 | ĐV/ 단위 | SL/ 수량 |
|-------------------------------|--|--|-----------|-----------|
| THÁP XỬ LÝ KHÍ THẢI/ 연기처리 집진기 | | | | |
| 1 | Tháp hấp Phụ khí thải bằng than hoạt tính AC Tower 집진기 | - Vật liệu SS400 dày 2.5 - 3.2mm - Khung đế U150x5mm, tăng cứng - Khung hộp than bên trong 40x40x2mm, lưới Ex metal dày 3mm - Bên ngoài tăng cứng hộp 50x50x2.5mm - Bên ngoài sơn chống gỉ + sơn màu ghi Epoxy, bên trong sơn chống gỉ Epoxy | SET | 1 |

| | | | | |
|----|--|--|-----|---|
| 2 | Than hoạt tính/ 활성탄 | Than hoạt tính gáo dừa dạng hạt, Iodine: 400 – 600 mg/g, CTC: min 60%, Độ cứng : 98%, S bề mặt : 1200 m ² /g, Kích thước hạt : 4x8 , 6x12, 8x20, 8x30 | LOT | 1 |
| 3 | Hệ thống tách bụi thô/ 먼지 처리시설 | Lưới lọc bụi SUS304 | PCS | 1 |
| 4 | Quạt hút/ 팬 | P=50HP (37kW) | PCS | 1 |
| 5 | Tủ điện điều khiển + dây kết nối quạt/ 콘트롤박스, 팬 연결 전선 | Tủ đặt ngoài trời: Bao gồm Biến tần cho quạt 37 kW + sensor đo chênh áp điều khiển hệ thống | PCS | 1 |
| 6 | Sàn, thang thao tác đỡ quạt/ 팬 받침대, 사다리 | Thép 'H150, U100, V50 tiêu chuẩn sơn phủ Epoxy | LOT | 1 |
| 7 | Ống khói/ 연기통 | D900x5000mm | LOT | 1 |
| 8 | Ống tôn mạ kẽm D200x0.58mm 철판 배관 | Ống tôn cứng Z8 | LOT | 1 |
| 9 | Ống gió mềm D200 배기통 | Ống mềm vải Simili | LOT | 1 |
| 10 | Van gió D200 댐퍼 밸브 | Van tôn mạ kẽm Z8 dày 0.58mm | LOT | 1 |
| 11 | Ống tôn mạ kẽm KT: 630x500x0.75mm 철판 배관 | Tôn mạ kẽm Z8, dày 0.75mm, bích 2 đầu TDC/C | LOT | 1 |
| 12 | Ống tôn mạ kẽm KT: 800 x630 x0.95mm 철판 배관 | Tôn mạ kẽm Z8, dày 0.95mm, bích 2 đầu TDC/C | LOT | 1 |
| 13 | Co 90 độ vuông 800 x630 x0.95mm 엘보 | Tôn mạ kẽm Z8, dày 0.95mm, bích 2 đầu TDC/C | PCS | 4 |



| | | | | |
|----|---|---|-----|---|
| 14 | Van gió D600 댐퍼 밸브 | Tôn mạ kẽm Tôn Z8 dày 0,75mm | PCS | 1 |
| 15 | Khớp nối mềm D600 조인트 | Bích 2 đầu + Vải bạt chống cháy | PCS | 2 |
| 16 | Bộ nối ống nhánh D200 vào ống chính유니온 | Tôn mạ kẽm, dày 0.58mm | LOT | 1 |
| 17 | Vật tư phụ, doăng, keo, giá đỡ ống... 부속품, 접착제 등 | Giá đỡ Ống đi trong nhà: kẹp xà gỗ, treo ty ren mạ kẽm M8 + V40 dày 3mm sơn phủ Eboxy Giá đỡ ống ngoài nhà: Thép U100, V50 tiêu chuẩn sơn phủ eboxy | LOT | 1 |
| 18 | Nhân công lắp đặt và hàn đường ống kết nối 설치 및 용접 인건비 | Trọn gói | LOT | 1 |
| 19 | Vận chuyển thuê cầu 크레인 비용 | Trọn gói | LOT | 1 |
| 20 | Phân tích mẫu khí tại điểm xả sau xử lý (1 mẫu 5 chỉ tiêu Bụi tổng, SO ₂ , Nox, CO, lưu lượng) 대기배출시 대기분석 | Trọn gói | Lot | 1 |
| 21 | Dây điện Nguồn | Trọn gói | Lot | 1 |
| 22 | Tủ điều khiển ON/OFF . Đặt trên tầng 2 | Trọn gói | Lot | 1 |

4. Đánh giá hạng mục công trình thực hiện

a. Tài liệu căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng kinh tế giữa hai bên.
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ dự án phê duyệt.

- Hồ sơ tài liệu hoàn thành các hạng mục công trình theo kết quả tại mục 3 của biên bản này.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng:

b. Đặc điểm biện pháp để bảo vệ an toàn lao động, an toàn phòng nổ, phòng cháy, chống ô nhiễm môi trường và an toàn sử dụng:

- Theo thiết kế: Đạt yêu cầu

- Theo thực tế đạt được: Đạt yêu cầu.

c. Khối lượng:

- Theo thiết kế: Đạt yêu cầu

- Theo thực tế đạt được: Đạt yêu cầu.

d. Chất lượng thi công:

- Đối chiếu với thiết kế: Đạt yêu cầu

- Đối chiếu với các tiêu chuẩn xây dựng áp dụng, yêu cầu kỹ thuật công trình:
Phù hợp với các tiêu chuẩn xây dựng áp dụng và các yêu cầu của dự án.

e. Các ý kiến khác:

.....
.....
.....



5. Kết luận:

Đồng ý nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình: Thiết kế, thi công và lắp đặt hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn hàn đưa vào sử dụng.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



**TỔNG GIÁM ĐỐC
JUNG YONGHYUN**

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



**GIÁM ĐỐC
KIM BYUNGWOOK**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Dự án: Nhà máy Vina Dae - A

Hạng mục nghiệm thu: Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn cắt Laser

Địa điểm xây dựng: Lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Nội dung nghiệm thu như sau:

1. Thành phần tham gia nghiệm thu

Bên bàn giao (Đơn vị nhà thầu): **Công ty TNHH AHTAE**

Địa chỉ: Thôn Yên Lịch, xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Người đại diện: Ông KIM WOO WHAN Chức danh: Tổng Giám Đốc

Bên nhận bàn giao (Chủ đầu tư): **Công ty TNHH Vina Dae - A**

Địa chỉ: Lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện: Ông JUNG YONGHUYN Chức danh: Tổng Giám đốc

2. Thời gian nghiệm thu

Bắt đầu: ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm 2022

Kết thúc: ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm 2022.

Tại Công ty TNHH Vina Dae - A

3. Nội dung bàn giao

Đơn vị nhà thầu đã hoàn thiện việc xây dựng và lắp đặt hệ thống xử lý khí thải công đoạn cắt Laser với các hạng mục công trình như sau:

| STT | Tên máy móc, thiết bị | ĐVT | Số lượng | Thông số kỹ thuật |
|-----|------------------------------|-------|----------|--|
| 1 | Ống dẫn khí thải 300x300mm | m | 40,0 | Tấm thép mạ kẽm |
| 2 | Ống dẫn khí thải 500x500mm | m | 70,0 | Tấm thép mạ kẽm |
| 3 | Ống dẫn khí thải 700x700mm | m | 20,0 | Tấm thép mạ kẽm |
| 4 | Buồng hấp phụ than hoạt tính | Buồng | 01 | - Kích thước: BxLxH = 3.600 x 2.200 x 3.000mm - Vật liệu: Thép tấm; |

| STT | Tên máy móc, thiết bị | ĐVT | Số lượng | Thông số kỹ thuật |
|-----|-----------------------|-----|----------|---|
| 5 | Quạt hút ly tâm | Cái | 01 | - Công suất 50HP; Morto: 380V - 15 KW - Lưu lượng hút: 420 m ³ /h |
| 6 | Ống thoát khí thải | Ống | 01 | - Tiết diện: Ø500mm; - Chiều cao: 7,5m tính từ cos nền hiện trạng; - Vật liệu: Thép không gỉ. |

4. Đánh giá hạng mục công trình thực hiện

a. Tài liệu căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng kinh tế giữa hai bên.
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ dự án phê duyệt.
- Hồ sơ tài liệu hoàn thành các hạng mục công trình theo kết quả tại mục 3 của biên bản này.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng:

b. Đặc điểm biện pháp để bảo vệ an toàn lao động, an toàn phòng nổ, phòng cháy, chống ô nhiễm môi trường và an toàn sử dụng:

- Theo thiết kế: Đạt yêu cầu
- Theo thực tế đạt được: Đạt yêu cầu.

c. Khối lượng:

- Theo thiết kế: Đạt yêu cầu
- Theo thực tế đạt được: Đạt yêu cầu.

d. Chất lượng thi công:

- Đối chiếu với thiết kế: Đạt yêu cầu
- Đối chiếu với các tiêu chuẩn xây dựng áp dụng, yêu cầu kỹ thuật công trình: Phù hợp với các tiêu chuẩn xây dựng áp dụng và các yêu cầu của dự án.

e. Các ý kiến khác:

.....

.....

.....

3133
IG TY
NH
HTAE
HÀU - T. H

09130
CÔNG
TNH
VINAI
HÒA

5. Kết luận:

Đồng ý nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình: Thiết kế, thi công và lắp đặt hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn cắt Laser đưa vào sử dụng.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



TỔNG GIÁM ĐỐC
JUNG YONGHYUN

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



TỔNG GIÁM ĐỐC
KIM WOO WHAN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Dự án: Nhà máy Vina Dae - A
Hạng mục nghiệm thu: Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 20 m³/ngày đêm
Địa điểm xây dựng: Lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
Nội dung nghiệm thu như sau:

1. Thành phần tham gia nghiệm thu

Bên bàn giao (Đơn vị nhà thầu): **Công ty TNHH Hana E&C**
Địa chỉ: Tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Người đại diện: Ông *Thanh Chi* OK Chức danh: *Tổng giám đốc*
Bên nhận bàn giao (Chủ đầu tư): **Công ty TNHH Vina Dae - A**
Địa chỉ: Lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
Người đại diện: Ông JUNG YONGHYUN Chức danh: Tổng Giám đốc

2. Thời gian nghiệm thu

Bắt đầu: ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm 2022
Kết thúc: ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm 2022.
Tại Công ty TNHH Vina Dae - A

3. Nội dung bàn giao

a. Về phần trạm xử lý

Đơn vị nhà thầu đã hoàn thiện việc xây dựng và lắp đặt trạm xử lý nước thải tập trung công suất 20 m³/ngày đêm với các hạng mục công trình như sau:

| TT | Các hạng mục | Số lượng (bể) | Thể tích (m ³ /bể) | Kích thước (BxHxL) (m) |
|----|----------------------|------------------|----------------------------------|---------------------------|
| 1 | Bể thu gom nước thải | 01 | 4,6 | 2,1x0,8x2,75 |
| 2 | Bể điều hòa | 01 | 12,5 | 2,5x2,0x2,5 |
| 3 | Bể tách mỡ | 01 | 3,75 | 1,25x1,0x2,5 |
| 4 | Bể thiếu khí | 01 | 9,375 | 2,5x1,5x2,5 |

| TT | Các hạng mục | Số lượng (bể) | Thể tích (m ³ /bể) | Kích thước (BxHxL) (m) |
|----|---------------|---------------|-------------------------------|------------------------|
| 5 | Bể hiếu khí | 01 | 12,5 | 2,5x2,0x2,5 |
| 6 | Bể lọc màng | 01 | 6,25 | 2,5x1,0x2,5 |
| 7 | Bể trung gian | 01 | 3,125 | 1,25x1,0x2,5 |
| 8 | Bể khử trùng | 01 | 3,125 | 1,25x1,0x2,5 |
| 9 | Bể chứa bùn | 01 | 3,75 | 1,25x1,0x2,5 |

b. Về phần máy móc, thiết bị

Đơn vị nhà thầu đã hoàn thiện việc lắp đặt các máy móc, thiết bị đảm bảo cho việc vận hành trạm xử lý nước thải như sau:

| STT | Máy móc thiết bị | Đơn vị | Số lượng | Thông số kỹ thuật |
|-----|-----------------------------|--------|----------|--------------------------------------|
| 1 | Bơm chìm hồ gom | cái | 02 | Lưu lượng: 3 m ³ / phút |
| 2 | Bơm chìm bể điều hòa | cái | 02 | Lưu lượng: 3 m ³ / phút |
| 3 | Máy thổi khí | cái | 02 | Lưu lượng: 1,25 m ³ /phút |
| 4 | Motor khuấy | chiếc | 01 | Công suất: P = 0,2 kW |
| 5 | Bơm định lượng | chiếc | 02 | Lưu lượng: 10 lít/h |
| 6 | Bơm tuần hoàn bể trung gian | chiếc | 02 | Lưu lượng: 3 m ³ / phút |
| 7 | Bơm hút màng đặt cạn | chiếc | 01 | Lưu lượng: 3 m ³ / phút |
| 8 | Bơm hút màng đặt cạn | chiếc | 01 | Lưu lượng: 3 m ³ / phút |

4. Đánh giá hạng mục công trình thực hiện

a. Tài liệu căn cứ nghiệm thu:

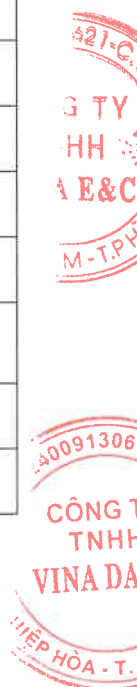
- Hợp đồng kinh tế giữa hai bên.
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ dự án phê duyệt.
- Hồ sơ tài liệu hoàn thành các hạng mục công trình theo kết quả tại mục 3 của biên bản này.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng:

b. Đặc điểm biện pháp để bảo vệ an toàn lao động, an toàn phòng nổ, phòng cháy, chống ô nhiễm môi trường và an toàn sử dụng:

- Theo thiết kế: Đạt yêu cầu
- Theo thực tế đạt được: Đạt yêu cầu.

c. Khối lượng:



- Theo thiết kế: Đạt yêu cầu
- Theo thực tế đạt được: Đạt yêu cầu.

d. Chất lượng thi công:

- Đối chiếu với thiết kế: Đạt yêu cầu
- Đối chiếu với các tiêu chuẩn xây dựng áp dụng, yêu cầu kỹ thuật công trình: Phù hợp với các tiêu chuẩn xây dựng áp dụng và các yêu cầu của dự án.

e. Các ý kiến khác:

.....

.....

.....

5. Kết luận:

Đồng ý nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình: Thiết kế, thi công và lắp đặt trạm xử lý nước thải tập trung công suất 20m³/ngày đem đưa vào sử dụng.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



**TỔNG GIÁM ĐỐC
JUNG YONGHYUN**



**TỔNG GIÁM ĐỐC
Han Chi Ok**



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Hôm nay, vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 19/4/2023, tại Nhà máy Vina Dae - A của Công ty TNHH Vina Dae - A, lô CN- 10, Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, chúng tôi gồm:

I. THÀNH PHẦN

1. Đoàn làm việc:

- Ông Ngô Quang Trường, Phó Chi cục trưởng, Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang;

- Ông Nguyễn Bá Trịnh, Chuyên viên Chi cục Bảo vệ môi trường Bắc Giang, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang;

2. Đại diện Công ty TNHH Vina Dae - A:

- Ông Kim Jong Yeol – Tổng giám đốc.

- Ông Hoàng Kim Hải – Phiên dịch kiêm phụ trách môi trường.

- Ông Giáp Hoàng Anh Vũ – Đơn vị tư vấn.

II. Nội dung làm việc:

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang tổ chức buổi làm việc xem xét thực tế các công trình xử lý chất thải theo Giấy phép môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh cấp (sau đây viết tắt là Công ty).

Qua nghe báo cáo của Công ty, xem xét thực tế và trao đổi thảo luận, các thành phần tham dự thống nhất nội dung sau:

1. Tình hình triển khai, hoạt động

Dự án “Nhà máy Vina Dae - A” do Công ty TNHH Vina Dae – A làm chủ dự án đã được phê duyệt Giấy phép môi trường số 1311/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh. Thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm và Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải dự án Nhà máy Vina Dae - A (01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung với công suất 20m³/ngày đêm; 04 hệ thống xử lý khí thải: từ quá trình hàn; phun sơn tĩnh điện sau sấy; cắt laser; làm sạch bề mặt) từ tháng 01/2023 đến tháng 03/2023. Theo kế hoạch vận hành thử nghiệm của công ty đối với công trình xử lý chất thải đúng theo Giấy phép môi trường số 1311/QĐ-UBND ngày 21/12/2022.

Các công trình xử lý chất thải đã đầu tư, vận hành gồm:

- **Công trình thu gom, xử lý nước thải:** Đã đầu tư, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 20m³/ngày đêm; với quy trình xử lý gồm các bước: Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất (sau xử lý sơ bộ) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể tách mỡ → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lọc màng → Bể

trung gian → Bể khử trùng → Hồ ga đầu nối với hệ thống thoát nước của KCN → Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Hòa Phú, hoàn thành hệ thống xử lý nước thải từ tháng 01/2022.

- Công trình thu gom, lưu chứa chất thải:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng chứa rác tại các khu vực sản xuất, văn phòng phát sinh được lưu chứa tạm thời trong kho chứa có diện tích khoảng 12m² và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

+ Chất thải thông thường: Công ty đã xây dựng kho chứa với diện tích khoảng 24m² và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

+ Chất thải nguy hại: Đã xây dựng kho chứa với diện tích khoảng 9,5m², kho chứa chất thải nguy hại được xây dựng có mái che nền bê tông, có cửa đi lại, bên ngoài gắn biển cảnh báo. Đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

2. Hệ thống, công trình, thiết bị thu gom, xử lý bụi, khí thải:

Khí thải phát sinh từ công đoạn cắt laser, công đoạn phun bi làm sạch bề mặt, công đoạn hàn, công đoạn phun sơn tĩnh điện, sấy sau sơn được thu gom qua các ống thu khí thải → đường ống dẫn khí → Tủ than hoạt tính → quạt hút → môi trường tiếp nhận, hoàn thành hệ thống xử lý nước thải từ tháng 01/2022. Hiện tại còn 01 hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn trộn, đổ bê tông chưa lắp đặt theo báo cáo của Công ty do chưa hoạt động sản xuất quy trình nêu trên.

III. Lấy mẫu môi trường:

- Theo Kết quả lấy mẫu 05 lần trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của Công ty cho thấy các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B.

- Theo Kết quả lấy mẫu 05 lần trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải của Công ty cho thấy các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 19:2009/BTNMT, cột B- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp và QCVN 20:2009/BTNMT, cột B- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

IV. Kết luận và kiến nghị:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường của dự án. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung, giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong Giấy phép môi trường số 1311/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh, đảm bảo xử lý chất thải đạt quy chuẩn môi trường theo quy định trước khi thải ra môi trường.

- Chính sửa, bổ sung báo cáo vận hành thử nghiệm các hạng mục công trình xử lý chất thải (thể hiện rõ các hạng mục công trình xử lý chất thải đã hoàn thiện, thể hiện rõ sơ đồ hoàn thành các hạng mục công trình kèm bản vẽ thiết kế hoàn thiện các hạng mục công trình xử lý chất thải); các hợp đồng thu gom, vận chuyển

xử lý chất thải kèm theo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 22/4/2023.

V. Ý kiến của chủ dự án/cơ sở:

.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản kết thúc vào hồi 09 giờ 15 phút cùng ngày, biên bản đọc lại cho các thành viên cùng nghe và nhất trí, ký tên.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



**TỔNG GIÁM ĐỐC
KIM JONG YEOL**

**ĐẠI DIỆN
CHI CỤC BVMT – SỞ TN&MT**

Ngô Quang Trường





CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01749/2023/PKQ/23.66

I. THÔNG TIN CHUNG

| | |
|--------------------|---|
| Tên khách hàng | Công ty TNHH Vina Dae – A |
| Địa chỉ | Một phần Lô CN -10, Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam |
| Địa điểm quan trắc | Dự án "Nhà máy Vina Dae - A" - Lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang |
| Loại mẫu | Khí thải |
| Vị trí quan trắc | KT.01: Tại vị trí ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn cắt Laser Toạ độ: X=21.239521, Y=105.960617 |
| Ngày quan trắc | 10/03/2023 |
| Ngày phân tích | 10/03/2023 đến 18/03/2023 |
| Ngày trả kết quả | 18/03/2023 |

II. KẾT QUẢ

| TT | Thông số | Đơn vị | Phương pháp phân tích | Kết quả | QCVN 19:2009/BTNMT Cột B |
|----|---|--------------------|-----------------------|---------|--------------------------|
| | | | | KT.01 | |
| 1 | Lưu Lượng | m ³ /h | US EPA Method 2 | 16.205 | - |
| 2 | Cacbon oxit, CO | mg/Nm ³ | SOP/HT/K.24 | 2,2 | 1.000 |
| 3 | NO _x (Tính theo NO ₂) | mg/Nm ³ | SOP/HT/K.24 | KPH | 850 |
| 4 | Bụi tổng | mg/Nm ³ | US EPA Method 5 | 19,3 | 200 |
| 5 | Benzen | mg/Nm ³ | PD CEN/TS 13649:2014 | <0,090 | 5 ^a |
| 6 | Toluen | mg/Nm ³ | PD CEN/TS 13649:2014 | 1,95 | 750 ^a |
| 7 | Xylen | mg/Nm ³ | PD CEN/TS 13649:2014 | 0,297 | 870 ^a |

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả đo thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp;
- (-): Không quy định; - “<” : Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

Bắc Giang, ngày 18 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;
BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Ké, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01750/2023/PKQ/23.66

I. THÔNG TIN CHUNG

| | |
|--------------------|---|
| Tên khách hàng | Công ty TNHH Vina Dae – A |
| Địa chỉ | Một phần Lô CN -10, Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam |
| Địa điểm quan trắc | Dự án "Nhà máy Vina Dae - A" - Lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang |
| Loại mẫu | Khí thải |
| Vị trí quan trắc | KT.02: Tại vị trí ống thoát khí thải sau công trình xử lý khí thải công đoạn phun bi làm sạch bề mặt. Tọa độ: X=21.239418, Y=105.960213 |
| Ngày quan trắc | 10/03/2023 |
| Ngày phân tích | 10/03/2023 đến 18/03/2023 |
| Ngày trả kết quả | 18/03/2023 |

II. KẾT QUẢ

| TT | Thông số | Đơn vị | Phương pháp phân tích | Kết quả | QCVN 19:2009/BTNMT Cột B |
|----|-----------|--------------------|-----------------------|---------|--------------------------------|
| | | | | KT.02 | |
| 1 | Lưu Lượng | m ³ /h | US EPA Method 2 | 4.870 | - |
| 2 | Bụi tổng | mg/Nm ³ | US EPA Method 5 | 120 | 200 |

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 18 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh





CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

SỐ: 01751/2023/PKQ/23.66

I. THÔNG TIN CHUNG

| | |
|--------------------|---|
| Tên khách hàng | Công ty TNHH Vina Dae – A |
| Địa chỉ | Một phần Lô CN -10, Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam |
| Địa điểm quan trắc | Dự án "Nhà máy Vina Dae - A" - Lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang |
| Loại mẫu | Khí thải |
| Vị trí quan trắc | KT.03: Tại vị trí ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn hàn Toạ độ: X=21.239689, Y=105.959854 |
| Ngày quan trắc | 10/03/2023 |
| Ngày phân tích | 10/03/2023 đến 18/03/2023 |
| Ngày trả kết quả | 18/03/2023 |

II. KẾT QUẢ

| TT | Thông số | Đơn vị | Phương pháp phân tích | Kết quả | QCVN 19:2009/BTNMT Cột B |
|----|---|--------------------|-----------------------|---------|-----------------------------|
| | | | | KT.03 | |
| 1 | Lưu Lượng | m ³ /h | US EPA Method 2 | 25.624 | - |
| 2 | Cacbon oxit, CO | mg/Nm ³ | SOP/HT/K.24 | 3,4 | 1.000 |
| 3 | NO _x (Tính theo NO ₂) | mg/Nm ³ | SOP/HT/K.24 | KPH | 850 |
| 4 | Bụi tổng | mg/Nm ³ | US EPA Method 5 | 142 | 200 |
| 5 | Benzen | mg/Nm ³ | PD CEN/TS 13649:2014 | <0,090 | 5 ^a |
| 6 | Toluen | mg/Nm ³ | PD CEN/TS 13649:2014 | 1,47 | 750 ^a |
| 7 | Xylen | mg/Nm ³ | PD CEN/TS 13649:2014 | 0,221 | 870 ^a |

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả đo thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp;
- (-): Không quy định; - “<” : Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

Bắc Giang, ngày 18 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh

Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
 2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
 3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;
- BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

SỐ: 01752/2023/PKQ/23.66

I. THÔNG TIN CHUNG

| | |
|--------------------|---|
| Tên khách hàng | Công ty TNHH Vina Dae – A |
| Địa chỉ | Một phần Lô CN -10, Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam |
| Địa điểm quan trắc | Dự án "Nhà máy Vina Dae - A" - Lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang |
| Loại mẫu | Khí thải |
| Vị trí quan trắc | KT.04: Tại vị trí ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn phun sơn tĩnh điện và sấy sau sơn. Tọa độ: X=21.239459, Y=105.960471 |
| Ngày quan trắc | 10/03/2023 |
| Ngày phân tích | 10/03/2023 đến 18/03/2023 |
| Ngày trả kết quả | 18/03/2023 |

II. KẾT QUẢ

| TT | Thông số | Đơn vị | Phương pháp phân tích | Kết quả | QCVN 19:2009/BTNMT Cột B |
|----|-----------|--------------------|-----------------------|---------|--------------------------|
| | | | | KT.04 | |
| 1 | Lưu Lượng | m ³ /h | US EPA Method 2 | 18.272 | - |
| 2 | Bụi tổng | mg/Nm ³ | US EPA Method 5 | 26,1 | 200 |
| 3 | Benzen | mg/Nm ³ | PD CEN/TS 13649:2014 | 1,56 | 5 ^a |
| 4 | Toluen | mg/Nm ³ | PD CEN/TS 13649:2014 | 15,0 | 750 ^a |
| 5 | Xylen | mg/Nm ³ | PD CEN/TS 13649:2014 | 7,29 | 870 ^a |

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 18 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



Phạm Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
 2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
 3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;
- BM03.QT/CL09 - LBH: 01



KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04389/2023/PKQ.23.1984

I. THÔNG TIN CHUNG

| | |
|--------------------|--|
| Tên khách hàng | Công ty TNHH Vina Dae – A |
| Địa chỉ | Một phần Lô CN -10, Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam |
| Địa điểm quan trắc | Dự án "Nhà máy Vina Dae - A" - Lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang |
| Loại mẫu | Khí thải |
| Vị trí quan trắc | KT.01: Tại vị trí ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn cắt Laser. Toạ độ: X=21.239521, Y=105.960617 KT.02: Tại vị trí ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn hàn. Toạ độ: X=21.239689, Y=105.959854 |
| Ngày quan trắc | 16/05/2023 |
| Ngày phân tích | 16/05/2023 đến 25/05/2023 |
| Ngày trả kết quả | 25/05/2023 |

II. KẾT QUẢ

| TT | Thông số | Đơn vị | Phương pháp phân tích | Kết quả | | QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B, Cmax ⁽¹⁾ |
|----|---|--------------------|-----------------------|---------|--------|--|
| | | | | KT.01 | KT.02 | |
| 1 | Lưu Lượng | m ³ /h | US EPA Method 2 | 15.134 | 26.633 | - |
| 2 | Cacbon oxit, CO | mg/Nm ³ | SOP/HT/K.24 | 1,6 | 2,7 | 900 |
| 3 | NO _x (Tính theo NO ₂) | mg/Nm ³ | SOP/HT/K.24 | KPH | KPH | 765 |
| 4 | Bụi tổng | mg/Nm ³ | US EPA Method 5 | <18,0 | <18,0 | 180 |

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Qua thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

Số: 04389/2023/PKQ.23.1984

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- + (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³);
C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với K_p = 0,9 - lưu lượng nguồn thải 20.000 < P ≤ 100.000 m³/h);
K_v là hệ số vùng, khu vực (với K_v = 1 - địa điểm quan trắc tại huyện Hiệp Hoà thuộc đô thị loại V);
- KPH: Không phát hiện. Kết quả thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 25 tháng 05 năm 2023

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Vinh



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07354/2023/PKQ/23.2943

I. THÔNG TIN CHUNG

| | |
|--------------------|---|
| Tên khách hàng | Công ty TNHH Vina Dae – A |
| Địa chỉ | Một phần Lô CN -10, Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam. |
| Địa điểm quan trắc | Dự án "Nhà máy Vina Dae - A" - Lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang |
| Loại mẫu | Khí thải |
| Vị trí quan trắc | KT.01: Tại vị trí ống thoát khí thải sau công trình xử lý khí thải công đoạn phun bi làm sạch bề mặt. Tọa độ: X=21.239418, Y=105.960213 |
| Ngày quan trắc | 05/07/2023 |
| Ngày phân tích | 05/07/2023 đến 19/07/2023 |
| Ngày trả kết quả | 19/07/2023 |

II. KẾT QUẢ

| TT | Thông số | Đơn vị | Phương pháp phân tích | Kết quả | QCVN 19:2009/BTNMT Cột B |
|----|-----------|--------------------|-----------------------|---------|--------------------------------|
| | | | | KT.01 | |
| 1 | Lưu Lượng | m ³ /h | US EPA Method 2 | 3.786 | - |
| 2 | Bụi tổng | mg/Nm ³ | US EPA Method 5 | <18,0 | 200 |

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (-): Không quy định; - "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

Bắc Giang, ngày 19 tháng 07 năm 2023

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thị Cảnh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

ĐM03.QT/CL02 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07355/2023/PKQ/23.2943

I. THÔNG TIN CHUNG

| | |
|--------------------|---|
| Tên khách hàng | Công ty TNHH Vina Dae – A |
| Địa chỉ | Một phần Lô CN -10, Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam. |
| Địa điểm quan trắc | Dự án "Nhà máy Vina Dae - A" - Lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang |
| Loại mẫu | Khí thải |
| Vị trí quan trắc | KT.02: Tại vị trí ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn phun sơn tĩnh điện và sấy sau sơn. Tọa độ: X=21.239459, Y=105.960471 |
| Ngày quan trắc | 05/07/2023 |
| Ngày phân tích | 05/07/2023 đến 19/07/2023 |
| Ngày trả kết quả | 19/07/2023 |

II. KẾT QUẢ

| TT | Thông số | Đơn vị | Phương pháp phân tích | Kết quả | QCVN 19:2009/BTNMT Cột B |
|----|-----------|--------------------|-----------------------|---------|--------------------------------|
| | | | | KT.02 | |
| 1 | Lưu Lượng | m ³ /h | US EPA Method 2 | 17.706 | - |
| 2 | Bụi tổng | mg/Nm ³ | US EPA Method 5 | <18,0 | 200 |
| 3 | Benzen | mg/Nm ³ | PD CEN/TS 13649:2014 | 0,799 | 5 ^a |
| 4 | Toluen | mg/Nm ³ | PD CEN/TS 13649:2014 | 50,5 | 750 ^a |
| 5 | Xylen | mg/Nm ³ | PD CEN/TS 13649:2014 | 5,79 | 870 ^a |

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- (-): Không quy định; - "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

Bắc Giang, ngày 19 tháng 07 năm 2023

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thị Cảnh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10544/2023/PKQ/23.4007

I. THÔNG TIN CHUNG

| | |
|--------------------|---|
| Tên khách hàng | Công ty TNHH Vina Dae – A |
| Địa chỉ | Một phần Lô CN -10, Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam |
| Địa điểm quan trắc | Dự án "Nhà máy Vina Dae - A" - Lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang |
| Loại mẫu | Khí thải |
| Vị trí quan trắc | KT.01: Tại vị trí ống thoát khí thải sau công trình xử lý khí thải công đoạn phun bi làm sạch bề mặt. Tọa độ: X=21.239418, Y=105.960213 |
| Ngày quan trắc | 30/09/2023 |
| Ngày phân tích | 30/09/2023 đến 11/10/2023 |
| Ngày trả kết quả | 11/10/2023 |

II. KẾT QUẢ

| TT | Thông số | Đơn vị | Phương pháp phân tích | Kết quả | QCVN 19:2009/BTNMT Cột B |
|----|-----------|--------------------|-----------------------|---------|--------------------------------|
| | | | | KT.01 | |
| 1 | Lưu Lượng | m ³ /h | US EPA Method 2 | 3.817 | - |
| 2 | Bụi tổng | mg/Nm ³ | US EPA Method 5 | <18 | 200 |

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 11 tháng 10 năm 2023

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thị Vinh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy.

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10545/2023/PKQ/23.4007

I. THÔNG TIN CHUNG

| | |
|--------------------|---|
| Tên khách hàng | Công ty TNHH Vina Dae – A |
| Địa chỉ | Một phần Lô CN -10, Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam |
| Địa điểm quan trắc | Dự án "Nhà máy Vina Dae - A" - Lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang |
| Loại mẫu | Khí thải |
| Vị trí quan trắc | KT.02: Tại vị trí ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn phun sơn tĩnh điện và sấy sau sơn. Tọa độ: X=21.239459, Y=105.960471 |
| Ngày quan trắc | 30/09/2023 |
| Ngày phân tích | 30/09/2023 đến 11/10/2023 |
| Ngày trả kết quả | 11/10/2023 |

II. KẾT QUẢ

| TT | Thông số | Đơn vị | Phương pháp phân tích | Kết quả | QCVN 19:2009/BTNMT Cột B |
|----|-----------|--------------------|-----------------------|---------|--------------------------|
| | | | | KT.02 | |
| 1 | Lưu Lượng | m ³ /h | US EPA Method 2 | 15.019 | - |
| 2 | Bụi tổng | mg/Nm ³ | US EPA Method 5 | <18 | 200 |
| 3 | Benzen | mg/Nm ³ | PD CEN/TS 13649:2014 | 0,48 | 5 ^a |
| 4 | Toluen | mg/Nm ³ | PD CEN/TS 13649:2014 | 34 | 750 ^a |
| 5 | Xylen | mg/Nm ³ | PD CEN/TS 13649:2014 | 1,1 | 870 ^a |

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- (-): Không quy định; - "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

Bắc Giang, ngày 11 tháng 10 năm 2023

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Cảnh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy.

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10546/2023/PKQ/23.4007

I. THÔNG TIN CHUNG

| | |
|--------------------|---|
| Tên khách hàng | Công ty TNHH Vina Dae – A |
| Địa chỉ | Một phần Lô CN -10, Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam |
| Địa điểm quan trắc | Dự án "Nhà máy Vina Dae - A" - Lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang |
| Loại mẫu | Khí thải |
| Vị trí quan trắc | KT.03: Tại vị trí ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn cắt Laser. Toạ độ: X=21.239260, Y=105.960517 |
| Ngày quan trắc | 30/09/2023 |
| Ngày phân tích | 30/09/2023 đến 11/10/2023 |
| Ngày trả kết quả | 11/10/2023 |

II. KẾT QUẢ

| TT | Thông số | Đơn vị | Phương pháp phân tích | Kết quả | QCVN 19:2009/BTNMT Cột B |
|----|--|--------------------|-----------------------|---------|--------------------------|
| | | | | KT.03 | |
| 1 | Lưu Lượng | m ³ /h | US EPA Method 2 | 14.371 | - |
| 2 | Cacbon oxit, CO | mg/Nm ³ | SOP/HT/K.24 | KPH | 1.000 |
| 3 | NO _x (Tính theo NO ₂) | mg/Nm ³ | SOP/HT/K.24 | KPH | 850 |
| 4 | Bụi tổng | mg/Nm ³ | US EPA Method 5 | <18 | 200 |
| 5 | Benzen | mg/Nm ³ | PD CEN/TS 13649:2014 | 0,35 | 5 ^a |
| 6 | Toluen | mg/Nm ³ | PD CEN/TS 13649:2014 | 20 | 750 ^a |
| 7 | Xylen | mg/Nm ³ | PD CEN/TS 13649:2014 | 1,6 | 870 ^a |

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả đo thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp;
- (-): Không quy định; - " < ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

Bắc Giang, ngày 11 tháng 10 năm 2023

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thị Cảnh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

SỐ: 10547/2023/PKQ/23.4007

I. THÔNG TIN CHUNG

| | |
|--------------------|---|
| Tên khách hàng | Công ty TNHH Vina Dae – A |
| Địa chỉ | Một phần Lô CN -10, Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam. |
| Địa điểm quan trắc | Dự án "Nhà máy Vina Dae - A" - Lô CN-10, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang |
| Loại mẫu | Khí thải |
| Vị trí quan trắc | KT.04: Tại vị trí ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn hàn Toạ độ: X=21.239549, Y=105.960594 |
| Ngày quan trắc | 30/09/2023 |
| Ngày phân tích | 30/09/2023 đến 11/10/2023 |
| Ngày trả kết quả | 11/10/2023 |

II. KẾT QUẢ

| TT | Thông số | Đơn vị | Phương pháp phân tích | Kết quả | QCVN 19:2009/BTNMT Cột B |
|----|---|--------------------|-----------------------|---------|--------------------------------|
| | | | | KT.04 | |
| 1 | Lưu Lượng | m ³ /h | US EPA Method 2 | 26.147 | - |
| 2 | Cacbon oxit, CO | mg/Nm ³ | SOP/HT/K.24 | KPH | 1.000 |
| 3 | NO _x (Tính theo NO ₂) | mg/Nm ³ | SOP/HT/K.24 | KPH | 850 |
| 4 | Bụi tổng | mg/Nm ³ | US EPA Method 5 | <18 | 200 |
| 5 | Benzen | mg/Nm ³ | PD CEN/TS 13649:2014 | 0,31 | 5 ^a |
| 6 | Toluen | mg/Nm ³ | PD CEN/TS 13649:2014 | 22 | 750 ^a |
| 7 | Xylen | mg/Nm ³ | PD CEN/TS 13649:2014 | 1,1 | 870 ^a |

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả đo thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp;
- (-): Không quy định; - " < ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

Bắc Giang, ngày 11 tháng 10 năm 2023

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thị Cảnh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty có phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy.

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11621/2023/PKQ.23.5112

I. THÔNG TIN CHUNG

| | |
|------------------|--|
| Tên khách hàng | Công ty TNHH Vina Dae – A |
| Địa chỉ | Một phần Lô CN -10, Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam |
| Loại mẫu | Khí thải |
| Vị trí quan trắc | KT.01: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn cắt Laser. Toạ độ: X=21.239260, Y=105.960517 KT.02: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn hàn. Toạ độ: X=21.239549, Y=105.960594 |
| Ngày quan trắc | 01/11/2023 |
| Ngày phân tích | 01/11/2023 đến 06/11/2023 |
| Ngày trả kết quả | 06/11/2023 |

II. KẾT QUẢ

| TT | Thông số | Đơn vị | Phương pháp phân tích | Kết quả | | QCVN 19:2009/BTNMT Cột B |
|----|---|--------------------|-----------------------|---------|-------|--------------------------|
| | | | | KT.01 | KT.02 | |
| 1 | Cacbon oxit, CO | mg/Nm ³ | SOP/HT/K.24 | 2,2 | 0,4 | 1.000 |
| 2 | NO _x (Tính theo NO ₂) | mg/Nm ³ | SOP/HT/K.24 | KPH | KPH | 850 |
| 3 | Bụi tổng | mg/Nm ³ | US EPA Method 5 | <18 | <18 | 200 |

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả đo thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

Bắc Giang, ngày 06 tháng 11 năm 2023

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thị Anh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy.
 2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
 3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;
- BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11622/2023/PKQ.23.5112

I. THÔNG TIN CHUNG

| | |
|------------------|--|
| Tên khách hàng | Công ty TNHH Vina Dae – A |
| Địa chỉ | Một phần Lô CN -10, Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam |
| Loại mẫu | Khí thải |
| Vị trí quan trắc | KT.03: Tại vị trí ống thoát khí thải sau công trình xử lý khí thải công đoạn phun bi làm sạch bề mặt. Toạ độ: X=21.239418, Y=105.960213 KT.04: Tại vị trí ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn phun sơn tĩnh điện và sấy sau sơn. Toạ độ: X=21.239459, Y=105.960471 |
| Ngày quan trắc | 01/11/2023 |
| Ngày phân tích | 01/11/2023 đến 06/11/2023 |
| Ngày trả kết quả | 06/11/2023 |

II. KẾT QUẢ

| TT | Thông số | Đơn vị | Phương pháp phân tích | Kết quả | | QCVN 19:2009/BTNMT Cột B |
|----|----------|--------------------|-----------------------|---------|-------|--------------------------------|
| | | | | KT.03 | KT.04 | |
| 1 | Bụi tổng | mg/Nm ³ | US EPA Method 5 | <18 | <18 | 200 |

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- " < ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

Bắc Giang, ngày 06 tháng 11 năm 2023

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Thanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
 2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi;
 3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;
- BM03.QT/CL09 - LBH: 01

TỈNH/THÀNH PHỐ
Bắc Giang

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 44...../2023/431/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc
Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 431/GPMT-BTNMT
ĐT: 02203.773.669
ĐT: 02203.773.669

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Vina Dae-A Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

| Số TT | Tên CTNH | Trạng thái tồn tại | | | Mã CTNH | Số lượng (kg) | Phương pháp xử lý # |
|-------|------------------|--------------------|------|-----|----------|---------------|---------------------|
| | | Rắn | Lỏng | Bùn | | | |
| 1 | Giẻ lau dính dầu | x | | | 18 02 01 | 1,050.0 | TĐ, HR |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | 1,050.0 | |

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C - 22508

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Vic Công An Ký: AN Ngày: 18/01/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 : Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bắc Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2023

Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
JUNG YONGHYUN

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày 25 tháng 01 năm 2023

Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
LƯU QUANG VŨ

@Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒

Ghi chú:

TỈNH/THÀNH PHỐ
Bắc Giang

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 102.../2023/431/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc
Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kè Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu 1, thị trấn Kè Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 431/GPMT-BTNMT
ĐT: 02203.773.669
ĐT: 02203.773.669

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Vina Dae-A Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

| Số TT | Tên CTNH | Trạng thái tồn tại | | | Mã CTNH | Số lượng (kg) | Phương pháp xử lý # |
|-------|-------------------|--------------------|------|-----|----------|---------------|---------------------|
| | | Rắn | Lỏng | Bùn | | | |
| 1 | Giẻ lau dính dầu | x | | | 18 02 01 | 2,180.0 | TĐ, HR |
| 2 | Phoi sắt dính dầu | x | | | 07 03 11 | 580.0 | Tẩy rửa, TC |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | 2,760.0 | |

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C - 22508

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Phạm Văn Học Ký: Ngày: 21/02/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 : Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bắc Giang, ngày 21 tháng 02 năm 2023

Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)

CÔNG TY
TNHH
VINA DAE-A
H. HIỆP HÒA - T. BẮC GIANG
TỔNG GIÁM ĐỐC
KIM JONG YEOL

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày 10 tháng 03 năm 2023

Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)

CÔNG TY
CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG XANH
MINH PHÚC
H. BÌNH GIANG - T. HẢI DƯƠNG
TỔNG GIÁM ĐỐC
LƯU QUANG VŨ

@Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒

Ghi chú:

TỈNH/THÀNH PHỐ
Bắc Giang

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 164/2023/431/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc
Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kè Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu 1, thị trấn Kè Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 431/GPMT-BTNMT
ĐT: 02203.773.669
ĐT: 02203.773.669

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Vina Dae-A Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

| Số TT | Tên CTNH | Trạng thái tồn tại | | | Mã CTNH | Số lượng (kg) | Phương pháp xử lý # |
|-------|------------------|--------------------|------|-----|----------|---------------|---------------------|
| | | Rắn | Lỏng | Bùn | | | |
| 1 | Giẻ lau dính dầu | x | | | 18 02 01 | 620.0 | TĐ, HR |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | 620.0 | |

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C - 22492

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Vũ Hồng Hải Ký: Ngày: 18/03/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 : Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bắc Giang, ngày 18 tháng 03 năm 2023



TỔNG GIÁM ĐỐC
KIM JONG YEOL

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày 28 tháng 03 năm 2023



TỔNG GIÁM ĐỐC
LƯU QUANG VŨ

@Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒

Ghi chú:

TỈNH/THÀNH PHỐ
Bắc Giang

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 224.../2023/431/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc
Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 431/GPMT-BTNMT
Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kè Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải DươngĐT: 02203.773.669
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu 1, thị trấn Kè Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải DươngĐT: 02203.773.669

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:ĐT:
Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Vina Dae-A
Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc GiangĐT:
Địa chỉ cơ sở: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc GiangĐT:

4. Khai khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

| Số TT | Tên CTNH | Trạng thái tồn tại | | | Mã CTNH | Số lượng (kg) | Phương pháp xử lý # |
|-------|------------------|--------------------|------|-----|----------|---------------|---------------------|
| | | Rắn | Lỏng | Bùn | | | |
| 1 | Giẻ lau dính dầu | x | | | 18 02 01 | 490.0 | TĐ, HR |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | 490.0 | |

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4
Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C - 22508

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Đức Anh Ký: Ngày: 14/04/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 : Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bắc Giang, ngày 14 tháng 04 năm 2023

Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)



8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày 21 tháng 04 năm 2023

Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)



@Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒

Ghi chú:

TỈNH/THÀNH PHỐ
Hải Dương

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 318.../2023/431/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc
Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 431/GPMT-BTNMT
ĐT: 02203.773.669
ĐT: 02203.773.669

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Vina Dae-A

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang

ĐT:

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

| Số TT | Tên CTNH | Trạng thái tồn tại | | | Mã CTNH | Số lượng (kg) | Phương pháp xử lý # |
|-------|------------------|--------------------|------|-----|----------|---------------|---------------------|
| | | Rắn | Lỏng | Bùn | | | |
| 1 | Giẻ lau dính dầu | x | | | 18 02 01 | 480.0 | TĐ, HR |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | 480.0 | |

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C - 22492

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Vũ Hồng Hải

Ký: Ngày: 16/05/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 :

Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bắc Giang, ngày 16 tháng 05 năm 2023

Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
KIM JONG YEOL

Hải Dương, ngày 24 tháng 05 năm 2023

Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
LƯU QUANG VŨ

@Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒

Ghi chú:

TỈNH/THÀNH PHỐ
Hải Dương

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 390.../2023/431/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc
Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 431/GPMT-BTNMT
ĐT: 02203.773.669
ĐT: 02203.773.669

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Vina Dae-A Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang ĐT:

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

| Số TT | Tên CTNH | Trạng thái tồn tại | | | Mã CTNH | Số lượng (kg) | Phương pháp xử lý # |
|-------|------------------|--------------------|------|-----|----------|---------------|---------------------|
| | | Rắn | Lỏng | Bùn | | | |
| 1 | Giẻ lau dính dầu | x | | | 18 02 01 | 710.0 | TĐ, HR |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | 710.0 | |

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C - 22508

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Đức Linh

Ký: Ngày: 14/06/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 :

Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bắc Giang, ngày 14 tháng 06 năm 2023

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
KIM JONG YEOI

Hải Dương, ngày 21 tháng 06 năm 2023

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
LƯU QUANG VŨ

@Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒

Ghi chú:

TỈNH/THÀNH PHỐ
Hải Dương

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 503/2023/431/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc
Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 431/GPMT-BTNMT
ĐT: 02203.773.669
ĐT: 02203.773.669

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Vina Dae-A Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

| Số TT | Tên CTNH | Trạng thái tồn tại | | | Mã CTNH | Số lượng (kg) | Phương pháp xử lý # |
|-------|------------------|--------------------|------|-----|----------|---------------|---------------------|
| | | Rắn | Lỏng | Bùn | | | |
| 1 | Giẻ lau dính dầu | x | | | 18 02 01 | 150.0 | TĐ, HR |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | 150.0 | |

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C - 22508

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Đức Lĩnh

Ký: Ngày: 08/07/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 :

Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bắc Giang, ngày 08 tháng 07 năm 2023

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

KIM JONG YEOL

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày 18 tháng 07 năm 2023

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

LƯU QUANG VŨ

@Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒

Ghi chú:

TỈNH/THÀNH PHỐ
Hải Dương

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 632...../2023/431/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc
Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 431/GPMT-BTNMT
ĐT: 02203.773.669
ĐT: 02203.773.669

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Vina Dae-A Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

| Số TT | Tên CTNH | Trạng thái tồn tại | | | Mã CTNH | Số lượng (kg) | Phương pháp xử lý # |
|-------|-------------------|--------------------|------|-----|----------|---------------|---------------------|
| | | Rắn | Lỏng | Bùn | | | |
| 1 | Phoi sắt dính dầu | x | | | 07 03 11 | 1,029.0 | Tẩy rửa, TC |
| 2 | Giẻ lau dính dầu | x | | | 18 02 01 | 460.0 | TĐ, HR |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | 1,489.0 | |

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kín); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C - 22508

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Đức Linh

Ký: Ngày: 07/08/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 : Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bắc Giang, ngày 07 tháng 08 năm 2023

Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH VINA DAE-A
H. HIỆP HÒA T. BẮC GIANG
TỔNG GIÁM ĐỐC
KIM JONG YEOL

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày 15 tháng 08 năm 2023

Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH MINH PHÚC
H. BÌNH GIANG T. HẢI DƯƠNG
TỔNG GIÁM ĐỐC
LƯU QUANG VŨ

@Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒

Ghi chú:

TỈNH/THÀNH PHỐ
Hải Dương

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 702.../2023/431/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc
Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 431/GPMT-BTNMT
ĐT: 02203.773.669
ĐT: 02203.773.669

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Vina Dae-A Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

| Số TT | Tên CTNH | Trạng thái tồn tại | | | Mã CTNH | Số lượng (kg) | Phương pháp xử lý # |
|-------|------------------|--------------------|------|-----|----------|---------------|---------------------|
| | | Rắn | Lỏng | Bùn | | | |
| 1 | Giẻ lau dính dầu | x | | | 18 02 01 | 380.0 | TĐ, HR |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | 380.0 | |

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C - 22492

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Vũ Hồng Hải

Ký: Ngày: 29/08/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 :

Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bắc Giang, ngày 29 tháng 08 năm 2023

Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
KIM JONG YEOL

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày 06 tháng 09 năm 2023

Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
LƯU QUANG VŨ

@Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒

Ghi chú:

TỈNH/THÀNH PHỐ
Hải Dương

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 796...../2023/431/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc
Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sắt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu 1, thị trấn Kê Sắt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 431/GPMT-BTNMT
ĐT: 02206.281.919
ĐT: 02206.281.919

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Vina Dae-A Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

| Số TT | Tên CTNH | Trạng thái tồn tại | | | Mã CTNH | Số lượng (kg) | Phương pháp xử lý # |
|-------|------------------|--------------------|------|-----|----------|---------------|---------------------|
| | | Rắn | Lỏng | Bùn | | | |
| 1 | Giẻ lau dính dầu | x | | | 18 02 01 | 670.0 | TĐ, HR |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | 670.0 | |

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C - 22508

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Đức Linh Ký: Ngày: 27/09/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 : Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bắc Giang, ngày 27 tháng 09 năm 2023

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)



Hải Dương, ngày 05 tháng 10 năm 2023

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
LƯU QUANG VŨ

@Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒

Ghi chú:

TỈNH/THÀNH PHỐ
Bắc Giang

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 907...../2023/431/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc
Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 431/GPMT-BTNMT
ĐT: 02206.281.919
ĐT: 02206.281.919

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Vina Dae-A Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang ĐT:

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

| Số TT | Tên CTNH | Trạng thái tồn tại | | | Mã CTNH | Số lượng (kg) | Phương pháp xử lý # |
|-------|------------------|--------------------|------|-----|----------|---------------|---------------------|
| | | Rắn | Lỏng | Bùn | | | |
| 1 | Giẻ lau dính dầu | x | | | 18 02 01 | 630.0 | TĐ, HR |
| 2 | Bột sắt dính dầu | x | | | 07 03 11 | 2,870.0 | Tẩy rửa, TC |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | 3,500.0 | |

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C - 22508

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Đức Lĩnh

Ký: Ngày: 28/10/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 :

Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bắc Giang, ngày 28 tháng 10 năm 2023

Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
KIM JONG YEOL

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày 06 tháng 11 năm 2023

Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
LƯU QUANG VŨ

@Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒

Ghi chú:

TỈNH/THÀNH PHỐ
Bắc Giang

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI

Số :

1. Bên giao (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty TNHH Vina Dae-A

Địa chỉ văn phòng: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang

ĐT:

2. Bên nhận (Chủ thu gom, vận chuyển hoặc xử lý): Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc

Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sắt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

ĐT: 02203.773.669

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu 1, thị trấn Kê Sắt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

ĐT: 02203.773.669

3. Khối lượng chất thải chuyển giao

| TT | Tên chất thải | Trạng thái tồn tại | | | Mã CTNH | Số lượng (kg) | Biển số xe |
|----|--------------------------------|--------------------|------|-----|----------|---------------|-------------|
| | | Rắn | Lỏng | Bùn | | | |
| 1 | Rác thải sinh hoạt | x | | | | 1,220.0 | 34C - 22508 |
| 2 | Rác công nghiệp không nguy hại | x | | | | 290.0 | 34C - 22508 |
| 3 | Giẻ lau dính dầu | x | | | 18 02 01 | 1,050.0 | 34C - 22508 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Tổng khối lượng | | | | | 2,560.0 | |

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bắc Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2023

Đại diện bên giao

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

TRƯỞNG PHÒNG HCNS
Hoàng Kim Hải

Hải Dương, ngày 18 tháng 01 năm 2023

Đại diện bên nhận

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Vũ Quý An

TỈNH/THÀNH PHỐ
Bắc Giang

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI

Số :

1. Bên giao (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty TNHH Vina Dae-A

Địa chỉ văn phòng: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang

ĐT:

2. Bên nhận (Chủ thu gom, vận chuyển hoặc xử lý): Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc

Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

ĐT: 02203.773.669

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

ĐT: 02203.773.669

3. Khối lượng chất thải chuyển giao

| TT | Tên chất thải | Trạng thái tồn tại | | | Mã CTNH | Số lượng (kg) | Biển số xe |
|----|--------------------------------|--------------------|------|-----|----------|----------------|-------------|
| | | Rắn | Lỏng | Bùn | | | |
| 1 | Rác thải sinh hoạt | x | | | | 400.0 | 34C - 22508 |
| 2 | Rác công nghiệp không nguy hại | x | | | | 2,500.0 | 34C - 22508 |
| 3 | Giẻ lau dính dầu | x | | | 18 02 01 | 2,180.0 | 34C - 22508 |
| 4 | Phoi sắt dính dầu | x | | | 07 03 11 | 580.0 | 34C - 22508 |
| | | | | | | | |
| | Tổng khối lượng | | | | | 5,660.0 | |

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bắc Giang, ngày 21 tháng 02 năm 2023

Đại diện bên giao

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

TRƯỞNG PHÒNG HCNS

Hoàng Kim Hải

Hải Dương, ngày 21 tháng 02 năm 2023

Đại diện bên nhận

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Phạm Văn Học

| TỈNH/THÀNH PHỐ Bắc Giang | | BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI Số : | | | | | |
|---|--------------------------------|---|------|-----|--|-------------------|-------------|
| 1. Bên giao (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty TNHH Vina Dae-A | | | | | | | |
| Địa chỉ văn phòng: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang | | | | | | ĐT: | |
| Địa chỉ cơ sở: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang | | | | | | ĐT: | |
| 2. Bên nhận (Chủ thu gom, vận chuyển hoặc xử lý): Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc | | | | | | | |
| Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương | | | | | | ĐT: 02203.773.669 | |
| Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương | | | | | | ĐT: 02203.773.669 | |
| 3. Khối lượng chất thải chuyển giao | | | | | | | |
| TT | Tên chất thải | Trạng thái tồn tại | | | Mã CTNH | Số lượng (kg) | Biển số xe |
| | | Rắn | Lỏng | Bùn | | | |
| 1 | Rác thải sinh hoạt | x | | | | 210.0 | 34C - 22492 |
| 2 | Rác công nghiệp không nguy hại | x | | | | 370.0 | 34C - 22492 |
| 3 | Giẻ lau dính dầu | x | | | 18 02 01 | 620.0 | 34C - 22492 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Tổng khối lượng | | | | | 1,200.0 | |
| 4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3 | | | | | | | |
| Bắc Giang, ngày 18 tháng 03 năm 2023 Đại diện bên giao (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có) TRƯỞNG PHÒNG HCNS Hoàng Kim Hải | | | | | Hải Dương, ngày 18 tháng 03 năm 2023 Đại diện bên nhận (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có) Hải Vũ Hải Hải | | |

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty TNHH Vina Dae-A

Địa chỉ văn phòng: Lô CN10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang

DT:

Địa chỉ cơ sở xử lý: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang

DT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển, xử lý): Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc

Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kẽ Sắt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

DT: 02206 28 19 19

Địa chỉ cơ sở xử lý: Khu 1, thị trấn Kẽ Sắt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

DT: 02206 28 19 19

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

| TT | Các loại chất thải | CTRCNTT chuyển giao (kg) | Ghi chú |
|----|---|--------------------------|-------------|
| 1 | Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, các nhân tiếp nhận CTRCNTT) | | |
| | | | |
| | | | |
| 2 | Chất thải phải xử lý: | | |
| | Rác công nghiệp | 410 | 34C - 22508 |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | Tổng khối lượng | 410 | |

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bắc Giang, ngày 14 tháng 04 năm 2023

Hải Dương, ngày 14 tháng 04 năm 2023



Bên giao
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Bên nhận
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



...TỔNG GIÁM ĐỐC
KIM JONG YEOL

2
Ngày 16/11/2018

| | | | | | | | |
|---|--------------------|--------------------------------------|------|---|---------|---------------|-------------|
| TỈNH/THÀNH PHỐ Hải Dương | | BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI Số :..... | | | | | |
| 1. Bên giao (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty TNHH Vina Dae-A | | | | | | | |
| Địa chỉ văn phòng: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc GiangĐT: | | | | | | | |
| Địa chỉ cơ sở: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc GiangĐT: | | | | | | | |
| 2. Bên nhận (Chủ thu gom, vận chuyển hoặc xử lý): Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc | | | | | | | |
| Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải DươngĐT: 02203.773.669 | | | | | | | |
| Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải DươngĐT: 02203.773.669 | | | | | | | |
| 3. Khối lượng chất thải chuyển giao | | | | | | | |
| TT | Tên chất thải | Trạng thái tồn tại | | | Mã CTNH | Số lượng (kg) | Biển số xe |
| | | Rắn | Lỏng | Bùn | | | |
| 1 | Rác thải sinh hoạt | x | | | | 220.0 | 34C - 22492 |
| 2 | Giẻ lau dính dầu | x | | | | 480.0 | 34C - 22492 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Tổng khối lượng | | | | | 700.0 | |
| 4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3 | | | | | | | |
| Bắc Giang, ngày 16 tháng 05 năm 2023 Đại diện bên giao (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)  Hoàng Kim Hải | | | | Hải Dương, ngày 16 tháng 05 năm 2023 Đại diện bên nhận (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)  Vũ Hồng Hải | | | |

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty TNHH Vina Dae-A

Địa chỉ văn phòng: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang

ĐT:

Địa chỉ cơ sở xử lý: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển, xử lý): Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc

Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sắt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

ĐT: 02206 28 19 19

Địa chỉ cơ sở xử lý: Khu 1, thị trấn Kê Sắt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

ĐT: 02206 28 19 19

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

| TT | Các loại chất thải | CTRCNTT chuyển giao (kg) | Ghi chú |
|----|---|-----------------------------|-------------|
| 1 | Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, các nhân tiếp nhận CTRCNTT) | | |
| | | | |
| | | | |
| 2 | Chất thải phải xử lý: | | |
| | Rác công nghiệp | 410.0 | 34C - 22492 |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | Tổng khối lượng | 410.0 | |

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bắc Giang, ngày 16 tháng 05 năm 2023

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Hoàng Kim Hải

Hải Dương, ngày 16 tháng 05 năm 2023

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Trần Thị Hoa

| | | | | | | | |
|--|--------------------|---|------|-----|--|---------------|-------------|
| TỈNH/THÀNH PHỐ Hải Dương | | BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI Số : | | | | | |
| 1. Bên giao (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty TNHH Vina Dae-A Địa chỉ văn phòng: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc GiangĐT: Địa chỉ cơ sở: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc GiangĐT: | | | | | | | |
| 2. Bên nhận (Chủ thu gom, vận chuyển hoặc xử lý): Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải DươngĐT: 02203.773.669 Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải DươngĐT: 02203.773.669 | | | | | | | |
| 3. Khối lượng chất thải chuyển giao | | | | | | | |
| TT | Tên chất thải | Trạng thái tồn tại | | | Mã CTNH | Số lượng (kg) | Biển số xe |
| | | Rắn | Lỏng | Bùn | | | |
| 1 | Rác thải sinh hoạt | x | | | | 360.0 | 34C - 22508 |
| 2 | Giẻ lau dính dầu | x | | | | 710.0 | 34C - 22508 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Tổng khối lượng | | | | | 1,070.0 | |
| 4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3 | | | | | | | |
| Bắc Giang, ngày 14 tháng 06 năm 2023 Đại diện bên giao (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có) TRƯỞNG PHÒNG HCNS Hoàng Kim Hải | | | | | Hải Dương, ngày 14 tháng 06 năm 2023 Đại diện bên nhận (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có) Phó | | |

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG

**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG
NGHIỆP THÔNG THƯỜNG**

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty TNHH Vina Dae-A

Địa chỉ văn phòng: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển, xử lý): Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc

Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

ĐT: 02206 28 19 19

Địa chỉ cơ sở xử lý: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

ĐT: 02206 28 19 19

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

| TT | Các loại chất thải | CTRCNTT chuyển giao (kg) | Ghi chú |
|----|---|-----------------------------|-------------|
| 1 | Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, các nhân tiếp nhận CTRCNTT) | | |
| | | | |
| | | | |
| 2 | Chất thải phải xử lý: | | |
| | Rác công nghiệp | 450.0 | 34C - 22508 |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | Tổng khối lượng | 450.0 | |

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bắc Giang, ngày 14 tháng 06 năm 2023

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)


TRƯỞNG PHÒNG HCNS
Hoàng Kim Hải

Hải Dương, ngày 14 tháng 06 năm 2023

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)


Nguyễn Văn Tuấn

| TỈNH/THÀNH PHỐ Hải Dương | | BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI Số :..... | | | | | |
|---|--------------------|--|------|--|---------|-------------------|-------------|
| 1. Bên giao (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty TNHH Vina Dae-A | | | | | | | |
| Địa chỉ văn phòng: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang | | | | | | ĐT: | |
| Địa chỉ cơ sở: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang | | | | | | ĐT: | |
| 2. Bên nhận (Chủ thu gom, vận chuyển hoặc xử lý): Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc | | | | | | | |
| Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương | | | | | | ĐT: 02203.773.669 | |
| Địa chỉ cơ sở đại lý: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương | | | | | | ĐT: 02203.773.669 | |
| 3. Khối lượng chất thải chuyển giao | | | | | | | |
| TT | Tên chất thải | Trạng thái tồn tại | | | Mã CTNH | Số lượng (kg) | Biển số xe |
| | | Rắn | Lỏng | Bùn | | | |
| 1 | Rác thải sinh hoạt | x | | | | 110.0 | 34C - 22508 |
| 2 | Giẻ lau dính dầu | x | | | | 150.0 | 34C - 22508 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Tổng khối lượng | | | | | 260.0 | |
| 4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3 | | | | | | | |
| Bắc Giang, ngày 08 tháng 07 năm 2023 Đại diện bên giao (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có) TRƯỜNG PHÒNG HCNS Hoàng Kim Hải | | | | Hải Dương, ngày 08 tháng 07 năm 2023 Đại diện bên nhận (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có) Nguyễn Đức Tiến | | | |

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG
NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty TNHH Vina Dae-A

Địa chỉ văn phòng: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển, xử lý): Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc

Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

ĐT: 02206 28 19 19

Địa chỉ cơ sở xử lý: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

ĐT: 02206 28 19 19

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

| TT | Các loại chất thải | CTRCNTT chuyển giao (kg) | Ghi chú |
|----|---|-----------------------------|-------------|
| 1 | Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, các nhân tiếp nhận CTRCNTT) | | |
| | | | |
| | | | |
| 2 | Chất thải phải xử lý: | | |
| | Rác công nghiệp | 210.0 | 34C - 22508 |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | Tổng khối lượng | 210.0 | |

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận: đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bắc Giang, ngày 08 tháng 07 năm 2023

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

TRƯỞNG PHÒNG HCNS
Hoàng Kim Hải

Hải Dương, ngày 08 tháng 07 năm 2023

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Nguyễn Bá Lợi

| | | | | | | | |
|--|-------------------|--|------|--|----------|---------------|-------------|
| TỈNH/THÀNH PHỐ Hải Dương | | BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI Số :..... | | | | | |
| 1. Bên giao (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty TNHH Vina Dae-A Địa chỉ văn phòng: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc GiangĐT: Địa chỉ cơ sở: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc GiangĐT: | | | | | | | |
| 2. Bên nhận (Chủ thu gom, vận chuyển hoặc xử lý): Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sắt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải DươngĐT: 02203.773.669 Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu 1, thị trấn Kê Sắt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải DươngĐT: 02203.773.669 | | | | | | | |
| 3. Khối lượng chất thải chuyển giao | | | | | | | |
| TT | Tên chất thải | Trạng thái tồn tại | | | Mã CTNH | Số lượng (kg) | Biển số xe |
| | | Rắn | Lỏng | Bùn | | | |
| 1 | Phoi sắt dính dầu | x | | | 07 03 11 | 1,029.0 | 34C - 22508 |
| 2 | Giẻ lau dính dầu | x | | | 18 02 01 | 460.0 | 34C - 22508 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Tổng khối lượng | | | | | 1,489.0 | |
| 4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3 | | | | | | | |
| Bắc Giang, ngày 07 tháng 08 năm 2023 Đại diện bên giao (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có) Hoàng Kim Hải | | | | Hải Dương, ngày 07 tháng 08 năm 2023 Đại diện bên nhận (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có) Nguyễn Thị Lê | | | |

| | | | |
|---|--|----------------------------------|-------------|
| TỈNH/THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG | | BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT, CTRSH | |
| Số: | | | |
| 1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty TNHH Vina Dae-A | | | |
| Địa chỉ văn phòng: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang | | ĐT: | |
| Địa chỉ cơ sở: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang | | ĐT: | |
| 2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển, xử lý): Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc | | | |
| Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương | | ĐT: 02206 28 19 19 | |
| Địa chỉ cơ sở xử lý: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương | | ĐT: 02206 28 19 19 | |
| 3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao | | | |
| TT | Các loại chất thải | CTRCNTT chuyển giao (kg) | Ghi chú |
| 1 | Chất thải phải xử lý | CTRSH: 320 kg | 34C - 22508 |
| | | CTRCNTT: 420 kg | 34C - 22508 |
| 2 | Chất thải tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT) | | |
| 3 | Tổng khối lượng | | |
| 4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3 | | | |

Bắc Giang, ngày 07 tháng 08 năm 2023

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)


Hoàng Kim Hải

Hải Dương, ngày 07 tháng 08 năm 2023

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)


Nguyễn Đức Bình

| TỈNH/THÀNH PHỐ Hải Dương | | BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI Số : | | | | | |
|---|------------------|--|------|-----|--|---------------|-------------|
| 1. Bên giao (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty TNHH Vina Dae-A Địa chỉ văn phòng: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang ĐT: Địa chỉ cơ sở: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang ĐT: | | | | | | | |
| 2. Bên nhận (Chủ thu gom, vận chuyển hoặc xử lý): Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.773.669 Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.773.669 | | | | | | | |
| 3. Khối lượng chất thải chuyển giao | | | | | | | |
| TT | Tên chất thải | Trạng thái tồn tại | | | Mã CTNH | Số lượng (kg) | Biển số xe |
| | | Rắn | Lỏng | Bùn | | | |
| 1 | Giẻ lau dính dầu | x | | | 18 02 01 | 380.0 | 34C - 22492 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| Tổng khối lượng | | | | | | 380.0 | |
| 4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3 | | | | | | | |
| Bắc Giang, ngày 29 tháng 08 năm 2023 Đại diện bên giao (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có) <div style="text-align: center; margin-top: 20px;">  Hoàng Kim Hải </div> | | | | | Hải Dương, ngày 29 tháng 08 năm 2023 Đại diện bên nhận (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có) <div style="text-align: center; margin-top: 20px;">  Hoàng Kim Hải </div> | | |

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT, CTRSH

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty TNHH Vina Dac-A

Địa chỉ văn phòng: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc GiangĐT:

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc GiangĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển, xử lý): Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc

Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải DươngĐT: 02206 28 19 19

Địa chỉ cơ sở xử lý: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải DươngĐT: 02206 28 19 19

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

| TT | Các loại chất thải | CTRCNTT chuyển giao (kg) | Ghi chú |
|----|--|----------------------------------|----------------------------|
| 1 | Chất thải phải xử lý | CTRSH: 220 kg CTRCNTT: 350 kg | 34C - 22492 34C - 22492 |
| 2 | Chất thải tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT) | | |
| 3 | Tổng khối lượng | | |

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bắc Giang, ngày 29 tháng 08 năm 2023

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Hoàng Kim Hải

Hải Dương, ngày 29 tháng 08 năm 2023

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Hải
Hq Hải

Số :

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

DT: 02206 28 19 19

Mr. [Signature]

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT, CTRSH

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, thu gom, vận chuyển): Công ty TNHH Vina Dae-A

Địa chỉ văn phòng: Lô C10, KCN Hoa Phú, xã Mai Động, huyện Hoa HớiĐT:

Địa chỉ cơ sở: Tỉnh Bắc GiangĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc

Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải DươngĐT: 02206 281 919

Địa chỉ cơ sở xử lý: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải DươngĐT: 02206 281 919

3. Khối lượng: CTRCNTT, CTRSH chuyển giao

| TT | Các loại chất thải | CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg) | Ghi chú |
|----|--|---------------------------------|-----------|
| 1 | Chất thải phải xử lý | CTRSH: 320 kg | 34C-22508 |
| | | | |
| | | CTR CNTT: 410 kg | 34C-22508 |
| | | | |
| 2 | Chất thải tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT) | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| 3 | Tổng khối lượng | | |

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bắc Giang, ngày 27 tháng 09 năm 2023

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Hải Dương, ngày 27 tháng 09 năm 2023

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

TỈNH/THÀNH PHỐ
Bắc Giang

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI
Số :

1. Bên giao (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty TNHH Vina Dae-A

Địa chỉ văn phòng: Lô CN10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 10, KCN Hoà Phú, xã Mai Đình, huyện Hoà Hiệp, tỉnh Bắc Giang

ĐT:

2. Bên nhận (Chủ thu gom, vận chuyển hoặc xử lý): Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc

Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

ĐT: 02206.281.919

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Khu 1, thị trấn Kê Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

ĐT: 02206.281.919

3. Khối lượng chất thải chuyển giao

| TT | Tên chất thải | Trạng thái tồn tại | | | Mã CTNH | Số lượng (kg) | Biển số xe |
|----|------------------------|--------------------|------|-----|----------|----------------|-------------|
| | | Rắn | Lỏng | Bùn | | | |
| 1 | Giẻ lau dính dầu | x | | | 18 02 01 | 630.0 | 34C - 22508 |
| 2 | Bột sắt dính dầu | x | | | 07 03 11 | 2,870.0 | 34C - 22508 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Tổng khối lượng | | | | | 3,500.0 | |

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bắc Giang, ngày 28 tháng 10 năm 2023

Đại diện bên giao

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)


Hoàng Kim Hải

Hải Dương, ngày 28 tháng 10 năm 2023

Đại diện bên nhận

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)



TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT, CTRSH

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, thu gom, vận chuyển): Công ty TNHH Vira Dale - A

Địa chỉ văn phòng: KCN 10, KCN Hòa Phú, xã Mai Đình, H. Hiệp Hòa - BG DT:

Địa chỉ cơ sở: KCN 10, KCN Hòa Phú, xã Mai Đình, H. Hiệp Hòa - Bắc Giang DT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Minh Phúc

Địa chỉ văn phòng: Khu 1, thị trấn Kê Sắt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương DT: 02206 281 919

Địa chỉ cơ sở xử lý: Khu 1, thị trấn Kê Sắt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương DT: 02206 281 919

3. Khối lượng: CTRCNTT, CTRSH chuyển giao

| TT | Các loại chất thải | CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg) | Ghi chú |
|----|--|---------------------------------|-----------|
| 1 | Chất thải phải xử lý | CTRSH: 210 | 34C-22508 |
| | | | |
| | | CTR CNTT: 450 | 34C-22508 |
| | | | |
| 2 | Chất thải tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT) | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| 3 | Tổng khối lượng | | |

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bác Cường, ngày 28 tháng 10 năm 2023
Bên giao
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)
Hoàng Kim Hải

Hải Dương, ngày 28 tháng 10 năm 2023
Bên nhận
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)